

DỰ THẢO BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và Kế hoạch năm 2019

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tình hình thiết bị:

Hầu hết các tổ máy, thiết bị hoạt động ổn định, tuy có xảy ra một vài sự cố nhưng được khắc phục nhanh chóng, đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, liên tục.

2. Tình hình thủy văn:

Trong năm, tình hình thủy văn trên lưu vực hồ chứa Hàm Thuận tương đối thuận lợi, lưu lượng bình quân nước về hồ là 61,83 m³/s, cao hơn so với cùng kỳ 2017 và TBNN (năm 2017: 56,67 m³/s; TBNN: 51,03 m³/s), đặc biệt trong tháng 8 và 9, hồ Hàm Thuận phải xả điều tiết với tổng lượng nước khoảng 111,54 triệu m³. Ngược lại, lưu lượng bình quân nước về hồ chứa Đa Nhim là 19,94 m³/s, thấp hơn so với cùng kỳ 2017 và TBNN (năm 2017: 39,85 m³/s; TBNN: 22,79 m³/s) nhưng phải xả tràn khoảng 60,5 triệu m³ để điều tiết do lượng nước về tập trung trong tháng 11 và 12. Chi tiết như sau:

Nội dung	ĐVT	Hồ Đa Nhim		Hồ Hàm Thuận	
		2017	2018	2017	2018
Lưu lượng nước vào hồ	m ³ /s	39,85	19,94	56,67	61,34
Tần suất	%	3,32	57,33	28,12	18,80
Lưu lượng nước chạy máy	m ³ /s	25,12	17,82	57,60	61,83
Lưu lượng nước xả bình quân	m ³ /s	14,34	1,88	0,00	3,51
Tổng lượng nước xả qua đập	tr. m ³	452,98	60,50	0,00	111,54
Mức nước hồ đầu kỳ	m	1.042,29	1.042,00	605,10	603,49
Mức nước hồ cuối kỳ	m	1.042,00	1.041,90	603,49	597,84

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác vận hành sản xuất điện:

Kế hoạch sản lượng năm là 2.665 triệu kWh, thực hiện đến ngày 31/12/2018 là 3.069 triệu kWh đạt 115,19 % so với kế hoạch năm. Chi tiết như sau:

Nội dung	KH 2018	TH 2018	TH 2017	TH/KH (%)	SS 2017 (%)
Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	2.665	3.069	3.310	115,19	92,72
Đa Nhim - Sông Pha	1.162	1.048	1.460	90,19	71,78
Hàm Thuận - Đa Mi	1.503	2.021	1.850	134,46	109,24
Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)	2.640	3.048	3.287	115,45	92,73
Đa Nhim - Sông Pha	1.151	1.040	1.449	90,36	71,77
Hàm Thuận - Đa Mi	1.489	2.008	1.838	134,86	109,25
Tỉ lệ tổn thất - tự dùng (%SLĐ)	0,95	0,74	0,71	77,89	104,23
Hệ số khả dụng	95,5	95,27	98,00	99,76	97,21
Tỉ lệ thời gian dừng máy sự cố	0,5	0,01	0,01	2,00	100,00
Tỉ lệ thời gian dừng máy bảo dưỡng	4,0	4,72	1,99	118,00	238,38

Ghi chú:

- Hệ số khả dụng và Tỉ lệ thời gian dừng máy bảo dưỡng không đạt kế hoạch do kéo dài thời gian dừng H1 Hàm Thuận để tiêu tu kết hợp thực hiện lắp đặt, nâng cấp hệ thống điều tốc và điều khiển từ ngày 12/11 đến ngày 10/12.

- Trong các tháng cuối năm 2018, do nhu cầu của Hệ thống điện, Nhà máy Hàm Thuận và Đa Mi phải phát cao nên MNH Hàm Thuận giảm thấp hơn MNDBT khoảng 7,2 m tương ứng sản lượng là 173 triệu kWh.

2. Sửa chữa lớn:

Trong năm 2018, Công ty đăng ký 16 hạng mục (14 công trình đăng ký mới và 02 hạng mục công trình chuyển tiếp) với tổng số tiền là 57,432 tỉ đồng. Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện toàn bộ các hạng mục, công trình. Thực hiện năm 2018 là 49,839 tỉ đồng, đạt 86,78% kế hoạch.

Bổ sung hạng mục phát sinh: “Xử lý sạt lở và đảm bảo thoát nước công trình thủy công Đa Nhim” với giá trị 449 triệu đồng.

Chi tiết đính kèm Phụ lục I: Tình hình thực hiện sửa chữa lớn năm 2018.

3. Công tác cung cấp dịch vụ:

Trong năm, Công ty đã ký kết 45 hợp đồng dịch vụ (trong đó có 11 hợp đồng có giá trị dưới 20 triệu đồng/hợp đồng). Tổng giá trị hợp đồng ký kết khoảng 12,994 tỉ đồng (bao gồm 10% thuế VAT), doanh thu trong năm đạt khoảng 13,603 tỉ đồng.

Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hợp đồng dịch vụ đã ký kết theo đúng tiến độ với chất lượng cao, đảm bảo an toàn và thanh quyết toán từng phần: Thủy điện Xekaman 1-Xekaman Sanxay; Thủy điện Đa Dâng; Thủy điện Hồi Xuân...

4. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
-----	----------	-----	----------	-----------	-----------

I.	Hoạt động sản xuất điện				
1.	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)	Tỉ đồng	1.589,5	2.451,8	154,25
2.	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch tỉ giá)	Tỉ đồng	929,1	884,1	95,16
3.	Lợi nhuận SXKD điện	Tỉ đồng	660,4	1.567,7	237,39
II.	Hoạt động tài chính (không lãi vay)				
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	15,9	23,5	147,62
2.	Chi phí	Tỉ đồng	0	(4,8)	
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	15,9	28,3	177,55
III.	Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)				
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	10,4	13,6	131,43
2.	Chi phí	Tỉ đồng	9,4	10,4	111,99
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	1,0	3,2	306,38
IV.	Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)		677,3	1.599,2	236,08
V.	Tỉ lệ chia cổ tức	%	10	18	180

III. Công tác Đầu tư:

1. Đầu tư xây dựng

1.1. Tóm tắt giải ngân của 3 dự án

Đơn vị tính: Tỉ đồng

Stt	Dự án	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1	Mở rộng NMTĐ Đa Nhim	506,62	459,57	90,71
2	Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	288,26	380,65	132,05
3	Mở rộng NMTĐ Đa Nhim 2	4,82	0,38	7,90
	Tổng cộng	799,70	840,60	105,11

- Giá trị giải ngân của Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim không đạt kế hoạch do tiến độ thi công đường hầm bị chậm.

- Giá trị giải ngân của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi cao hơn kế hoạch do:

+ Theo kế hoạch, phao sẽ nhập khẩu từ nước ngoài nhưng Nhà thầu gói DMS-9 đã tổ chức sản xuất trong nước nên tăng giá trị tạm ứng.

+ Nhà thầu gói DMS-8 đã nỗ lực sản xuất, chế tạo, cung cấp toàn bộ thiết bị pin, inverter, máy biến thế... sớm hơn kế hoạch nên giá trị thanh toán phần thiết bị cao hơn.

1.2. Tình hình thực hiện:

a) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim:

Hầu hết các hạng mục đều đáp ứng tiến độ theo hợp đồng trừ công tác khoan đường hầm (dự kiến hoàn thành toàn bộ trong tháng 4/2020). Công ty đã đưa tổ máy H5 Đa Nhim vào vận hành thử thách 72 giờ từ ngày 30/12/2018 với công suất 45MW.

b) Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi:

Về công tác ĐBGPMB, Công ty đã tiến hành chi trả cho 21/29 hộ dân thuộc huyện Hàm Thuận Bắc và 16/16 hộ dân thuộc huyện Tánh Linh. Đến 31/03/2019, còn 2/8 hộ dân thuộc huyện Hàm Thuận Bắc chưa đồng ý đơn giá bồi thường, hỗ trợ đã được điều chỉnh trong các khoảng trụ 4 đến 5 và 8 đến 9 thuộc hành lang tuyến 110kV. Dự kiến hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ trong tháng 04/2019.

Công ty đã đàm phán với Nhà tài trợ ADB và đang trình cơ quan cấp thẩm quyền xem xét thông qua hợp đồng vay vốn. Tuy nhiên, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có văn bản chỉ đạo số 6904/EVN-TCKT ngày 26/12/2018, theo đó nguồn vốn để thực hiện dự án sẽ được thu xếp từ nguồn vốn khác hoặc tự cân đối nguồn vốn hiện có của Công ty để đầu tư cho Dự án.

Hiện tại, Công ty đang thực hiện song song 2 PA: (i) Vay ADB, tiếp tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn vay; (ii) Vay trong nước, đang trong quá trình xem xét hồ sơ đề xuất của các Nhà tài trợ trong nước cung cấp khoản vay vốn cho Dự án.

c) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2:

Công ty tiếp tục phối hợp với Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tiến hành khảo sát, phân tích, giải trình bổ sung giải pháp tổng thể để đảm bảo lợi ích về phát điện và cấp nước hạ du theo đề nghị của UBND tỉnh Ninh Thuận.

2. Công tác đầu tư phát triển:

Trong năm 2018, Công ty đăng ký 13 hạng mục với tổng số tiền là 46,41 tỉ đồng. Công ty đã tổ chức thực hiện hoàn tất 12/13 hạng mục với tổng giá trị là 44,65 tỉ đồng đạt 96,2% kế hoạch, 01 hạng mục chuyển tiếp sang năm 2019 là Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận.

3. Công tác đầu tư tài chính:

Kế hoạch góp vốn năm 2018 là 15,4 tỉ đồng. Năm 2018, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào TBW do EVN chưa hoàn tất công tác thoái vốn tại TBW.

Chi tiết đính kèm Phụ lục II: Tình hình thực hiện kế hoạch mua sắm TSCĐ bằng nguồn vốn KHCB/ĐTPT năm 2018.

IV. CÔNG TÁC TỐI ƯU HÓA

Trong năm 2018, Công ty đã triển khai thực hiện kế hoạch tối ưu hóa chi phí theo chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty Phát điện 1. Kết quả thực hiện như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Chỉ tiêu	KH. TUH	Thực hiện 2018	TH/KH (%)
-----	----------	-----	----------	----------	---------	----------------	-----------

			2018				
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665	Tăng		3.069	115,19
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640	Tăng		3.048	115,45
3.	Tỷ lệ tổn thất và tự dùng	%SLĐ	0,95	Giảm		0,74	77,89
4.	Hệ số khả dụng	%	95,5	Tăng		95,27	99,76
5.	Tỷ lệ dừng máy do sự cố	%	0,5	Giảm		0,01	2,00
6.	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	4,0	Giảm		4,72	118,00
7.	Giá bán điện bình quân	đ/kWh	565,71	Tăng		762,64	134,81
8.	Doanh thu SXD	Tr.đồng	1.493.478	Tăng		2.325.132	155,68
9.	Giá trị tồn kho	Tr.đồng	34.846	-3%	33.801	39.185	112,45
10.	Đấu thầu qua mạng	Gói thầu	CHCT $\geq 50\%$			62%(28/45)	124,44
			ĐTRR, ĐTHC $\geq 40\%$			72%(8/11)	181,82
11.	Chi phí	Tr.đồng					
11.1	Chi phí vật liệu	Tr.đồng	6.922	-7,5%	6.403	4.926	71,16
11.2	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	10.173	-7,5%	9.410	6.591	64,79
11.3	Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	29.296	-12%	27.099	26.953	92,00
11.4	Chi phí SCL	Tr.đồng	57.432	-7,5%	53.125	49.839	86,78

Phần II

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SXKD, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim: Hoàn thành hạng mục khoan hầm trong năm 2019 và vận hành phát điện thương mại với công suất 80MW trong tháng 4/2020.

Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi: Hoàn thành và phát điện trước 30/6/2019.

Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim giai đoạn 2: Tiếp tục giải trình và hoàn thiện hồ sơ bổ sung quy hoạch.

Tiếp tục cải tạo, nâng cấp các NMTĐ Hàm Thuận, Đa Mi, Sông Pha.

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

Căn cứ công văn số 454/EVNGENCO1-TH ngày 27/11/2018 của Chủ tịch Tổng công ty Phát điện 1 về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2019 của DHD, Công ty đăng ký kế hoạch chi tiết như sau:

1. Các chỉ tiêu về kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1.	Sản lượng điện sản xuất (triệu kWh)	2.665
	<i>Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim mở rộng</i>	<i>1.090</i>
	<i>Hàm Thuận - Đa Mi</i>	<i>1.543</i>
	<i>Điện mặt trời Đa Mi</i>	<i>32</i>
2.	Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)	2.640
	<i>Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim mở rộng</i>	<i>1.080</i>
	<i>Hàm Thuận - Đa Mi</i>	<i>1.529</i>
	<i>Điện mặt trời Đa Mi</i>	<i>31</i>
3.	Tỉ lệ tổn thất và tự dùng (%SLĐ)	0,99
4.	Hệ số khả dụng	96,21
5.	Tỉ lệ thời gian dừng máy bảo dưỡng	3,29
6.	Tỉ lệ thời gian dừng máy sự cố	0,50

Chi tiết đính kèm các phụ lục:

Phụ lục III: Tổng hợp kế hoạch sản lượng điện năm 2019.

Phụ lục III.1: Tình hình thủy văn năm 2018 và dự báo năm 2019.

2. Công tác sửa chữa lớn:

Công ty đăng ký 16 hạng mục, công trình với tổng số vốn khoảng 65,487 tỉ đồng. Trong đó, hạng mục phân bổ chi phí bánh xe công tác cho 2 tổ máy H1 và H3 Đa Nhim khoảng 18,538 tỉ đồng (Phân bổ từ 2017 - 2020). Ngoài các hạng mục sửa chữa lớn đã

được duyệt, các thiết bị còn lại cũng được đưa ra sửa chữa thường xuyên và kiểm tu theo đúng định kỳ.

Chi tiết đính kèm phụ lục IV: Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019

3. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Công ty đăng ký kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
I.	Hoạt động sản xuất điện		
1.	Doanh thu (đã bao gồm lãi tiền gửi)	Tỉ đồng	1.687,5
2.	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch tỉ giá)	Tỉ đồng	1.021,4
3.	Lợi nhuận SXKD điện	Tỉ đồng	666,1
II.	Hoạt động tài chính (không lãi vay)		
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	20,3
2.	Chi phí	Tỉ đồng	-
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	20,3
III.	Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)		
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	10,1
2.	Chi phí	Tỉ đồng	9,3
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	0,8
IV.	Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)	Tỉ đồng	687,2
V.	Tỉ lệ cổ tức	%	10

Chi tiết đính kèm các phụ lục:

Phụ lục V: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Phụ lục V.1: Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

III. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ:

1. Đầu tư xây dựng:

a) Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim:

Kế hoạch giải ngân là 214,69 tỉ đồng; Hoàn thành công tác khoan đường hầm.

b) Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim (Gđ2): Tiếp tục công tác chuẩn bị đầu tư, kế hoạch vốn giải ngân là 2,27 tỉ đồng.

c) Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi:

Kế hoạch giải ngân là 721,31 tỉ đồng; Hoàn thành và vận hành phát điện thương mại trước 30/6/2019.

2. Đầu tư phát triển:

Mua sắm máy móc, trang thiết bị gồm 16 hạng mục (Bao gồm 01 hạng mục công trình chuyển tiếp từ năm 2018 và 15 hạng mục đăng ký mới năm 2019) với tổng vốn là 72,22 tỉ đồng.

Phụ lục VI: Kế hoạch mua sắm TSCĐ bằng nguồn vốn KHCB/ĐTPT năm 2019 và các báo cáo dự án đính kèm.

Phụ lục VI.1: Tình hình thực hiện năm 2018 và kế hoạch năm 2019 dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim.

Phụ lục VI.2: Tình hình thực hiện năm 2018 và kế hoạch năm 2019 dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

IV. CHỈ TIÊU TỐI ƯU HÓA CHI PHÍ:

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Chỉ tiêu	Giá trị	Kế hoạch TUIH
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665	Tăng	-	
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640	Tăng	-	
3.	Tỷ lệ tổn thất và tự dùng	%SL	0,99	Giảm	-	
4.	Hệ số khả dụng	%	96,21	Tăng	-	
5.	Tỉ lệ thời gian dừng máy bảo dưỡng	%	3,29	Giảm	-	
6.	Tỉ lệ thời gian dừng máy sự cố	%	0,5	Giảm	-	
7.	Giá trị tồn kho	Tr.đồng	39.185	-3%	-1.175	38.010
8.	Đấu thầu qua mạng	Gói thầu	CHCT: $\geq 50\%$ ĐTRR, ĐTHC: $\geq 40\%$			
9.	Chi phí	Tr.đồng				
9.1	Chi phí vật liệu	Tr.đồng	10.085	-7,5%	-756	9.329
9.2	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	12.181	-7,5%	-914	11.267
9.3	Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	33.726	-12%	-4.047	29.679
9.4	Chi phí SCL	Tr.đồng	65.487	-7,5%	-4.912	60.575

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2019

1. Mục tiêu:

Đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả các tổ máy phát điện và hệ thống công trình; thực hiện tốt các chỉ số kỹ thuật về tỷ lệ điện tự dùng, hệ số khả dụng, tỷ lệ thời gian dừng máy sự cố và tỷ lệ thời gian dừng máy bảo dưỡng.

Hoàn thành vượt mức kế hoạch kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức.

Vận hành tối ưu các hồ chứa, tích nước các hồ chứa đạt mực nước cao nhất vào cuối năm.

Hoàn thành các chỉ tiêu trong đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; kế hoạch tối ưu hóa chi phí; kế hoạch quản trị rủi ro trong Công ty.

Hoàn tất các thủ tục đưa đưa tổ máy 5 vào vận hành thương mại với công suất 45MW; đẩy nhanh tiến độ khắc phục sự cố sạt trượt để hoàn thành công tác khoan hầm trong năm 2019, vận hành phát điện thương mại với công suất 80MW trong tháng 4/2020.

Đảm bảo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi vận hành phát điện thương mại trước 30/6/2019.

2. Nhiệm vụ và giải pháp:

Phân công, theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống thiết bị, công trình; có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng và các phương án xử lý sự cố; xử lý nhanh chóng, chính xác sự cố khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố chủ quan.

Theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống truyền tải, nguồn điện; tính toán, dự báo tình hình thủy văn để vận hành tối ưu các hồ chứa; bố trí, huy động nhân lực sửa chữa hợp lý,...để thực hiện chào giá hiệu quả nhằm tăng tối đa doanh thu từ thị trường điện.

Phối hợp Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du trong mùa khô 2019.

Nâng cao chất lượng SCL từ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống thiết bị, công trình.. Triển khai BDSC công trình kiểu mẫu để rút kinh nghiệm và nhân rộng.

Tiếp tục tổ chức, nâng cao chất lượng đào tạo cho lực lượng vận hành, sửa chữa; cán bộ quản lý, kỹ thuật... có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu vận hành và sửa chữa hệ thống thiết bị.

Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong BDSC.

Thực hiện tốt các giải pháp trong kế hoạch tối ưu hóa chi phí; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng.

Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; nâng cao tỉ lệ đấu thầu rộng rãi, qua mạng; hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp.

Rà soát, hiệu chỉnh các quy chế, quy định về quản lý nội bộ và tổ chức triển khai áp dụng nghiêm túc, hiệu quả; điều chỉnh quy chế trả lương, thưởng theo hướng khuyến khích, động viên người lao động đóng góp nhiều và hiệu quả cho Công ty.

Tổ chức đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực mũi nhọn, có khả năng giải quyết công việc ở nhiều lĩnh vực khó và mới.

Thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và PCLB; bảo đảm trật tự, an ninh khu vực.

Tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị, công trình; phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận thực hiện tốt kế hoạch công tác phòng chống lụt bão.

Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình.

Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim:

- Hoàn tất các thủ tục pháp lý để đưa tổ máy 5 vào vận hành thương mại với công suất 45MW;

- Phối hợp với TVGS, TVTK và nhà thầu tổ chức khắc phục nhanh chóng sự cố sạt trượt đường hầm, sửa chữa TBM để sớm thi công trở lại;

- Hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh kế hoạch chi phí, nghiệm thu, quyết toán A-B, quyết toán hạng mục.

Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi:

Tích cực, chủ động phối hợp các nhà thầu thực hiện hoàn thành các hạng mục công việc theo đúng tiến độ hợp đồng.

Khẩn trương hoàn thành các hồ sơ xin cấp phép giấy hoạt động điện lực;

Chủ động thực hiện đồng thời các công việc để đảm bảo tiến độ đóng điện vận hành đường dây và trạm biến áp 110kV trước 30/4/2019; phát điện trạm Inverter A (20MWp) trước 20/5/2019 và hoàn thành toàn bộ trước ngày 15/6/2019.

Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - giai đoạn 2:

Tích cực phối hợp PECC2 giải trình các đề xuất của tỉnh Ninh Thuận để hoàn thiện hồ sơ bổ sung quy hoạch.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quang

Phụ lục I:
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2018
(Đính kèm Báo cáo số...../BC-TĐHĐ ngày...../...../2019)

STT	Tên danh mục	Giá trị dự toán	KH năm 2018	TH năm 2018	Tình hình thực hiện
	Tổng cộng	59.062	57.930	49.839	
I	Công trình chuyển tiếp từ năm 2017	5.935	4.803	4.572	
1	SCL công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	3.871	3.715	3.710	Hoàn tất
2	Đại tu tổ máy H2 Đa Nhim	2.064	1.088	862	Hoàn tất
II	Công trình đăng ký mới năm 2018	53.127	53.127	45.267	
	Thiết bị công nghệ	43.706	43.706	36.862	
1	Đại tu tổ máy H2 Đa Mi	2.391	2.391	1.536	Hoàn tất
2	Đại tu tổ máy H1 Đa Nhim	5.472	5.472	1.627	Hoàn tất
3	Đại tu tổ máy H5 Sông Pha	4.310	4.310	3.878	Hoàn tất
4	Trung tu hệ thống thiết bị phụ dịch Hàm Thuận - Đa Mi	1.066	1.066	1.130	Hoàn tất
5	Trung tu hệ thống thiết bị điện và nước khu văn phòng Bảo Lộc	3.894	3.894	2.692	Hoàn tất
6	Trung tu trạm phân phối 220kV & 110kV Đa Nhim - Sông Pha	1.784	1.784	1.493	Hoàn tất
7	Trung tu hệ thống thiết bị trạm và đường dây 22kV, 6,6kV Đa Nhim - Đập tràn Đơn Dương	1.263	1.263	781	Hoàn tất
8	Trung tu Hệ thống thiết bị Thông tin, Thủy văn, Cảnh báo, Mạng máy tính, Camera	4.988	4.988	5.163	Hoàn tất
9	Phân bổ chi phí BXCT	18.538	18.538	18.562	Hoàn tất
	Công trình thủy công và xây dựng	9.421	9.421	8.405	
10	SCL công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận, Đa Mi	3.832	3.832	3.759	Hoàn tất
11	SCL công trình thủy công khu vực hạ lưu đập Đơn Dương	370	370	254	Hoàn tất
12	Sửa chữa sân máy biến thế Đa Nhim, nhà làm việc hành chính, nhà kho và nhà trực vận hành khu vực Đa Nhim - Sông Pha	2.256	2.256	1.854	Hoàn tất
13	Sửa chữa nhà trực vận hành khu vực nhà máy Hàm Thuận - Đa Mi	2.135	2.135	2.089	Hoàn tất
14	Xử lý sạt lở và đảm bảo thoát nước công trình thủy công Đa Nhim	498	498	449	Bổ sung tháng 10/2018. Hoàn
15	Sửa chữa lớn các xe ô tô	330	330	-	

Phụ lục II:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ BẰNG NGUỒN VỐN KH/ĐTPT NĂM 2018

(Đính kèm Báo cáo số...../BC-TĐHD ngày...../...../2019)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Hạng mục công trình	ĐVT	Kế hoạch	TH năm 2018	Tình hình thực hiện
A	TỔNG CỘNG (A+B)		861.525	885.256	
A	Đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển		846.125	885.256	
I	Đầu tư xây dựng		799.708	840.606	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA	506.621	459.572	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>		<i>447.641</i>	<i>380.379</i>	
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>58.980</i>	<i>79.193</i>	
2	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2)	DA	4.825	380	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>		<i>-</i>		
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>4.825</i>	<i>380</i>	
3	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA	288.262	380.654	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>		<i>193.028</i>	<i>339.354</i>	
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>95.234</i>	<i>41.300</i>	
II	Đầu tư phát triển		46.417	44.650	
1	Nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, bảo vệ cho tổ máy số 1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn nhà máy thủy điện Hàm Thuận:	HT	29.497	29.497	Hoàn tất
1,1	<i>Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều tốc tổ máy H1 Hàm Thuận</i>		<i>9.886</i>	<i>9.886</i>	Hoàn tất
1,2	<i>Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ tổ máy H1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận</i>		<i>19.187</i>	<i>19.187</i>	Hoàn tất
1,3	<i>Lập hồ sơ thiết kế, hiệu chỉnh lại thoả thuận hệ thống SCADA/EMS Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi sau khi chuyển đổi truyền tín hiệu từ RTU sang sử dụng gate way theo IEC 60870.5.104</i>		<i>425</i>	<i>425</i>	Hoàn tất

2	Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (giai đoạn 2)	HT	11.850	13.039	Hoàn tất
3	Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận	HT	2.500	40	Trong năm 2018 chỉ thanh toán khối lượng thăm tra và thiết kế. Chuyển tiếp sang năm 2019
4	Máy đo tỷ số biến	máy	298	194	Hoàn tất
5	Máy đo điện trở tiếp xúc	máy	250	189	Hoàn tất
6	Máy tạo nhiệt độ chuẩn	máy	240	174	Hoàn tất
7	Máy đo điện trở cách điện (Megger)	máy	120	77	Hoàn tất
8	Bơm nước di động (02 cái)	cái	300	115	Hoàn tất
9	Máy hàn TIG 2200i AC/DC	máy	100	131	Hoàn tất
10	Máy đột lỗ thủy lực 2 chiều	máy	163	204	Hoàn tất
11	Bấm đầu cose thủy lực	bộ	75	65	Hoàn tất
12	Máy đo cường độ điện trường	máy	236	236	Chuyển tiếp từ năm 2017. Hoàn tất
13	Máy phân tích đáp ứng tần số máy biến thế (FRA)	máy	788	689	Hoàn tất
B	Đầu tư tài chính		15.400	-	
1	Góp vốn vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình		15.400	-	

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Phụ lục III.1:
TÌNH HÌNH THỦY VĂN NĂM 2018 VÀ DỰ BÁO NĂM 2019
 (Đính kèm Báo cáo số...../BC-TĐHD ngày...../...../2019)

Nhà máy thủy điện Đa Nhim

Tháng	Nước về thực tế năm 2018		Dự báo nước về năm 2019			Tần suất chọn tương đương 65%
	Q về (m3/s)	Tần suất (%)	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	
1	23,58		13,21	11,42	7,61	37,64
2	13,19		7,93	6,14	2,33	11,78
3	11,20		6,29	4,50	2,69	10,57
4	8,01		8,51	6,72	2,91	7,68
5	12,14		15,34	13,55	7,74	13,13
6	9,98		17,83	16,04	12,23	15,69
7	9,15		17,98	16,19	12,38	18,16
8	7,94		19,26	17,47	13,66	18,06
9	33,37		29,85	28,06	24,25	31,10
10	30,37		43,89	42,10	38,29	40,88
11	18,59		41,94	40,15	36,34	36,32
12	14,75		28,77	26,98	23,17	22,56
Trung bình	16,02		20,90	19,11	15,30	21,96

Nhà máy thủy điện Hàm Thuận

Tháng	Nước về thực tế năm 2018		Dự báo nước về năm 2019			Tần suất chọn tương đương 65%
	Q về (m3/s)	Tần suất (%)	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	
1	19,77		15,13	12,78	9,68	14,52
2	13,95		8,15	7,71	5,94	9,27
3	14,73		6,61	5,48	3,12	14,75
4	14,87		9,90	7,56	3,98	7,44
5	23,09		16,77	12,05	4,93	11,40
6	42,71		31,90	25,42	19,26	27,70
7	139,30		80,20	62,43	47,56	58,04
8	176,89		112,52	107,75	98,78	98,72
9	94,19		121,63	116,86	108,89	121,15
10	85,03		116,24	111,47	103,50	112,03
11	45,49		60,10	55,51	45,36	56,27
12	25,12		25,80	22,72	13,06	25,89
Trung bình	57,93		50,41	45,64	38,67	46,43

Phụ lục IV:
KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2019
(Đính kèm Báo cáo số...../BC-TĐHĐ ngày...../...../2019)

STT	Tên danh mục	KH năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng	65.487	
	Thiết bị công nghệ	46.025	
1	Đại tu tổ máy H2 Hàm Thuận	3.703	
2	Đại tu tổ máy H3 Đa Nhim	4.430	
3	Đại tu tổ máy H2 Sông Pha	6.944	
4	Đại tu tổ máy H4 Sông Pha	6.873	
5	Trung tu hệ thống thiết bị Đập tràn và Cửa nhận nước Hàm Thuận	1.323	
6	Trung tu hệ thống thiết bị Đập tràn và Cửa nhận nước Đa Nhim	1.160	
7	Trung tu hệ thống thiết bị cầu trục gian máy, máy công cụ máy lọc dầu Đa Nhim - Sông Pha	800	
8	Trung tu xuất tuyến 230kV - 110kV Hàm Thuận - Đa Mi	2.254	
9	Phân bổ chi phí BXCT	18.538	Phân đều 4 quý
	Công trình thủy công và xây dựng	19.462	
10	Sửa chữa công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận và Đa Mi	4.035	
11	Sửa chữa công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	5.757	
12	Sửa chữa Công trình nhà TTDVKT, nhà trực vận hành và sửa chữa khu vực Đa Nhim - Sông Pha	2.000	
13	Sửa chữa công trình nhà trực vận hành khu vực Hàm Thuận - Đa Mi	1.829	
14	Khảo sát, lập phương án xử lý nền tuyến đường ống áp lực nhà máy thủy điện Đa Nhim và Sông Pha	4.800	
15	Xử lý sạt lở mái taluy âm ngã 3 đường vào giếng điều áp và nhà van công trình thủy điện Đa Nhim	711	Theo QĐ 49/QĐ-TĐHĐ ngày 30/01/2019 của Chủ tịch HĐQT
16	Sửa chữa các xe ô tô	330	

Phụ lục V:

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

(Đính kèm Báo cáo số...../BC-TĐHĐ ngày...../...../2019)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	Tỉ Lệ TH/KH	KH 2019 hiện hữu	KH 2019 ĐNMR	KH 2019 NLMT	KH 2019 tổng cộng
I	Hoạt động sản xuất điện								
1	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)		1.589.478	2.451.845	154,25	1.505.682	114.080	67.792	1.687.554
2	Chi phí (bao gồm các khoản tăng giảm)	Tr.đồng	929.066	884.121	95,16	793.720	144.097	83.596	1.021.413
3	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	Tr.đồng	660.412	1.567.724	237,39	711.962	(30.017)	(15.803)	666.142
III	Hoạt động tài chính (không lãi vay)	Tr.đồng							
1	Doanh thu	Tr.đồng	15.947	23.542	147,62	20.309	-	-	20.309
2	Chi phí	Tr.đồng	-	(4.773)		-	-	-	-
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	15.947	28.315	177,55	20.309	-	-	20.309
III	Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)								
1	Doanh thu	Tr.đồng	10.350	13.603	131,43	10.133	-	-	10.133
2	Chi phí	Tr.đồng	9.315	10.432	111,99	9.315	-	-	9.315
3	Lợi nhuận HĐ khác	Tr.đồng	1.035	3.171	306,38	818	-	-	818
IV	Tổng cộng lợi nhuận	Tr.đồng	677.394	1.599.210	236,08	733.088	(30.017)	(15.803)	687.268

Phụ lục V.1:
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019
(Đính kèm Báo cáo số...../BC-TĐHD ngày...../...../2019)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	TH/KH 2018 (%)	KH 2019 hiện hữu	KH 2019 ĐNMR	KH 2019 NLMT	KH 2019 tổng cộng
I	Hoạt động sản xuất kinh doanh điện								
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665,0	3.070,0	115,2%	2.580	52	32,5	2.664,5
2	Tự dùng		25,0	21,2	84,8%	23	0,6	0,7	24,7
3	Sản lượng điện giao, bán cho EVN		99,062%	0,691%	0,7%				-
4	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640,0	3.048,8	115,5%	2.557	51	32	2.640
5	Giá bán điện bình quân	đ/kWh	565,71	762,64	134,8%	547,86	347,23	2.131,84	593,94
6	Doanh thu	Tr.đồng	1.493.478	2.325.132	155,7%	1.400.682	114.080	67.792	1.582.554
7	Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)	Tr.đồng	96.000	126.713	132,0%	105.000	-		105.000
8	Chi phí	Tr.đồng	861.555	840.914	97,6%	774.538	79.097	83.596	937.231
	Vật liệu	Tr.đồng	6.922	4.926	(1.996)	7.268	1.817	1.000	10.085
	Lương và BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đồng	97.330	89.130	(8.200)	99.621	-	884	100.505
	- Lương	Tr.đồng	82.379	81.962	(417)	83.863			83.863
	- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đồng	14.696	6.913	(7.783)	15.431		884	16.315
	- Thù lao HĐQT & BKS	Tr.đồng	255	255	-	327	-	-	327
	Khấu hao TSCĐ (Chưa tính tới việc đánh giá lại TS)	Tr.đồng	271.872	225.289	(46.583)	186.021	53.866	48.140	288.027
	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	10.173	6.591	(3.582)	10.681	1.000	500	12.181
	- Chi phí mua điện	Tr.đồng	3.144	3.041	(103)	3.301	500	250	4.051
	- Các khoản DVMN khác	Tr.đồng	7.029	3.550	(3.479)	7.380	500	250	8.130
	Chi phí SCL	Tr.đồng	57.432	49.839		65.487			65.487
	Chi phí bằng tiền	Tr.đồng	417.826	465.139		405.460	22.414	33.072	460.945
	- Thuế tài nguyên	Tr.đồng	227.126	262.300	35.174	222.262	4.167	-	226.429

	- Phí dịch vụ MTR	Tr.đồng	95.040	109.758	14.718	92.038	1.850	-	93.888
	- Phí cấp tiền khai thác tài nguyên nước		30.697	33.989		29.761	1.108		30.869
	- Tiền thuê đất	Tr.đồng	1.893	753		1.893	500	100	2.493
	- Lãi tiền vay	Tr.đồng	31.200	29.129		26.220	13.606	30.915	70.741
	- Ăn ca	Tr.đồng	2.425	2.196		2.525	184	92	2.800
	- Dự phòng TCMVL	Tr.đồng	150	61					-
	- Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	29.296	26.953		30.761	1.000	1.965	33.726
9	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	Tr.đồng	727.923	1.610.931		731.144	34.983	(15.803)	750.324
10	Các khoản tăng, giảm giá thành điện	Tr.đồng	(67.511)	(43.207)		(19.182)	(65.000)	-	(84.182)
	Chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	(67.511)	(43.207)		(19.182)	(65.000)		(84.182)
	- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	Tr.đồng							-
	- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Tr.đồng	(67.511)	(43.207)					-
	Giảm giá thành từ khoản thu về cho thuê cột điện	Tr.đồng							-
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi	Tr.đồng							-
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	Tr.đồng	-	-		-	-	-	-
11	Lợi nhuận SXKD điện (sau tăng, giảm các khoản trên)	Tr.đồng	660.412	1.567.724		711.962	(30.017)	(15.803)	666.142
12	Giá thành điện bình quân	đ/kWh	351,9	290,0		310,5	2.804,7	2.628,8	
13	Hoạt động tài chính (không lãi vay)	Tr.đồng							
	Doanh thu	Tr.đồng	15.947	23.542		20.309	-	-	20.309
	- Thu lợi nhuận từ cty cổ phần	Tr.đồng	15.947	23.542		20.309			20.309
	- Lãi và phí cho vay lại	Tr.đồng							-
	Chi phí	Tr.đồng	-	(4.773)		-	-	-	-
	Lợi nhuận	Tr.đồng	15.947	28.315		20.309	-	-	20.309
III	Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)								-
	Doanh thu	Tr.đồng	10.350	13.603		10.133	-	-	10.133
	- Doanh thu dịch vụ	Tr.đồng	10.350	13.603	131,4%	10.133		-	10.133

	- Thu nhập khác	Tr.đồng				-	-	-	-
	Chi phí	Tr.đồng	9.315	10.432		9.315	-	-	9.315
	- Chi phí dịch vụ	Tr.đồng	9.315	10.432		9.315			9.315
	- Chi phí khác	Tr.đồng				-	-	-	-
	Lợi nhuận HĐ khác	Tr.đồng	1.035	3.171		818	-	-	818
IV	Tổng cộng lợi nhuận	Tr.đồng	677.394	1.599.210	236,1%	733.088	(30.017)	(15.803)	687.268
	Bù lỗ giai đoạn CPH								
	Nộp thuế TNDN	Tr.đồng	135.530	316.746		146.683	(6.003)	(3.161)	137.519
	Lợi nhuận sau thuế TNDN, sau bù lỗ	Tr.đồng	541.864	1.282.464		586.405	(24.013)	(12.643)	549.749
V	Phân phối lợi nhuận (dự kiến)	Tr.đồng	541.864	1.282.464		587.127	(24.013)	(12.643)	550.471
	- Lãi CLTG giữ lại								-
	- Quỹ dự phòng tài chính (10% LNST)	Tr.đồng							-
	- Chia cổ tức	Tr.đồng	422.400	760.320					422.400
	- Quỹ ĐTPT (<30%)		35.839	384.739					38.205
	- Quỹ KTPL (3 tháng lương)	Tr.đồng	18.518	17.031					20.966
	- Quỹ thưởng ban điều hành	Tr.đồng	722	637				-	722
	- Lợi nhuận để lại		64.385	119.737					68.179
	Mức cổ tức	Tr.đồng	10%	18%					10%

Phụ lục VI:
KẾ HOẠCH MUA SẴM TSCĐ BẰNG NGUỒN VỐN KH/ĐTPT NĂM 2019

(Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐHD ngày / /2019)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	KH 2019	Tình hình thực hiện
A	Đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển				1.010.495	
I	Đầu tư xây dựng			-	938.275	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA			214.693	
	Vốn vay				183.251	
	Vốn đối ứng				31.442	
2	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2)	DA			2.271	
	Vốn vay					
	Vốn đối ứng				2.271	
3	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA			721.311	
	Vốn vay				687.000	
	Vốn đối ứng				34.311	
II	Đầu tư phát triển				72.220	
	Hạng mục chuyển tiếp năm 2018				1.700	
1	Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận	HT	1	1.700	1.700	Trong năm 2018 chỉ thanh toán tạm ứng phần thiết kế.
	Hạng mục đăng ký mới năm 2019				70.520	
1	Nâng cấp hệ thống giám sát trực tuyến H1 Hàm Thuận	HT	1	3.100	3.100	
2	Nâng cấp hệ thống kích từ tổ máy H2 Hàm Thuận	HT	1	13.600	13.600	
3	Nâng cấp hệ thống điều khiển tổ máy H2 Hàm Thuận	HT	1	19.500	19.500	
4	Nâng cấp hệ thống điều tốc tổ máy H2 Hàm Thuận	HT	1	13.620	13.620	
5	Thiết bị kiểm tra cảm biến độ rung, độ đảo	Cái	1	700	700	
6	Xe tải gắn gầu nâng người làm việc trên cao	Xe	1	1.000	1.000	
7	Hệ thống chuyển đổi nguồn tự động cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	HT	1	1.300	1.300	
8	Hệ thống giám sát lưu lượng chạy máy	HT	2	1.300	2.600	

9	Nâng cấp hệ thống đo mưa khu vực hồ Hàm Thuận	HT	1	1.500	1.500	
10	Hệ thống camera bảo vệ khu vực Đa Mi	HT	1	2.500	2.500	
11	Nâng cấp, thay thế Relay bảo vệ thanh cái trạm 230kV Đa Nhim	HT	1	3.000	3.000	
12	Hợp bộ máy cắt đầu cực Nhà máy Hàm Thuận	Bộ	1	6.250	6.250	Thực hiện 2019-2020. Tổng giá 25 tỉ, năm 2019 tạm ứng 25% giá trị gói thầu.
13	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	Xe	1	900	900	
14	Xe tải nhỏ 02 chỗ ngồi	Xe	2	300	600	
15	Ca nô	Chiếc	1	350	350	

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Phụ lục VI.3:
THUYẾT MINH
VỀ VIỆC MUA SẮM CÁC MÁY MÓC, THIẾT BỊ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN
ĐTPT THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019
Đính kèm Báo cáo số...../BC-TĐHD ngày...../...../2019

Trong năm 2019, ngoài các hạng mục đã được Hội đồng quản trị thông qua và chuyển tiếp từ năm 2018, Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đăng ký mới các hạng mục mua sắm máy móc, thiết bị được thực hiện theo hình thức mua sắm tài sản cố định không hình thành dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển của Công ty như sau:

I. CÁC HẠNG MỤC CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2018:

1. Hệ thống xả dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận

Hệ thống xả dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận” nhằm đáp ứng yêu cầu của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 1783/GP-BTNMT, do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 24/7/2017. Trong đó yêu cầu: “Khi mực nước hồ Hàm Thuận cao hơn 594m, bảo đảm duy trì lưu lượng xả thường xuyên, liên tục sau đập Hàm Thuận về hạ du sông La Ngà không nhỏ hơn 2,9 m³/s.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: 1.700 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT).

Nguồn vốn: ĐTPT của Công ty.

Yêu cầu kỹ thuật

Hệ thống được thiết kế, gồm 04 bộ van và các thiết bị liên quan, được chia đều trên 02 cửa van cung số 1 và số 5, để cung cấp lưu lượng nước tối thiểu là 2,9m³/s xuống hạ lưu đập Hàm Thuận khi mực nước hồ ở trên cao trình 594m.

Ứng dụng của hệ thống thiết bị:

Xả được lưu lượng tối thiểu sau đập Hàm Thuận, đạt 2,9m³/s khi mực nước hồ ở trên cao trình 594m.

Vị trí lắp đặt

Các thiết bị chính của hệ thống được lắp đặt trên cửa van cung số 1 và số 5 của đập tràn Hàm Thuận.

Hồ sơ thiết kế

Hồ sơ thiết kế được lập bởi Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện và Môi trường Quốc tế, theo Hợp đồng số 111/2018/TĐĐHĐ-IPCEC, ngày 23/5/2018 về việc “Thiết kế hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận”;

Hồ sơ thiết kế được thẩm tra bởi Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, theo Hợp đồng số 0630/2018/HĐTV-TĐĐHĐ-PECC3, ngày 17/8/2018 về việc “Thẩm tra thiết kế hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận”

II. CÁC HẠNG MỤC ĐĂNG KÝ MỚI NĂM 2019:

1. Nâng cấp hệ thống giám sát trực tuyến H1 Hàm Thuận

Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đang quản lý và vận hành 04 nhà máy với 13 tổ máy phát; tại các nhà máy Đa Nhim, Hàm Thuận và Đa Mi hiện đã trang bị hệ thống giám sát trực tuyến (HTGSTT) đo độ rung, độ đảo trục của các ổ trục.

HTGSTT H1 Hàm Thuận đưa vào vận hành năm 2009 do Công ty Cổ Phần Vật Tư Và Thiết Bị Công Nghiệp Vateco cung cấp, lắp đặt. Hệ thống giám sát trực tuyến do hãng Vibrosys sản xuất, hệ thống này làm việc không ổn định và không tin cậy, thường xuyên xảy ra hư hỏng thiết bị. Hiện hệ thống này đang hỏng các Modem truyền dữ liệu lên máy tính đặt tại phòng điều khiển trung tâm Hàm Thuận và một số transducer của đầu dò đo đảo trục. Việc mua các thiết bị thay thế khó khăn và chi phí cao.

Việc mua sắm, thay thế các thiết bị thuộc HTGSTT H1 Hàm Thuận, kết nối vào HTGSTT H2 hiện hữu để đảm bảo hệ thống làm việc ổn định, tin cậy là rất quan trọng.

Tình trạng thiết bị hiện hữu: Vận hành không ổn định.

Vì vậy, sự đầu tư mua sắm và trang bị HTGSTT H1 Hàm Thuận là rất cần thiết và phù hợp.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: 3.100 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT).

Nguồn vốn: ĐTPT của Công ty.

2. Nâng cấp hệ thống kích từ tổ máy H2 Nhà máy Hàm Thuận

Hệ thống kích từ các tổ máy Hàm Thuận được lắp đặt và đưa vào vận hành từ năm 2001. Đến nay chu kỳ vòng đời hoạt động của các module, board mạch điện tử... đã vượt quá giới hạn cảnh báo của nhà sản xuất. Các thiết bị này xuất hiện nhiều lỗi gây sự cố dừng máy hoặc tiềm ẩn nguy cơ dừng máy khẩn cấp với tần suất ngày càng nhiều hơn. Năm 2016, Công ty đã tiến hành nâng cấp, thay thế hệ thống kích từ cho tổ máy H1.

Trong những năm gần đây, công tác bảo trì sửa chữa, phục hồi hệ thống kích từ H2 mỗi khi xảy ra sự cố gặp nhiều khó khăn, kể cả việc sử dụng lại các board mạch/ module dự phòng từ tổ máy H1 thay ra do việc phải cấu hình nạp lại chương trình, firmware... Các chip nhớ chương trình không ổn định, xảy ra các lỗi không rõ nguyên nhân dẫn đến mất khả năng làm chủ hoàn toàn công tác bảo trì, phục hồi sửa chữa từ các thiết bị dự phòng cũ.

Cùng với tần suất lỗi thiết bị ngày càng tăng, sự già cỗi của các linh kiện điện tử và đặc biệt là thiết bị dự phòng không còn đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng, tiềm ẩn nguy cơ sự cố cũng như làm tổ máy mất khả dụng hoàn toàn nên việc nâng cấp các thiết bị cho hệ thống kích từ tổ máy H2 Hàm Thuận là cần thiết.

Mục tiêu của việc đầu tư nâng cấp là để đảm bảo hệ thống kích từ hoạt động ổn định, nâng cao độ tin cậy và đảm bảo hệ thống thiết bị vận hành an toàn, liên tục.

Tình trạng thiết bị hiện hữu: Hệ thống kích từ H2 hiện hữu thường hay xảy ra sự cố làm việc không tin cậy...

Vì vậy, sự đầu tư nâng cấp hệ thống kích từ H2 là rất cần thiết và phù hợp.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 13.600 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT)

Nguồn vốn: ĐTPT của công ty.

3. Nâng cấp hệ thống điều khiển tổ máy H2 Nhà máy Hàm Thuận

Hệ thống điều khiển, bảo vệ tổ máy H2 Nhà máy Hàm Thuận được lắp đặt và đưa vào vận hành từ năm 2001. Đến nay chu kỳ vòng đời hoạt động của các module, board mạch điện tử... đã vượt quá giới hạn cảnh báo của nhà sản xuất. Các thiết bị này xuất hiện nhiều lỗi gây sự cố dừng máy hoặc tiềm ẩn nguy cơ dừng máy khẩn cấp với tần suất ngày càng nhiều hơn.

Năm 2018, Công ty đã tiến hành nâng cấp, thay thế hệ thống điều khiển, bảo vệ cho tổ máy H1 (ULC1); máy cắt 231 của hãng Toshiba bằng thiết bị của hãng Alstom và lắp đặt hệ thống điều khiển, giám sát (DCS) toàn nhà máy (Thiết bị của hãng Alstom). Đồng thời vẫn duy trì hệ thống điều khiển, giám sát DCS của Toshiba để giám sát, điều khiển các thiết bị tổ máy H2 các thiết bị tự dùng và các thiết bị trạm GIS.

Năm 2019, để đảm bảo vận hành an toàn, đồng bộ, Công ty có kế hoạch thay thế, nâng cấp các thiết bị điều khiển, bảo vệ cho tổ máy H2; kết nối các thiết bị này vào hệ thống điều khiển DCS mới nâng cấp.

Mục tiêu của việc đầu tư nâng cấp là để đảm bảo hệ thống điều khiển đồng bộ và hoạt động ổn định, nâng cao độ tin cậy và đảm bảo hệ thống thiết bị vận hành an toàn, liên tục.

Tình trạng thiết bị hiện hữu: Hệ thống các thiết bị điều khiển tổ máy H2 đã cũ, lỗi thời, không còn mua được thiết bị dự phòng; không kết nối được với hệ thống DCS mới nâng cấp, thường hay xảy ra sự cố, làm việc không tin cậy...

Vì vậy, sự đầu tư nâng cấp hệ thống điều khiển tổ máy H2 nhà máy thủy điện Hàm Thuận là rất cần thiết và phù hợp.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 19.500 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT)

Nguồn vốn: ĐTPT của công ty.

4. Nâng cấp hệ thống điều tốc tổ máy H2 Nhà máy Hàm Thuận

Hệ thống điều tốc các tổ máy Hàm Thuận được lắp đặt và đưa vào vận hành từ năm 2001. Đến nay chu kỳ vòng đời hoạt động của các module, board mạch điện tử... đã vượt quá giới hạn cảnh báo của nhà sản xuất. Các thiết bị này xuất hiện nhiều lỗi gây sự cố dừng máy hoặc tiềm ẩn nguy cơ dừng máy khẩn cấp với tần suất ngày càng nhiều hơn. Năm 2018, Công ty đã tiến hành nâng cấp, thay thế hệ thống điều tốc cho tổ máy H1.

Trong những năm gần đây, công tác bảo trì sửa chữa, phục hồi hệ thống điều tốc H2 mỗi khi xảy ra sự cố gặp nhiều khó khăn, kể cả việc sử dụng lại các board mạch/ module

dự phòng từ tổ máy H1 thay ra do việc phải cấu hình nạp lại chương trình, firmware...

Cùng với tần suất lỗi thiết bị ngày càng tăng, sự già cỗi của các linh kiện điện tử và đặc biệt là thiết bị dự phòng không còn đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng, tiềm ẩn nguy cơ sự cố cũng như làm tổ máy mất khả dụng hoàn toàn nên việc nâng cấp các thiết bị cho hệ thống điều tốc tổ máy H2 Hàm Thuận là cần thiết.

Mục tiêu của việc đầu tư nâng cấp là để đảm bảo hệ thống điều tốc hoạt động ổn định, nâng cao độ tin cậy và đảm bảo hệ thống thiết bị vận hành an toàn, liên tục.

Tình trạng thiết bị hiện hữu: Hệ thống điều tốc H2 hiện hữu thường hay xảy ra sự cố làm việc không tin cậy...

Vì vậy, sự đầu tư nâng cấp hệ thống điều tốc H2 là rất cần thiết và phù hợp.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 13.620 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT).

Nguồn vốn: Đầu tư phát triển của Công ty.

5. Thiết bị kiểm tra cảm biến độ rung, độ đảo:

Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đang quản lý và vận hành 04 nhà máy với 13 tổ máy phát; tại các nhà máy Đa Nhim, Hàm Thuận và Đa Mi hiện đã trang bị hệ thống giám sát trực tuyến đo độ rung, độ đảo trực của các ổ trục.

Việc đo đạc, kiểm tra độ chính xác của các cảm biến độ rung, độ đảo, đánh giá chất lượng, tình trạng của các cảm biến... nhằm đánh giá các cảm biến đo rung, đo đảo và toàn bộ hệ thống thiết bị là rất quan trọng.

Mục tiêu đầu tư là trang bị thiết bị đo kiểm tra, hiệu chuẩn và phát hiện những bất thường liên quan các cảm biến và toàn bộ hệ thống giám sát trực tuyến...nhằm theo dõi và có kế hoạch sửa chữa, thay thế các cảm biến hoặc các thiết bị liên quan khác.

Tình trạng thiết bị hiện hữu: Hiện chưa trang bị.

Vì vậy, sự đầu tư mua sắm và trang bị Thiết bị kiểm tra cảm biến độ đảo là rất cần thiết và phù hợp.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 700 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT).

Nguồn vốn: Đầu tư phát triển của Công ty.

6. Xe tải gầu nâng người làm việc trên cao:

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đang quản lý và vận hành các trạm phân phối 110/220kV, đường dây tự dùng 6,6kV, 22kV và các thiết bị khác được lắp đặt ở độ cao lớn.

Trong quá trình sửa chữa, thay thế các thiết bị thường phải lắp giàn giáo, hoặc leo trèo lên cao mất rất nhiều công sức và thời gian thực hiện.

Hiện tại trong Phân xưởng không có loại xe chuyên dùng này, nên rất khó khăn khi thực hiện sửa chữa các thiết bị trên cao.

Mục tiêu đầu tư là trang bị để chủ động thực hiện khi sửa chữa, thay thế các thiết bị được lắp đặt trên cao.

Vì vậy, sự đầu tư mua sắm và trang bị xe gắn gầu nâng người làm việc trên cao là rất cần thiết và phù hợp.

Tiến độ thực hiện: Thực hiện trong năm 2019

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 1.000 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT)

Nguồn vốn: Đầu tư phát triển của Công ty.

7. Hệ thống chuyển đổi nguồn tự động cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.

Nhà máy Thủy điện Đa Nhim đang vận hành với 04 tổ máy phát; dự kiến trong năm 2019 sẽ đưa tổ máy H5 80MW vào vận hành.

Trong quá trình vận hành các tổ máy phát điện, việc cung cấp nguồn tự dùng cho các tổ máy đảm bảo độ tin cậy, an toàn cho hệ thống thiết bị là rất quan trọng.

Mục tiêu đầu tư là trang bị tủ chuyển đổi nguồn tự động cấp nguồn tự dùng cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim nhằm nâng cao độ tin cậy, đảm bảo hệ thống thiết bị vận hành an toàn, liên tục.

Tình trạng thiết bị hiện hữu: Hệ thống thiết bị nguồn tự dùng hiện hữu tại NMTĐ Đa Nhim làm việc không tin cậy, khi xảy ra sự cố mất nguồn tự dùng dễ gây nguy cơ cháy bực gôi trực và các sự cố khác...

Vì vậy, sự đầu tư mua sắm và trang bị Tủ chuyển đổi nguồn tự động cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim là rất cần thiết và phù hợp.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 1.300 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT).

Nguồn vốn: ĐTPT của công ty.

8. Hệ thống giám sát lưu lượng chạy máy (Tham khảo UFL-30, Nhật Bản)

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đang quản lý và vận hành 4 nhà máy thủy điện với 13 tổ máy phát; trong đó có 3 nhà máy chính cùng với 3 hồ lớn có nhiệm vụ cung cấp nước tưới tiêu cho các vùng hạ du.

Các nhà máy thủy điện trước đây được thiết kế không có hệ thống giám sát lưu lượng chạy máy, lượng nước qua máy được tính toán hoặc tra bảng gần đúng dựa trên số liệu được cung cấp bởi nhà thiết kế, tương ứng với công suất máy phát.

Việc trang bị hệ thống giám sát lưu lượng phục vụ việc theo dõi của nhân viên vận hành và cung cấp số liệu dòng chảy qua máy về hạ lưu cho các cơ quan hữu quan đáp ứng yêu cầu của Thông tư 47/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, ban hành ngày 07/11/2017 về việc Quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: 2.600 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT).

Nguồn vốn: ĐTPT của công ty.

9. Nâng cấp hệ thống đo mưa khu vực hồ Hàm Thuận:

Những năm gần đây, thời tiết ngày càng cực đoan, mưa lớn bất thường, thay đổi mạnh theo không gian và thời gian, có nơi mưa rất to nhưng có nơi mưa nhỏ trên cùng

một lưu vực. Hồ chứa thủy điện Hàm Thuận có diện tích lưu vực 1280 km² trải rộng trên các huyện Di Linh, Bảo Lâm và thành phố Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng. Hiện nay, trên lưu vực chỉ có 07 trạm đo mưa được lắp đặt tại các vị trí thành phố Bảo Lộc (trụ sở Công ty), Tân Rai (UBND thị trấn Lộc Thắng), Di Linh (thị trấn Di Linh), Đại Nga (cầu Đại Nga, Bảo Lộc), Đinh Trang Hòa (xã Hòa Ninh, Di Linh), đập tràn và nhà máy Hàm Thuận.

Với mục đích tăng dày thêm các trạm đo mưa nhằm dự báo được lượng mưa chính xác trong cùng một không gian và thời gian trên cùng một lưu vực của hồ chứa thủy điện Hàm Thuận cần lắp đặt thêm 07 trạm đo mưa tự động (trong đó: 01 trạm thu thập trung tâm và 06 trạm đo mưa vệ tinh).

Mục tiêu đầu tư, trang bị là để phục vụ cho công tác thu thập, dự báo lưu lượng nước về hồ được chính xác hơn nhằm đưa ra các quyết định đúng trong công tác điều tiết hồ chứa trong thời gian xảy ra mưa bão.

Vì vậy, sự đầu tư mua sắm và trang bị thêm 07 trạm đo mưa là rất cần thiết và phù hợp.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 1.500 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT)

Nguồn vốn: ĐTPT của công ty.

10. Hệ thống camera bảo vệ khu vực Đa Mi

Đa Mi là khu vực rộng lớn bao gồm khu vực nhà máy, cửa nhận nước, đập tự tràn và khu vực lòng hồ. Hiện khu vực nhà máy đã được lắp đặt camera giám sát, an ninh; khu vực cửa nhận nước, lòng hồ với dự án như nhà máy điện Năng lượng mặt trời (NLMT) nổi trên mặt hồ...chưa được lắp đặt hệ thống camera an ninh.

Hiện nay, dự án nhà máy NLMT nổi Đa Mi đang trong giai đoạn lắp đặt và dự kiến đưa vào vận hành trong Quý II/2019. Đây là khu vực cần giám sát, bảo vệ an ninh nghiêm ngặt nên việc trang bị hệ thống camera an ninh là cần thiết.

Mục tiêu của việc đầu tư lắp đặt hệ thống Camera giám sát an ninh giúp cho công tác bảo vệ, đảm bảo phát hiện và cảnh báo kịp thời các đối tượng xâm nhập các khu vực vận hành thiết bị...để các hệ thống thiết bị hoạt động an toàn, liên tục.

Tình trạng thiết bị hiện hữu: Chưa trang bị hệ thống camera giám sát an ninh khu vực cửa nhận nước và hồ Đa Mi.

Vì vậy, sự đầu tư lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh khu vực Đa Mi là rất cần thiết và phù hợp.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 2.500 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT)

Nguồn vốn: ĐTPT của công ty.

11. Nâng cấp, thay thế Relay bảo vệ thanh cái trạm 230kV Đa Nhim

Trạm 230kV nhà máy Đa Nhim đưa vào vận hành từ những năm 1960, trạm được trang bị hệ thống relay bảo vệ các máy cắt phát tuyến, bảo vệ so lệch thanh cái...

Năm 2001, Công ty đã tiến hành nâng cấp, thay thế hệ thống điều khiển, bảo vệ cho các tổ máy, trạm... trong đó có thay mới relay bảo vệ so lệch thanh cái của hãng Alstom. Đây là loại relay điện tử thuộc thế hệ cũ, không cài đặt được thông số, không ghi nhận và truy xuất được dữ liệu khi xảy ra sự cố.

Năm 2018, khi đưa tổ máy H5 vào vận hành, khi thử nghiệm thì relay này làm việc không còn tin cậy, khả năng mở rộng khó... để đảm bảo vận hành an toàn, đồng bộ, Công ty có kế hoạch thay thế, nâng cấp relay so lệch bảo vệ này.

Mục tiêu của việc đầu tư nâng cấp, thay thế là để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, nâng cao độ tin cậy và đảm bảo hệ thống thiết bị vận hành an toàn, liên tục.

Tình trạng thiết bị hiện hữu: Relay làm việc không tin cậy, không có khả năng ghi nhận và truy xuất dữ liệu; không có khả năng mở rộng khi thêm phát tuyến...

Vì vậy, sự đầu tư nâng cấp hệ thống relay bảo vệ so lệch thanh cái trạm 230kV Nhà máy Đa Nhim là rất cần thiết và phù hợp.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 3.000 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT).

Nguồn vốn: Đầu tư phát triển của công ty.

12. Hợp bộ máy cắt đầu cực nhà máy Hàm Thuận:

Nhà máy Hàm Thuận hiện đang sử dụng 02 hợp bộ Máy cắt đầu cực, được lắp đặt và đưa vào vận hành từ năm 2001. Đến nay chu kỳ vòng đời hoạt động của các thiết bị đã vượt quá giới hạn cảnh báo của nhà sản xuất:

- Số lần đóng mở >10.000 lần.
- Số năm vận hành: > 15 năm.
- Cơ cấu truyền động bị rò rỉ dầu áp lực, dẫn đến bơm dầu nhiều lần trong ngày.

Tiềm ẩn nguy cơ làm việc không ổn định, ảnh hưởng đến việc đảm bảo vận hành an toàn và liên tục của tổ máy.

Nhà sản xuất đã khuyến cáo công tác đại tu hợp bộ Máy cắt đầu cực, tuy nhiên công tác đại tu đòi hỏi thời gian dừng máy lâu dài ảnh hưởng đến hệ số khả dụng toàn Công ty. Vì vậy việc trang bị 01 hợp bộ Máy cắt đầu cực mới để thay thế là cần thiết, đảm bảo cho tổ máy vận hành an toàn - ổn định. Hợp bộ Máy cắt đầu cực thay ra sẽ tiến hành đại tu và thay thế cho tổ máy còn lại, bao gồm:

- + Hợp bộ Máy cắt đầu cực HEC 3.
- + Vật tư thiết bị đại tu Máy cắt.
- + Vật tư thiết bị đại tu cơ cấu truyền động AHMA 4.

Tiến độ thực hiện: Trong 02 năm 2019 và 2020.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 25.000 triệu đồng. Dự kiến năm 2019 thanh toán tạm ứng khoảng 6.250 triệu đồng)

Nguồn vốn: ĐTPT của Công ty.

13. Xe ô tô 16 chỗ ngồi (01 chiếc) và xe ô tô tải nhỏ 02 chỗ ngồi (02 chiếc):

Công ty đang quản lý, sử dụng 03 xe 12-26 chỗ ngồi được sản xuất từ những năm 2000 - 2003. Trong đó có 01 xe được sản xuất từ năm 2000; 01 xe được sản xuất từ năm 2003, tính đến nay đã hoạt động gần 20 năm, đã gần hết niên hạn cho phép lưu hành; 01 ô tô tải Ford thùng kín trọng tải 2,5 tấn hết niên hạn vào ngày 31/12/2018. Vì vậy, trong năm 2019 Công ty sẽ tiến hành định giá và thanh lý 03 xe ô tô này để thu hồi vốn.

Công ty đang có kế hoạch trang bị thay thế dần các xe ô tô có tuổi thọ sử dụng cao nhằm giảm tối thiểu chi phí sửa chữa, đảm bảo độ an toàn trong quá trình lưu thông, vận hành phục vụ sản xuất kinh doanh. Trong giai đoạn này, cần trang bị cho 01 xe ô tô 16 chỗ ngồi và 02 xe tải nhỏ 02 chỗ ngồi là phù hợp nhằm thay thế các xe đã hết thời hạn lưu hành và phục vụ công tác vận hành, kiểm tra, sửa chữa thiết bị.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 1.500 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT).

Nguồn vốn: ĐTPT của công ty.

14. Canô:

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi đang quản lý vận hành 03 hồ chứa Đơn Dương, Hàm Thuận và Đa Mi ở các khu vực địa lý cách xa nhau.

Công ty đang quản lý và sử dụng 02 ca nô 5 chỗ ngồi được sử dụng cho hồ Đơn Dương và hồ Hàm Thuận; đồng thời trong năm 2019, Công ty sẽ đưa Nhà máy điện mặt trời Đa Mi vào vận hành phát điện. Vì vậy, Công ty cần trang bị thêm 01 ca nô nữa để phục vụ tra kiểm lòng hồ, cũng như kiểm tra, sửa chữa thay thế thiết bị trên hồ Đa Mi.

Do đó, đầu tư mua sắm 01 ca nô 03-05 chỗ ngồi là rất phù hợp và đáp ứng được nhu cầu thực tế cần thiết của Công ty hiện nay.

Tiến độ thực hiện: Trong năm 2019.

Tổng vốn đầu tư: Khoảng 350 triệu đồng (Chưa bao gồm VAT)

Nguồn vốn: ĐTPT của công ty.

Phụ lục VI.1:
Về việc thực hiện năm 2018 và kế hoạch năm 2019
Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
(Đính kèm Báo cáo số...../BC-TĐHĐ ngày...../...../2019)

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

2. Địa điểm, diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Dran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng và xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích chiếm đất của Dự án là 31,25 ha trong đó đất rừng phòng hộ đầu nguồn là 30,3 ha; đất nông nghiệp là 0,95 ha.

3. Quy mô, công suất; Loại, cấp công trình:

- Quy mô, công suất: Mở rộng quy mô công suất thêm 01 tổ máy 80MW cho Nhà máy thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW.

- Loại, cấp công trình: Dự án thuộc nhóm A theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP. Theo QCVN 03:2009/BXD và theo QCVN 04-05: 2012/BNNPTNT, dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim thuộc công trình cấp II.

4. Tổng mức đầu tư: 1.952,591 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn vay ODA: 1.659,703 tỷ đồng (tương đương 85% Tổng mức đầu tư);

- Vốn đối ứng: 292,889 tỷ đồng (tương đương 15% Tổng mức đầu tư).

5. Chủ đầu tư và đại diện chủ đầu tư

a) Tên nhà tài trợ: Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)

b) Chủ đầu tư và đại diện chủ đầu tư

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

- Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

c) Các nhà thầu tư vấn:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 thực hiện công tác lập Dự án đầu tư và Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán.

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 thực hiện công tác thẩm tra Dự án đầu tư và Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán.

- Liên danh Nippon Koei Co., Ltd -PECC3-Nippon Koei Vietnam International Co., Ltd. thực hiện công tác giám sát thi công các gói thầu xây dựng.

d) Các nhà thầu thi công công trình chính

- Công ty Cổ phần Xây dựng 47 thi công Gói thầu 12.01- (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính. Gói thầu này chủ yếu thực hiện khoan hầm dài khoảng 4,9km bằng công nghệ TBM, xây dựng cửa nhận nước, tháp điều áp và nhà máy. Công tác thiết kế BVTC do Nhà thầu phụ là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 thực hiện.

- Liên danh NARIME - COMA thi công Gói thầu số 12.02 - (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công. Gói thầu này chủ yếu cung cấp, lắp đặt đường ống áp lực dài khoảng 2,3km, cột áp thực 799m và các cửa van. Công tác thiết kế BVTC do Nhà thầu phụ là Công ty “SPKTB Zaporozhgidtrostal” thực hiện.

- Liên danh Mitsubishi, GE Power India Limited và GE Hydro France (MC-GPIL-GHF) thi công Gói thầu số 12.03 - (DNE-D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện. Gói thầu này chủ yếu cung cấp toàn bộ thiết bị tổ máy có công suất 80MW và hệ thống điều khiển. Nhà thầu đã triển khai thực hiện từ ngày 12/8/2016.

6. Thời gian bắt đầu và kết thúc dự án

- Ngày bắt đầu thực hiện công tác xây dựng: 12/12/2015.
- Ngày hiệu lực tính thời gian thi công gói thầu xây dựng, cơ khí thủy công là ngày 16/5/2016 và gói thầu cơ điện là ngày 30/11/2016.
- Ngày hoàn thành công tác xây dựng: 14/6/2018.
- Ngày hoàn thành công tác lắp đặt đường ống áp lực: 9/7/2018.
- Ngày nạp nước thử nghiệm đường hầm, ống áp lực và thử nghiệm tổ máy: 15/10/2018.
- Ngày vận hành phát điện thử thách tổ máy: 14/11/2018.
- Ngày vận hành thương mại tổ máy: 13/12/2018.

II. CÔNG TÁC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẾN 31/12/2018

1. Tóm tắt quá trình thực hiện các hạng mục công trình

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hạng mục	TMĐT KHĐT	TDT	LK đến 31/12/2018	KH 2019	KH 2020	Tổng cộng
C.việc đã thực hiện	62.318	55.388	44.381	-	-	44.381
C.việc không áp dụng hình thức đầu thầu	339.375	288.323	54.079	13.311	7.416	74.807
Công việc trong KHĐT	1.493.110	1.574.021	993.421	234.541	90.057	1.318.019
C.việc chưa đủ điều kiện lập KHĐT	57.789	37.813	20.128	4.953	-	25.081
TỔNG CỘNG	1.952.592	1.955.545	1.112.009	252.806	97.473	1.462.288

Ghi chú:

- Giá trị TMĐT và TDT đã bao gồm thuế, phí trong đó Giá trị TDT được phê duyệt bao gồm cả chi phí bồi thường tái định cư 22,317 tỷ.

- Kế hoạch giải ngân năm 2019 (chưa bao gồm thuế) cho vốn ODA là 217,740 tỷ đồng và cho vốn đối ứng là 36,712 tỷ đồng. Tổng cộng kế hoạch giải ngân năm 2019 (chưa bao gồm thuế) đăng ký là 254,452 tỷ đồng, bao gồm thuế GTGT của 4 gói thầu chính khoảng 21 tỷ đồng.

2. Tóm tắt công tác chuẩn bị đầu tư

- Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim được Thủ tướng chính phủ bổ sung vào Quy hoạch điện VII tại văn bản số 7467/VPCP-KTN ngày 21/09/2012.

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim đã được Bộ Tài nguyên và môi trường phê duyệt ngày 16/7/2013 tại Quyết định 1149/QĐ-BTNMT.

- Hiệp định vay vốn số VN-13P1 cho Dự án được đại diện Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Nhật Bản ký kết ngày 28/02/2014.

- Dự án đầu tư của Dự án được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24/09/2013.

- Thiết kế kỹ thuật bao gồm quy hoạch chi tiết 1/500 của Dự án đã được Chủ đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 69/QĐ-TĐĐHĐ-HĐQT ngày 29/10/2014.

- Chủ đầu tư đã hoàn thành công tác thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng cho Dự án với diện tích 29,48 ha và 03 lô cốt. Trong đó, diện tích đất thuộc tỉnh Ninh Thuận là 22,28 ha và tỉnh Lâm Đồng là 7,2 ha từ tháng 6/2015.

3. Tóm tắt các công tác chuẩn bị thi công dự án

- Công tác rà phá bom mìn xử lý bom, mìn, vật nổ hoàn thành ngày 16/06/2015 với diện tích trên cạn là 41,066 ha và diện tích dưới nước là 10,49 ha.

- Toàn bộ các hạng mục công trình phục vụ thi công dự án đã hoàn thành trước tháng 01/2016 như thi công đường dây và trạm cấp điện thi công; thi công mặt bằng, bãi thải, bãi trữ và khu phụ trợ; thi công đường giao thông phục vụ thi công và vận hành; sửa chữa khu nhà ở và nhà làm việc của BQLDA tại Đa Nhim và Đơn Dương; Xây dựng trạm lọc nước và hạng mục bảo hiểm công trình.

- Các hạng mục hỗ trợ công tác thi công dự án do các nhà thầu trong nước đang thực hiện gồm gói thầu Mô tả địa chất hố móng; gói thầu số 12.04-Bảo hiểm công trình; gói thầu Kiểm toán và quyết toán dự án hoàn thành; gói thầu Y tế và phòng chống HIV; Đo kiểm chứng ảnh hưởng của nổ mìn; Kiểm tra tần suất chất lượng đường hàn và sơn đường ống áp lực.

- Các gói thầu chuẩn bị chạy máy H5 vào cuối năm 2018: Đã hoàn thành các gói Thỏa thuận đầu nối, Đo đếm điện năng, Truyền tín hiệu SCADA/EMS, Thỏa thuận lắp đặt role, Đào tạo vận hành; Gói Tính toán trị số cài đặt role, Lập quy trình vận hành hồ chứa và Quay phim tư liệu: đang thực hiện; Gói Kiểm định hệ thống đo đếm điện năng (Nhà thầu gói 12.03 sẽ thực hiện phần việc này); Gói Lập quy trình phối hợp vận hành, Cung cấp dịch vụ triển khai hệ thống hạ tầng CNTT Thị trường điện và Cung cấp, lắp đặt thiết bị và cấu hình thử nghiệm kết nối SCADA: hoàn thành; Gói Xây dựng tuyến

đường ống từ Van thủy nông hiện hữu đến Nhà van Tổ máy 5 và Cung cấp, lắp đặt và cải tạo thiết bị cơ khí thủy công: hoàn thành.

Các gói thầu sử dụng vốn đối ứng đã hoàn thành gồm: Cung cấp, lắp đặt thiết bị camera an ninh; Cung cấp vật tư thiết bị Hội nghị truyền hình; gói thầu Giám sát và đo đạc độ rung chấn do ảnh hưởng của nổ mìn.

III. CÔNG TÁC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Tình hình thực hiện đến ngày 18/02/2019

1.1. Công tác thực hiện các gói thầu chính

1.1.1. Gói thầu 12.01- (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính

a) Thông tin chung: Gói thầu do Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (CC47) thực hiện. Thời gian hoàn thành: 760 ngày từ ngày 16/5/2016 đến ngày 14/6/2018.

b) Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo:

- Đến tháng 12/2018, các hạng mục đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng bao gồm: Cửa lấy nước; Tháp điều áp; Nhà van; Đường ống áp lực; Nhà máy; mở rộng Trạm phân phối (trong đó các hạng mục phục vụ phát điện năm 2018 gồm: Nhà van; Đường ống áp lực; Nhà máy và Trạm phân phối);

- Hạng mục đang tiếp tục thi công là đào hầm bằng TBM với D=3,9m: đến ngày 31/12/2018 TBM đã hoàn thành 3.570,41m/4.673m và tính đến ngày 18/2/2019 TBM đã đào được 3.737m/4.673m, phần hầm còn lại phải đào khoảng 936 m.

c) Công tác giải ngân:

- Nhà thầu trình lại hồ sơ thanh toán đợt 34 ngày 25/01/2019 và TVGS phát hành chứng chỉ thanh toán ngày 28/01/2019.

- Hoàn thành giải ngân vốn ODA đến đợt 32.

- Hoàn thành giải ngân VAT đến đợt 32 ngày 11/12/2018.

- Tổng giá trị đề nghị thanh toán: 467.003.270.157 đồng (đến đợt 34)

+ Vốn ODA: 427.290.082.876 đồng

+ Vốn đối ứng: 39.713.187.281 đồng

- Giá trị giải ngân: 475.057.250.416 đồng

+ Vốn ODA: 435.344.063.135 (đến đợt 32)

+ Vốn đối ứng: 39.713.187.281 (Bao gồm VAT đợt 32)

- Chủ đầu tư và Nhà thầu đang hoàn thiện Phụ lục hợp đồng số 6.

1.1.2. Gói thầu số 12.02 - (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công

a) Thông tin chung: Gói thầu do Liên danh NARIME - COMA thực hiện. Thời gian hoàn thành: 785 ngày từ ngày 16/5/2016 đến ngày 09/7/2018.

b) Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo:

- Công tác Thiết kế: TVGS và Chủ đầu tư đã phê duyệt toàn bộ các tính toán thiết kế và bản vẽ thiết kế, qui trình, biện pháp thi công cho các thiết bị CKTC do Nhà thầu đệ trình.

- Công tác chế tạo:

+ Thiết bị hạ lưu nhà máy: Hoàn thành.

+ Thiết bị cửa nhận nước: Hoàn thành.

+ Đường ống áp lực: Đã chế tạo được 406/406 ống, đạt 100%.

- Công tác lắp đặt:

+ Thiết bị CNN: Hoàn thành công tác lắp đặt và thử khô toàn bộ thiết bị. Hoàn thành thử tải cầu trục ngày 21/10/2017.

+ Thiết bị Hạ lưu: Hoàn thành lắp đặt và thử khô cửa van 30/05/2018.

+ Đường ống áp lực: Hoàn thành công tác lắp đặt, thử áp và nạp nước để chạy thử nghiệm tổ máy vào ngày 09/12/2018 (ngoại trừ 09 ống thuộc phân đoạn hầm lót thép sẽ được lắp đặt sau khi hoàn thành khoan hầm và tháo TBM).

c) Công tác giải ngân:

- Tổng giá trị đề nghị thanh toán là 169.735.288.280 đồng.

+ Vốn vay ODA là 154.304.807.527 đồng

+ Vốn đối ứng là 15.430.480.753 đồng;

- Tổng giá trị đã giải ngân là 149.069.639.075 đồng.

+ Vốn ODA: 133.639.158.322 đồng (đến đợt 11).

+ Vốn đối ứng: 15.430.480.753 đồng (Bao gồm VAT đợt 12).

1.1.3. Gói thầu số 12.03 - (DNE-D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện

a) Thông tin chung: Gói thầu do Liên danh Mitsubishi Corporation, Alstom Hydro France and GE Power India Limited thực hiện. Thời gian hoàn thành: 743 ngày từ ngày 30/11/2016 đến ngày 13/12/2018.

b) Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo:

- Công tác thiết kế: Hoàn thành

- Công tác thi công lắp đặt:

+ Hoàn thành công tác lắp đặt tổ máy; nạp nước đường ống áp lực và ống phân phối vào ngày 08-09/12/2018. Tiến hành chạy thử nghiệm tổ máy từ ngày 10/12/2018.

+ Từ ngày 10/12/2018 đến 31/12/2018: Tiến hành chạy thử nghiệm tổ máy H5 với các hạng mục chính như sau: Chạy thử nghiệm từng cấp tốc độ; Cân bằng động tổ máy; Chạy thử nghiệm bảo hòa nhiệt; thử nghiệm hệ thống điều tốc không tải; thử nghiệm các đặc tính máy phát; thử nghiệm hệ thống kích từ không tải; thử nghiệm hòa lưới và sa thải phụ tải tổ máy; thử nghiệm hệ thống điều tốc và kích từ trong chế độ mang tải.

+ Từ ngày 01/01/2019 đến 04/01/2019: Vận hành thử thách 72h liên tục với công suất 45MW và sản lượng điện đã phát được 3.240.000 kWh (trong suốt quá trình vận

hành thử thách của tổ máy H5, 04 tổ máy Đa nhiệm hiện hữu phát đủ công suất 4x40MW).

c) Công tác giải ngân:

- NT trình hồ sơ thanh toán đợt 9 USD ngày 08/12/2018. TV phát hành chứng chỉ thanh toán ngày 10/12/2018.

- Hoàn thành thanh toán đợt 5 VNĐ ngày 25/12/2018.

- Tổng giá trị đề nghị thanh toán của Nhà thầu:

+ Vốn ODA: 12.465.540 USD và 35.372.992.683 đồng.

+ Vốn đối ứng: 32.748.322.297 đồng.

- Tổng giá trị đã giải ngân:

+ Vốn ODA: 11.218.986,00 USD (đến đợt 9) và 34.626.991.125 đồng (đến đợt 5).

+ Vốn đối ứng: 32.748.322.297 đồng.

1.1.4. Gói số 12 – (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp

a) Công tác phê duyệt bản vẽ

- Tư vấn phản hồi kịp thời các hồ sơ do Nhà thầu gói 12.01, 12.02 và 12.03 trình duyệt.

b) Công tác báo cáo định kỳ

- Báo cáo tiến độ tháng 12/2018;

- Báo cáo tiến độ Quý III/2018;

- Báo cáo giám sát môi trường Quý III/2018;

c) Tình hình nhân sự Tư vấn

- Tình hình sử dụng MM sử dụng đến ngày 28/01/2019:

+ Mức A: 106,54 MM, đạt 90,98%

+ Mức B: 367,20 MM, đạt 107,40%

+ Mức C: 293,86 MM, đạt 87,72%

+ Mức D: 205,36 MM, đạt 120,80%.

- Tổng số nhân sự Tư vấn trên công trường đến thời điểm báo cáo là 21 người gồm 02 nhân sự nước ngoài và 19 nhân sự trong nước.

d) Công tác giải ngân

- Hoàn thành giải ngân đợt 13 (VNĐ) ngày 25/12/2018.

- Giá trị đề nghị thanh toán:

+ Vốn ODA: 276.195.579 JPY và 56.940.866.943 đồng

+ Vốn đối ứng: 11.763.818.882 đồng

- Lũy kế giải ngân:

+ Vốn ODA: 276.195.579 JPY (đến đợt 14) và 53.930.017.845 đồng (đến đợt 13)

- + Vốn đối ứng: 11.763.818.882 đồng (đền VAT đợt 14).
- BQLDA và Tư vấn đang lập PLHD số 4 để trình duyệt.

1.1.5. Các gói thầu chuẩn bị chạy máy H5 vào cuối năm 2018

- a) Lập hồ sơ thỏa thuận thiết kế kỹ thuật đấu nối tổ máy H5 lên hệ thống điện Quốc gia: Hoàn thành.
- b) Lập hồ sơ thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hệ thống đo đếm điện năng: Hoàn thành.
- c) Lập hồ sơ thỏa thuận thiết kế kỹ thuật và thử nghiệm truyền tín hiệu SCADA/EMS từ Nhà máy Đa Nhim đi A0, A2: Hoàn thành.
- d) Lập hồ sơ thỏa thuận lắp đặt các thiết bị rơ le bảo vệ: Hoàn thành.
- e) Đào tạo chuyên đề vận hành hệ thống điện: Hoàn thành.
- f) Tính toán trị số cài đặt rơ le bảo vệ: Hoàn thành.
- h) Lập quy trình vận hành hồ chứa nhà máy thủy điện Đa Nhim: Hoàn thành.
- i) Lập quy trình phối hợp vận hành với Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia: Đang thực hiện.
- j) Cung cấp dịch vụ triển khai hệ thống hạ tầng CNTT Thị trường điện NMTĐ Đa Nhim mở rộng: Hoàn thành.
- k) Cung cấp, lắp đặt thiết bị và cấu hình thử nghiệm kết nối SCADA với Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia: Hoàn thành.
- l) Xây dựng tuyến đường ống từ Van thủy nông hiện hữu đến Nhà van Tổ máy 5 và Cung cấp, lắp đặt và cải tạo thiết bị cơ khí thủy công: Hoàn thành công tác nạp nước đường ống thuộc giải pháp đảm bảo phát điện để tiến hành phục vụ công tác thử nghiệm tổ máy từ ngày 08/12/2018.

1.1.6. Tồn tại

- a) Gói thầu 12.01- (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính

Theo tiến độ đã phê duyệt, công tác thi công đường hầm bị chậm khoảng 12 tháng do TBM hoạt động chưa ổn định mặc dù thiết bị chính đã được đại tu, và trong quá trình đang điều chỉnh đồng bộ các khâu lại gặp đoạn cua chuyển hướng và đứt gãy nên tốc độ khoan hầm không đạt như kế hoạch đề ra. Nhà thầu thi công đã nghiên cứu các phương án, giải pháp đào hầm và kiến nghị tiến độ công tác đào hầm cho phần còn lại bao gồm công tác gia cố chỉ có thể hoàn thành sớm nhất vào tháng 12/2019.

- b) Gói thầu số 12.02 - (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công

Lắp đặt 09 ống thuộc phân đoạn hầm lót thép sau khi hoàn thành tháo TBM.

- c) Gói thầu số 12.03 - (DNE-D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện

Thực hiện các hạng mục thử nghiệm tại công suất 80 MW sau khi hoàn thành công tác khoan hầm.

- d) Gói số 12 – (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp

Do tiến độ thi công gói 12.01 bị trễ (Hạng mục đường hầm áp lực) nên ảnh hưởng đến kế hoạch điều động nhân sự tư vấn trên công trường. Theo đề nghị của Nhà

thầu gói 12.01, đường hầm áp lực sẽ hoàn thành vào cuối tháng 12/2019 nên kế hoạch điều động, chi phí chuyên gia và các chi phí khác cũng cần được hiệu chỉnh tương ứng. Do đó, BQLDA đang phối hợp với Tư vấn lập tiến độ điều động nhân sự đến cuối năm 2019, tính toán các chi phí liên quan để có kế hoạch chuẩn bị dòng tiền, chuẩn bị Phụ lục hợp đồng cho các thay đổi có liên quan. Hiện tại giá trị Phụ lục hợp đồng vượt giá trị Hợp đồng gốc, BQLDA đã lập tờ trình gửi Chủ đầu tư thông qua chủ trương điều động Tư vấn giám sát cho Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim từ tháng 01/2019 đến tháng 03/2021.

1.1.7. Đánh giá chung

a) Về tổng tiến độ: Tổng tiến độ thực hiện của dự án đã phát điện vào cuối tháng 12/2018 với công suất 45MW.

b) Đánh giá tiến độ thực hiện riêng của từng gói thầu:

- Đối với Gói thầu 12.01- (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính: Hầu hết các hạng mục đáp ứng tiến độ chạy máy 45 MW trong năm 2018 ngoại trừ tiến độ thi công hầm TBM. Hiện tại tiến độ thi công đào hầm áp lực bằng TBM đang bị chậm trễ khoảng 12 tháng so với hợp đồng.

- Đối với gói thầu 12.02 - (DNE-D2): Hoàn thành công tác lắp đặt, thử áp và nạp nước để chạy thử nghiệm tổ máy vào ngày 09/12/2018 (ngoại trừ 09 ống thuộc phân đoạn hầm lót thép sẽ được lắp đặt sau khi hoàn thành khoan hầm và tháo TBM).

- Đối với gói thầu 12.03 - (DNE-D3): Hoàn thành công tác lắp đặt tổ máy; nạp nước đường ống áp lực và ống phân phối vào ngày 08-09/12/2018. Tiến hành chạy thử nghiệm tổ máy từ ngày 10/12/2018 và hoàn thành thử nghiệm thử thách 72h vào ngày 4/1/2019.

1.2. Tiến độ thực hiện năm 2019

Stt	Các gói thầu	Kế hoạch	
		Ngày	Ghi chú
I	Gói số 12.01 - Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính		
1	Hoàn thành công tác khoan hầm		Hoàn thành vào tháng 12/2019
2	Hoàn thành công tác gia cố đường hầm và dự án		Hoàn thành vào tháng 04/2020
II	Gói thầu số 12.02 - Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công		
1	Hoàn thành 09 ống thuộc phân đoạn hầm lót thép sẽ được lắp đặt sau khi hoàn thành khoan hầm và tháo TBM		04/2020
III	Gói số 12.03 - Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện		
1	Hoàn thành vận hành thử nghiệm và sẵn sàng phát điện thương mại giai đoạn 1 với công suất 45MW		04/01/2019

Stt	Các gói thầu	Kế hoạch	
		Ngày	Ghi chú
2	Thực hiện các hạng mục thử nghiệm tại công suất 80 MW sau khi hoàn thành công tác khoan hầm		Tháng 04/2020

1.3. Tình hình thực hiện và giải ngân năm 2018

ĐVT: triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Khối lượng thi công			Thanh toán		
		Kế hoạch	Thực hiện	Đạt	Kế hoạch	Giải ngân	Đạt
	Năm 2018	731.245	602.319	82,4%	506.620	459.572	90,7%
1	Vốn ODA	672.265	527.433	78,5%	447.641	380.379	85,0%
2	Vốn đối ứng	58.980	74.885	127,0%	58.980	79.193	134,3%

Ghi chú: Khối lượng thi công năm 2018 có thay đổi do có sự điều chỉnh tỷ giá và điều chỉnh giá trị khấu hao thuộc chi phí Ban QLDA và tổ CBSX. Giải ngân vốn đối ứng cho năm 2018 cũng thay đổi do điều chỉnh giá trị khấu hao thuộc chi phí Ban QLDA và tổ CBSX.

2. Kế hoạch thực hiện và giải ngân năm 2019

2.1. Tiến độ thực hiện

Tiến độ tổng thể của dự án đã được điều chỉnh cho phù hợp với thời gian vận hành TBM vẫn đảm bảo tiến độ hoàn thành chung từng gói thầu nêu chi tiết tại **Phụ lục IV** đính kèm.

a) Gói thầu 12.01- (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính

- Đường hầm: Khối lượng thực hiện còn lại năm 2019 khoảng 936 m và toàn bộ công tác gia cố hầm sau khi hoàn thành TBM; công tác nổ mìn và đổ bê tông bẫy đá, khoảng 32m bê tông hầm lót thép và nút hầm.

b) Gói thầu số 12.02 - (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công

Hoàn thành 09 ống trong hầm lót thép.

c) Gói thầu số 12.03 - (DNE-D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện

Thử nghiệm và phát điện với công suất 80 MW.

2.2. Kế hoạch thực hiện và giải ngân 2019

ĐVT: triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	KH 2019	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Thực hiện	189.561	53.112	39.657	40.656	56.137
a	Vốn ODA	158.119	43.028	33.055	32.028	50.008

Stt	Nguồn vốn	KH 2019	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
b	Vốn Đối ứng	31.442	10.083	6.602	8.628	6.128
2	Giải ngân	214.693	63.604	30.876	83.712	36.501
a	Vốn ODA	183.251	53.520	24.274	75.084	30.373
b	Vốn Đối ứng	31.442	10.083	6.602	8.628	6.128

Ghi chú: Khối lượng thực hiện và giải ngân năm 2019 có thay đổi sau khi rà soát lại tình hình thực hiện và thanh toán của các gói thầu.

Số liệu chi tiết như các biểu đính kèm:

- Tổng hợp tình hình thực hiện và giải ngân DA MRNMTĐ Đa Nhim năm 2018.
- Khối lượng thực hiện và giải ngân vốn ODA năm 2018.
- Giải ngân vốn đối ứng năm 2018.
- Kế hoạch thực hiện và giải ngân DA MRNMTĐ Đa Nhim năm 2019.
- Kế hoạch giải ngân vốn ODA năm 2019.
- Kế hoạch giải ngân vốn đối ứng năm 2019.
- Tiến độ thi công năm 2019.

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN DA MRNMTĐ ĐA NHIM NĂM 2018

(Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐĐHĐ ngày tháng năm 2019)

DVT: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Năm 2018			Quý I			Quý II			Quý III			Quý IV		
1	Thực hiện	731.245	602.319	82,4%	94.023	77.991	82,9%	196.569	175.067	89,1%	318.376	128.443	40,3%	122.277	220.819	180,6%
a	Vốn ODA	672.265	527.433	78,5%	87.286	66.930	76,7%	185.034	160.662	86,8%	297.285	110.953	37,3%	102.660	188.889	184,0%
b	Vốn đối ứng	58.980	74.885	127,0%	6.737	11.061	164,2%	11.535	14.404	124,9%	21.091	17.490	82,9%	19.616	31.930	162,8%
2	Giải ngân	506.620	459.572	90,7%	67.093	55.315	82,4%	98.590	122.989	124,7%	229.152	119.825	52,3%	111.786	161.443	144,4%
a	Vốn ODA	447.641	380.379	85,0%	60.355	44.254	73,3%	87.056	108.585	124,7%	208.060	101.247	48,7%	92.169	126.293	137,0%
b	Vốn đối ứng	58.980	79.193	134,3%	6.737	11.061	164,2%	11.535	14.404	124,9%	21.091	18.577	88,1%	19.616	35.150	179,2%

KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ODA NĂM 2018

(Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐĐHĐ ngày tháng năm 2019)

Stt	Hạng mục	Giá trị		TH 2016	TH 2017	Kế hoạch năm 2018								Ghi chú		
		Dự toán	Hợp đồng			Năm 2018		Quý I		Quý II		Quý III			Quý IV	
						KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH		KH	TH
1	Gói số 12 - (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp															
a	Khối lượng thực hiện	141.718	134.344	24.396	52.782	40.391	33.843	6.412	10.940	11.876	11.223	12.453	5.111	9.650	6.570	Nghiệm thu đến lần 14
b	Giải ngân			28.897	47.703	35.068	32.691	5.407	8.946	8.864	6.659	10.279	5.914	10.518	11.172	Thanh toán đến lần 14 JPY và lần 13 VND
2	Gói số 12.01 - (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính															
a	Khối lượng thực hiện	593.783	589.551	56.400	181.077	256.134	175.067	15.291	19.042	105.061	48.770	76.713	37.654	59.069	69.602	Nghiệm thu đến lần 33
b	Giải ngân			174.091	134.921	145.344	100.099	20.719	20.719	25.464	28.848	57.990	31.953	41.171	18.579	Thanh toán đến lần 29 + tạm ứng 3 đợt + TT 50% tiền giữ lại lần 1-19
3	Gói số 12.02 - (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công															
a	Khối lượng thực hiện	220.555	158.209		124.998	33.211	29.306	8.239	8.239	13.374	7.167	5.922	9.752	5.676	4.148	Nghiệm thu đến lần 12
b	Giải ngân			23.731	80.390	26.764	29.517	7.421	7.421	10.597	7.038	4.585	6.379	4.160	8.679	Thanh toán đến lần 11
4	Gói số 12.03- (DNE-D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện															
a	Khối lượng thực hiện	425.421	362.810	-	44.758	318.052	278.089	49.185	25.596	54.724	93.502	185.878	54.380	28.265	104.612	Nghiệm thu đến lần 9 USD và lần 5 VND
b	Giải ngân			44.998	37.854	215.987	210.902	18.649	4.054	42.130	66.040	118.887	52.945	36.321	87.863	Tạm ứng VND 15% và thanh toán đến lần 9 USD + lần 5 VND
5	Lãi vay trong thời gian xây dựng															
a	Khối lượng thực hiện	28.030				24.477	11.127	8.159	3.114	-		16.318	4.056		3.956	
b	Giải ngân			318	3.235	24.477	7.170	8.159	3.114	-		16.318	4.056	-		
6	TỔNG CỘNG															
	Khối lượng thực hiện			80.796	403.616	672.265	527.433	87.286	66.930	185.034	160.662	297.285	110.953	102.660	188.889	
	Giải ngân			272.034	304.103	447.641	380.379	60.355	44.254	87.056	108.585	208.060	101.247	92.169	126.293	

Ghi chú:
 - Gói 12.01: KH thực hiện loại trừ 400 m đường hầm và các công tác sau khi khoan hầm gồm: Bê tông vỏ hầm, bẫy đá, bê tông lấp đầy ống thép, nút hầm... để lại cho năm 2019; KH giải ngân loại trừ 1000m đường hầm, các công tác sau khi khoan hầm và công tác hoàn thiện của dự án gồm: hoàn thiện nhà máy, sân, đường...để lại cho năm 2019.
 - Tỷ giá 1JPY = 197 VND và Tỷ giá 1USD = 23380,02 VND (tỷ giá cao do quy đổi 02 lần từ JPY sang USD và sang VND).

GIẢI NGÂN VỐN ĐÓI ỨNG NĂM 2018

(Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐĐHĐ ngày tháng năm 2019)

595

1.593

DVT: Triệu đồng Triệu đồng

Stt	Hạng mục	Đơn vị thực hiện	Dự toán	Hợp đồng	Lũy kế	Năm 2018		Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Tỷ lệ	Ghi chú	
						KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH			
1	Gói số 01 - (DNE-A1): Khảo sát, lập TKKT- Tổng dự toán và HSMT- Tổng dự toán và HSMT	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	32.612	28.906														
	- Chi phí TKKT-TĐT			14.073	12.665	1.407	-							1.407		0%	Thanh toán 10% khi nhà máy phát điện thương mại và NT nộp BLBH 5%	
	- PLHD ngày 05/06/2018 V/v KS, thiết kế giải pháp tiến độ phát điện tổ máy 5 vào cuối năm 2018						370			230		140					Thanh toán 90%	
2	Gói số 12.04 - (DNE-D4): Bảo hiểm công trình	LD BH PVI - BẢO VIỆT - PJICO	8.143	5.922	5.626	296	-						296		0%	Thanh toán 5% còn lại		
3	Gói thầu Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành	Cty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	1.756	803	285	688	136			344			344	136	20%	Thanh toán đợt 2		
4	Mô tả địa chất hố móng dự án Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	2.127	2.063	1.299	764	675						764	675	88%	Thanh toán đợt 2		
5	Gói số 13-(DNE-E1) Chi phí y tế và phòng chống HIV	Trung tâm Phát triển Cộng đồng và Trẻ em	2.701	2.187	879	747	714	189	189	184		525	373		96%	Thanh toán đợt 4+5+6+7		
6	Chi phí quản lý dự án		13.341		11.022	675	248	78	39	169	19	169	7	260	183	37%		
7	Chi phí Ban chuẩn bị sản xuất		13.967		43	5.173	5.774	261	363	1.293	384	1.293	480	2.325	4.547	112%		
8	Thuế VAT, thuế nhà thầu Gói thầu số 12 - (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp				7.467	3.770	4.297	804	1.446	886	507	1.028	1.153	1.052	1.191	114%		
9	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.01 - (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính				22.403	14.572	17.310	2.109	2.109	2.546	6.017	5.799	2.658	4.117	6.526	119%		
10	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.02 - (DNE - D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công				12.500	1.934	2.931	-	824	1.060	-	459	717	416	1.390	152%		
11	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.03 - (DNE - D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện				2.248	22.393	30.501	2.659	5.306	4.213	6.890	11.889	9.701	3.632	8.604	136%		
12	Chi phí an ninh bảo vệ				600	360	360	-		120	160	120	60	120	140	100%	30 triệu/tháng	
13	Chi phí môi sinh, môi trường				169	80	94	-		30	23	20	24	30	47	117%	Phí kiểm định môi trường hàng quý khoảng 20 triệu/quý	
14	Thuế quản lý vận hành đường dây và TBA 22kV Đơn Dương				91	39	39			39			39			100%	Thanh toán phí năm 2018	
15	Phí cho vay lại				517	736	1.111	463	463			272	648			151%	Trả phí lần 05 và 06	
16	Hội đồng nghiệm thu nhà nước				832	200	14			100			8	100	6	7%		
17	Lập hồ sơ thỏa thuận thiết kế kỹ thuật đầu nối tổ máy H5 lên hệ thống điện Quốc gia.	Công ty CP Tư vấn Thiết kế điện Long Giang	400	378		400	343			400			343			86%	Thanh toán 100%	
18	Lập hồ sơ thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hệ thống đo đếm điện năng.	VIECODE	151	120		150	-			150						0%		
19	Kiểm định hệ thống đo đếm điện năng.		300			300	-						300			0%		
20	Lập hồ sơ thỏa thuận thiết kế kỹ thuật và thử nghiệm kết nối truyền tín hiệu SCADA/EMS từ Nhà máy thủy điện Đa Nhim đến A0, A2.	Công ty CP Kỹ thuật Châu Á	485	425		500	425					425	500			85%	Thanh toán 100%	
21	Lập hồ sơ thỏa thuận lắp đặt các thiết bị rơ le bảo vệ.	Công ty CP TV và KD Năng Lượng	250	220		400	220					220	400			55%	Thanh toán 100%	
22	Tính toán trị số cài đặt rơ le bảo vệ.	Công ty CP Điện lực Sông Hồng	414	359		400	359						400	359	90%	Thanh toán 100%		
23	Đào tạo chuyên đề vận hành hệ thống điện	Công ty CP GP QL Năng Lượng	266	224		400	224					224	400			56%	Thanh toán 100%	
24	Lập Quy trình vận hành hồ chứa nhà máy thủy điện Đa Nhim.	Công ty CP TV XD Điện 2	461	349		500	356			77			500	279	71%	Thanh toán 100%		
25	Ghi hình tư liệu Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - gd2	TT Thông tin Điện lực	429	360	268	380	119					119	380		31%	Tạm ứng 30%		

Stt	Hạng mục	Đơn vị thực hiện	Dự toán	Hợp đồng	Lũy kế	Năm 2018		Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Tỷ lệ	Ghi chú	
						KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH			
26	Chi phí quan trắc biến dạng					182	-							182				
27	Chi phí lập phương án PCCN					273	-							273				
28	Nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy					182	-							182				
29	Kiểm định an toàn cho các thiết bị					273	-							273				
30	Nghiệm thu hệ thống đo đếm bao gồm chỉnh định rơ le					455	-							455				
31	Nghiệm thu đóng điện trạm					136	-							136				
32	Đo kiểm chứng ảnh hưởng nổ mìn tại hạng mục tháp điều áp	Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Trung Bộ	109	92		92	92	50	92			41				100%	Thanh toán 100%	
33	Kiểm tra tần suất chất lượng đường hàn và sơn đường ống áp lực	Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật GTC	497	418		121	418	121	227		97			94	345%		Thanh toán 100%	
34	Chi phí biên tập bản đồ tại một phần tiểu khu 315, Thị trấn D'Ran		3			3	3	2	3			2				100%	Thanh toán 100%	
35	Gói thầu XL01: Thi công xây dựng tuyến đường ống từ van thủy nông hiện hữu đến nhà van tổ máy 5	Công ty TNHH Xây dựng Danh Nhân		1.711			1.132						513	618			Tạm ứng 30% + TT đợt 1	
36	Gói thầu XL02: CC, lắp đặt và cài tạo thiết bị CKTC, DA MR NMTĐ Đa Nhim	NARIME		3.824			3.032						574	2.459			Tạm ứng 15% + TT đợt 1	
37	Cung cấp và lắp đặt hệ thống cửa nhà máy	Công ty CP ĐT Tân Đại Nghĩa		2.596			2.578							2.578			Thanh toán 100%	
38	Gói thầu Thẩm tra thiết kế giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện tổ máy 5 vào cuối 2018	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		95			95							95			Thanh toán 100%	
39	Cung cấp dịch vụ triển khai hệ thống hạ tầng CNTT thị trường điện	Công ty CP Dịch vụ Quản trị Doanh nghiệp		448			461							461			Thanh toán 100%	
40	Cung cấp, thi công hệ thống PCCC	Công ty TNHH XD PCCC Thuận Tiến		1.171			629							629			Thanh toán đợt 1	
41	Phí đăng TBMT gói thầu: CC, LD thiết bị và cấu hình thử nghiệm kết nối SCADA với TTĐĐ HTĐ Quốc gia						0,32							0				
42	BS03 - CC, LD thiết bị và cấu hình thử nghiệm kết nối SCADA với TTĐĐ HTĐ Quốc gia	Công ty cổ phần Công nghệ mạng và Truyền thông		2.048			676							676			Tạm ứng 30%	
43	Lập quy trình phối hợp vận hành với TTĐĐ HTĐ Quốc gia	Công ty cổ phần Giải pháp Quản lý Năng Lượng		272			272							272			Thanh toán 100%	
44	BS04: Quan trắc chuyên dịch chu kỳ "0" và chu kỳ "1"	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2		1.819			400							400			Tạm ứng 20%	
45	K.01: Thi công hệ thống thông gió, điều hòa, điện chiếu sáng, kết cấu thép và công trình	Công ty TNHH Thành Phát		5.062			2.784							2.784			Tạm ứng 50%	
Tổng cộng						58.980	79.193	6.737	11.061	11.535	14.404	21.091	18.577	19.616	35.150	134%		
									164%		125%		88%		179%			
Giá trị thực hiện (không tính tạm ứng)						58.980	74.885	6.737	11.061	11.535	14.404	21.091	17.490	19.616	31.930			

KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN DA MRNMTĐ ĐA NHIM NĂM 2019

(Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐĐHD ngày tháng năm 2019)

DVT: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Năm 2019	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Thực hiện	189.561	53.112	39.657	40.656	56.137
a	Vốn ODA	158.119	43.028	33.055	32.028	50.008
b	Vốn đối ứng	31.442	10.083	6.602	8.628	6.128
2	Giải ngân	214.693	63.604	30.876	83.712	36.501
a	Vốn ODA	183.251	53.520	24.274	75.084	30.373
b	Vốn đối ứng	31.442	10.083	6.602	8.628	6.128

KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ODA NĂM 2019
(Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐĐHD ngày tháng năm 2019)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Hạng mục	Giá trị		Lũy kế 2016, 2017, 2018	Kế hoạch năm 2019						KH 2020	Ghi chú	
		Dự toán	Hợp đồng		Năm 2019		Quý I		Quý II	Quý III			Quý IV
					KH	TH	KH	TH	KH	KH			KH
1	Gói số 12 - (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp												
a	Khối lượng thực hiện	141.718	134.344	114.142	29.416	11.769	9.371	11.769	7.139	5.940	6.966		Nghiệm thu đợt 15+16
b	Giải ngân			109.291	40.309	3.048	3.107	3.048	21.196	9.556	6.451		Thanh toán đợt 15-JPY
2	Gói số 12.01 - (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính												
a	Khối lượng thực hiện	593.783	589.551	412.544	71.485	14.746	10.218	14.746	-	26.087	35.180	18.926	Nghiệm thu đợt 34
b	Giải ngân			409.111	66.687	36.174	42.765	36.174	-	-	23.922	97.283	Thanh toán đợt 30+31+32+33
3	Gói số 12.02 - (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công												
a	Khối lượng thực hiện	220.555	158.209	154.305	3.904	-	3.459	-			445	-	
b	Giải ngân			133.639	15.448	3.692	3.692	3.692	3.078	8.677		9.122	Thanh toán đợt 12
4	Gói số 12.03- (DNE-D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện												
a	Khối lượng thực hiện	425.421	362.810	322.848	39.962	19.114	19.981	19.114	19.981				Nghiệm thu đợt 6-VND
b	Giải ngân			293.753	50.917	-		-		50.917		18.141	
5	Lãi vay trong thời gian xây dựng												
a	Thực hiện	28.030		14.679	13.351	-		-	5.935		7.416	-	
b	Giải ngân			10.723	9.891	864	3.956	864		5.935		7.416	Tính đến ngày 20/01/19
6	TỔNG CỘNG												
	Khối lượng thực hiện				158.119	45.629	43.028	45.629	33.055	32.028	50.008	18.926	
	Giải ngân				183.251	43.778	53.520	43.778	24.274	75.084	30.373	131.962	

KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2019

(Đình kèm Báo cáo số /BC-TĐĐHD ngày tháng năm 2019)

ĐVT: Triệu đồng

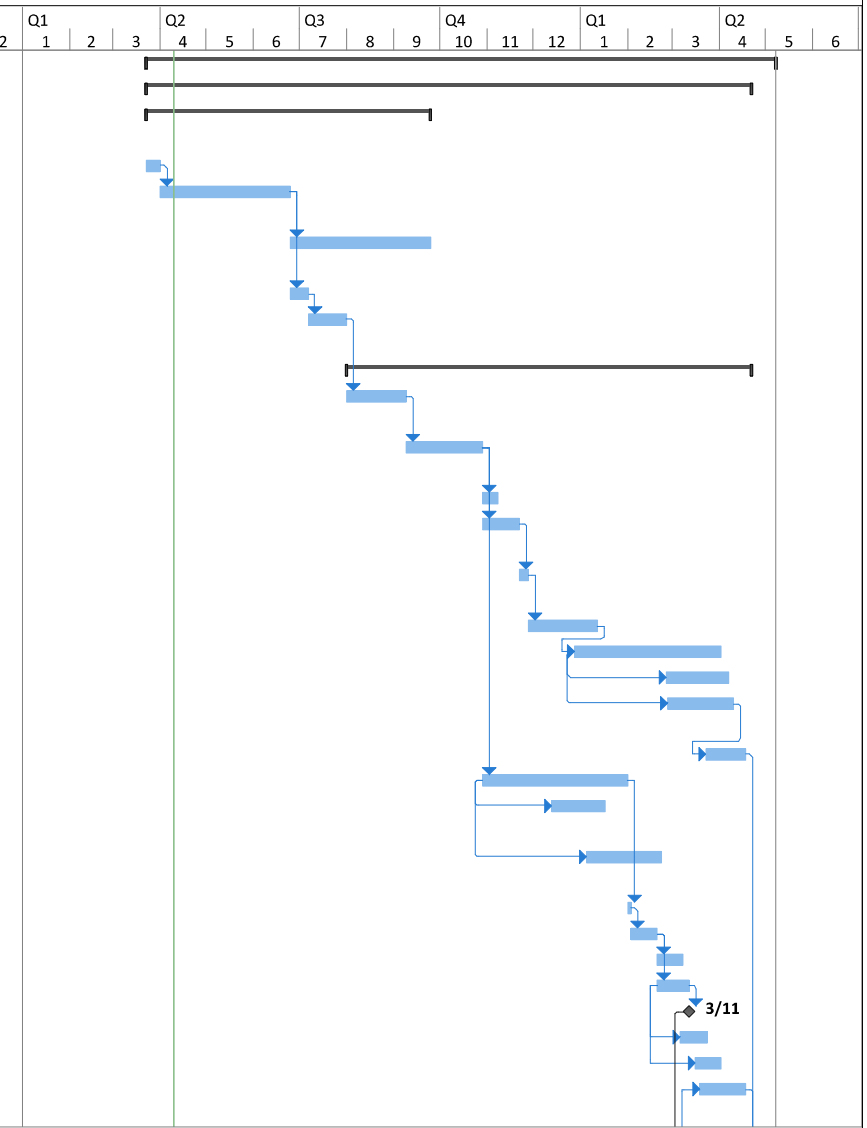
Stt	Hạng mục	Đơn vị thực hiện	Dự toán	Hợp đồng	Lũy kế -> 2018	Năm 2019		Quý I		Quý II	Quý III	Quý IV	Tỷ lệ	Ghi chú
						KH	TH	KH	TH	KH	KH	KH		
1	Gói số 12.04 - (DNE-D4): Bảo hiểm công trình	LD BH PVI - BẢO VIỆT - PJICO	8.143	5.922	5.626	296	-	296						Thanh toán 5% còn lại
2	Gói thầu Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành	Cty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C	1.756	803	421	174	-					174	0%	Hợp đồng thực hiện trong 3 năm, thanh toán 2 lần mỗi năm (khoảng 268 triệu)
3	Mô tả địa chất hồ móng dự án Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2	2.127	2.854	1.974	880	-					880		
4	Gói số 13-(DNE-E1) Chi phí y tế và phòng chống HIV	Trung tâm Phát triển Cộng đồng và Trẻ em	2.701	2.187	1.593	595	183	297	183		297		31%	Thanh toán đợt 8,9
5	Chi phí quản lý dự án		13.341		11.271	1.296	34	324	34	324	324	324	3%	Do tiến độ đào hầm kéo dài nên CPQLDA 2019 sẽ lấy từ CP BCBSX, chi tiết tại Phụ lục III.3
6	Thuế VAT, thuế nhà thầu Gói thầu số 12 - (DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp				11.764	4.031	604	311	604	2.120	956	645	15%	
7	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.01 - (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính				39.713	6.669	3.016	4.276	3.016	-	-	2.392		
8	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.02 - (DNE - D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công				15.430	1.545	-	369	-	308	868	-		
9	Thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu Gói thầu số 12.03 - (DNE - D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện				32.748	5.092	735	-	735	-	5.092	-	14%	
10	Chi phí an ninh bảo vệ				960	120	-	30		30	30	30	0%	30 triệu/tháng
11	Chi phí môi sinh, môi trường				263	94	-	24		24	24	24	0%	Phí kiểm định môi trường hàng quý khoảng 23,57 triệu đồng/quý
12	Thuế quản lý vận hành đường dây và TBA 22kV Đơn Dương				130	39	-				39		0%	
13	Phí cho vay lại		18.667		1.629	1.750	-	750			1.000		0%	
14	Hội đồng nghiệm thu nhà nước				832	200	-			100		100		
15	Lập hồ sơ thỏa thuận thiết kế kỹ thuật hệ thống đo đếm điện năng.		151	120	-	120	120	120	120					Thanh toán 100%
16	Ghi hình tư liệu Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - gd2		429	360	119	241	-					241		Thanh toán giá trị hợp đồng còn lại
17	Gói thầu XL01: Thi công xây dựng tuyến đường ống từ van thủy nông hiện hữu đến nhà van tổ máy 5			1.711	1.132	580	486	580	486					Thanh toán đợt 2
18	Gói thầu XL02: CC, lắp đặt và cài tạo thiết bị CKTC, DA MR NMTĐ Đa Nhim			3.824	3.032	792	638	792	638					Thanh toán đợt 2
19	Cung cấp, thi công hệ thống PCCC			1.171	629	542	598	542	598					Thanh toán 100%
20	BS03 - CC, LD thiết bị và cấu hình thử nghiệm kết nối SCADA với TTĐĐ HTĐ Quốc gia			2.048	676	1.372	1.372	1.372	1.372					Thanh toán 100%
21	BS04: Quan trắc chuyển dịch chu kỳ "0" và chu kỳ "1"			1.819	400	1.419	-			1.419				Thanh toán 80% còn lại
22	K.01: Thi công hệ thống thông gió, điều hòa, điện chiếu sáng, kết cấu thép và công trình			5.062	2.784	2.278	-			2.278				Thanh toán 50% còn lại
24	Chi phí lập phương án PCCN					273	-					273		
25	Nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy					182	-					182		
26	Kiểm định an toàn cho các thiết bị					273	-					273		

Stt	Hạng mục	Đơn vị thực hiện	Dự toán	Hợp đồng	Lũy kế -> 2018	Năm 2019		Quý I		Quý II	Quý III	Quý IV	Tỷ lệ	Ghi chú
						KH	TH	KH	TH	KH	KH	KH		
27	Nghiệm thu hệ thống đo đếm bao gồm chỉnh định rơ le					455	-					455		
28	Nghiệm thu đóng điện trạm					136	-					136		
	Tổng cộng		75.227	89.947		31.442	7.786	10.083	7.786	6.602	8.628	6.128		

77%

TIẾN ĐỘ THI CÔNG DNEK

ID	HẠNG MỤC	Thời gian	Bắt đầu	Kết thúc	Predecessors	Thi công																	
						12	Q1			Q2			Q3			Q4			Q1			Q2	
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6
1	TIẾN ĐỘ THI CÔNG DNEK NĂM 2019-2020	412 days	Mar 23 '19	May 7 '20																			
2	I. GÓI THẦU 12.01-(DNE-D1)	396 days	Mar 23 '19	Apr 21 '20																			
3	Xử lý sụt trượt bùn và đất từ lý trình từ Km1+006.15m đến Km1+035m	186 days	Mar 23 '19	Sep 24 '19																			
4	Khảo sát hiện trường sau khi sự cố và hợp thống nhất PA xử lý	9 days	Mar 23 '19	Mar 31 '19																			
5	Xử lý giai đoạn 1: 03 hố khảo sát, 35 hố phụ và 03 hố kiểm tra và đủ điều kiện để xúc dọn đất, đá trong hầm	85 days	Apr 1 '19	Jun 24 '19	4																		
6	Xử lý giai đoạn 2: 04 hố khảo sát, 60 hố phụ và 06 hố kiểm tra và đủ điều kiện đảm bảo an toàn đường hầm TBM	92 days	Jun 25 '19	Sep 24 '19	5																		
7	Xúc dọn bùn, đất đá khu vực TBM bị sụt trượt	12 days	Jun 25 '19	Jul 6 '19	5																		
8	Vệ sinh, kiểm tra và khắc phục các hư hỏng để đưa TBM vào vận hành	25 days	Jul 7 '19	Jul 31 '19	7																		
9	Đào hầm còn lại bằng TBM	265 days	Aug 1 '19	Apr 21 '20																			
10	Đào hầm bằng TBM từ lý trình Km1+006.15 đến Km0+879.11 (i=0.1%, 2<Q<10)	39 days	Aug 1 '19	Sep 8 '19	8																		
11	Đào hầm bằng TBM từ lý trình Km 0+879.11 đến Km0+367.10 (i=4.5%, Q>10)	50 days	Sep 9 '19	Oct 28 '19	10																		
12	Công tác lắp đặt và Bơm nước để kiểm tra khoan buồng tháo T	10 days	Oct 29 '19	Nov 7 '19	11																		
13	Đào hầm bằng TBM từ lý trình Km0+367.10 đến Km0+127.10 (i=4.5%, Q>10)	24 days	Oct 29 '19	Nov 21 '19	11																		
14	Đào hầm bằng TBM từ lý trình Km0+127.10 đến Km0+77.10 (i=0.5%, Q>10)	6 days	Nov 22 '19	Nov 27 '19	13																		
15	Tháo toàn bộ TBM	45 days	Nov 28 '19	Jan 11 '20	14																		
16	Bê tông vữa hầm từ CNN đến lý trình Km1+126.0m	96 days	Dec 28 '19	Apr 1 '20	15FS-15 days																		
17	Phụ lấp đầy hầm TBM từ CNN đến lý trình Km1+126.0m	41 days	Feb 26 '20	Apr 6 '20	16SS+60 days																		
18	Khoan phụ gia cố hầm TBM từ CNN đến lý trình Km1+126.0m (760 lỗ)	43 days	Feb 27 '20	Apr 9 '20	16SS+61 days																		
19	Tháo dỡ ray và vệ sinh hướng CNN	26 days	Mar 23 '20	Apr 17 '20	18FS-18 days																		
20	Bê tông vữa hầm từ nhà van đến lý trình Km1+126.0m	95 days	Oct 29 '19	Jan 31 '20	11																		
21	Phun vữa và phụ lấp đầy hầm TBM từ nhà van đến lý trình Km1+126.0m	35 days	Dec 13 '19	Jan 16 '20	20SS+45 days																		
22	Phun vữa và khoan phụ gia cố hầm TBM từ nhà van đến lý trình Km1+126.0m (472 lỗ)	49 days	Jan 5 '20	Feb 22 '20	20SS+68 days																		
23	Chuyển hệ thống điện cao thế sang phía thượng lưu	2 days	Feb 1 '20	Feb 2 '20	20																		
24	Khoan nổ cho bẫy đá và đoạn còn lại tháp điều áp	17 days	Feb 3 '20	Feb 19 '20	23																		
25	Bê tông cho bẫy đá và đoạn còn lại tháp điều áp	17 days	Feb 20 '20	Mar 7 '20	24																		
26	Bê tông vữa hầm (từ bẫy đá đến đường ống lót thép và tháp điều áp)	21 days	Feb 20 '20	Mar 11 '20	24																		
27	Bản giao cho gói 12.02 lắp đặt	0 days	Mar 11 '20	Mar 11 '20	26																		
28	Phụ lấp đầy bê tông từ bẫy đá đến đầu đường ống lót thép	18 days	Mar 6 '20	Mar 23 '20	26SS+15 day																		
29	Phụ gia cố từ bẫy đá đến đầu đường ống lót thép	17 days	Mar 16 '20	Apr 1 '20	26SS+25 day																		
30	Đổ bê tông lấp đầy, khoan phụ đường ống lót thép (bao gồm thời gian lắp)	30 days	Mar 19 '20	Apr 17 '20	37SS+7 days																		



Project: DNEK Date: Apr 10 '19	Task		Project Summary		Inactive Milestone		Manual Summary Rollup		Deadline	
	Split		External Tasks		Inactive Summary		Manual Summary		Progress	
	Milestone		External Milestone		Manual Task		Start-only		Manual Progress	
	Summary		Inactive Task		Duration-only		Finish-only			

Phụ lục VI.2:
Tình hình thực hiện trong năm 2018 - Kế hoạch năm 2019
Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
(Đính kèm Báo cáo số...../BC-TĐHĐ ngày...../...../2019)

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi (DMS).
2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
3. Địa điểm xây dựng: Dự án được xây dựng tại xã La Ngâu, huyện Tánh Linh; xã La Dạ và xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.
4. Quy mô /sản lượng điện:47,5MWp/69,9 triệu kWh cho năm đầu.
5. Nhóm dự án và cấp công trình: Dự án nhóm B, Công trình cấp I.
6. Diện tích đất sử dụng: 56,65ha không di dân tái định cư, trong đó:
 - Tổng diện tích mặt nước: 50,0ha (Thuộc quyền sử dụng đất của Công ty).
 - Tổng diện tích trên đất liền: khoảng 6,65 ha (trong đó 0,77 ha thuộc Công ty, còn lại 5,88 ha chủ yếu là đất nghèo trồng cây lâu năm của các hộ dân sẽ được đền bù).
7. Tổng mức đầu tư và chỉ tiêu kinh tế:
 - Tổng mức đầu tư khoảng 1.438,8 tỷ đồng (Vốn đối ứng của Công ty chiếm 30% tổng mức đầu tư, còn lại là vốn vay thương mại);
 - Giá bán điện: 9,35 UScent/kWh;
 - Thời gian hoàn vốn: 14,5 năm.
8. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến:
 - Lập BSQH và phê duyệt BSQH: Quý IV/2016 - Quý I/2017;
 - Lập BCNCKT và phê duyệt BCNCKT: Quý I - IV/2017;
 - Phê duyệt kế hoạch lựa chọn Nhà thầu: Đầu Quý IV/2017;
 - Lựa chọn Nhà thầu: Quý I/2018 - Quý II/2018;
 - Thực hiện dự án: Quý II/2018 - Quý II/2019;
 - Vận hành phát điện: Quý II/2019.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẾN QUÝ IV NĂM 2018

1. Các công tác đã thực hiện trước năm 2018

a) Công việc liên quan đến địa phương

- Dự án đã được bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011-2015, có xét đến 2020 tại Quyết định số 974/QĐ-BCT ngày 22/03/2017 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt điều chỉnh.
- UBND tỉnh Bình Thuận đã có Quyết định chủ trương đầu tư số 2960/QĐ-UBND ngày 13/10/2017; Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Thuận cấp giấy chứng nhận đầu tư số

0487764632 ngày 06/02/2018. Công ty đã tiến hành ký quỹ thực hiện dự án trong Quý I/2018.

- Báo cáo Nghiên cứu khả thi đã được Sở Công Thương tỉnh Bình Thuận thẩm định tại văn bản số 1974/SCT-QLĐ ngày 13/9/2017 và Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thẩm định tại văn bản số 534/ĐL-NLTT ngày 13/12/2017.

- Giải pháp PCCC của dự án trong BC NCKT đã được Công an tỉnh Bình Thuận chấp thuận tại văn bản số 1136/PCCC ngày 16/10/2017 và 1231/PCCC ngày 10/11/2017.

- UBND tỉnh Bình Thuận đã phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cho phần đất thuộc huyện Tánh Linh tại Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 và cho phần đất huyện Hàm Thuận Bắc tại Quyết định 768/QĐ-UBND ngày 20/03/2018.

b) Công việc thực hiện của Chủ đầu tư

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện mặt trời Đa Mi tại Quyết định số 110/QĐ-TĐĐHĐ ngày 18/12/2017.

- Dự án đã ký kết thoả thuận đầu nối giữa Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi số 10/2017/EVN SPC-Solar.DaMi ngày 27/10/2017.

2. Tình hình thực hiện dự án trong năm 2018

2.1. Các công tác liên quan đến địa phương

- UBND tỉnh Bình Thuận đã phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cho phần đất thuộc huyện Tánh Linh tại Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 29/03/2018 và cho phần đất huyện Hàm Thuận Bắc tại Quyết định 768/QĐ-UBND ngày 20/03/2018.

- Bản đồ giải thửa cho phần đất đền bù giải toả 5,88 ha đã được Sở TNMT tỉnh Bình Thuận phê duyệt tháng 01/2018.

- Công ty đã tiến hành chi trả cho các hộ dân huyện Hàm Thuận Bắc với tổng số hộ dân nhận là 21/29 hộ và các hộ dân huyện Tánh Linh với tổng số hộ dân nhận là 16/16 hộ dân. Đến nay công tác đền bù còn tồn tại 1 trụ số 8 của đường dây 110kV và hành lang tuyến 110kV. Dự kiến hoàn thành trong đầu tháng 03/2019.

2.2. Công việc thực hiện của Chủ đầu tư

- Kế hoạch đấu thầu tổng thể của dự án đã được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi phê duyệt tại Quyết định số 03/QĐ-TĐĐHĐ ngày 03/01/2018.

- Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã ký thư thoả thuận cho vay vốn với ADB ngày 18/12/2017 vay USD chiếm 60% TMĐT và thoả thuận ghi nhớ với ngân hàng BIDV vay VNĐ chiếm 10% TMĐT.

- Thoả thuận SCADA giữa A0 và ĐHĐ đã ký kết vào ngày 02/5/2018.

- Thoả thuận hệ thống đo đếm điện năng và hệ thống thu thập số liệu đo đếm giữa EVNEPTC và ĐHĐ ký kết vào ngày 30/05/2018.

- Hợp đồng mua bán điện đã được ký kết ngày 24/9/2018.

- Công tác thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật:

- + Công tác lập Thiết kế kỹ thuật-Tổng dự toán đã hoàn thành trong tháng 9/2018.
- + Công tác thẩm tra thiết kế kỹ thuật do Liên danh Trung tâm Tư vấn, Đào tạo, Thông tin Điện lực và Năng lượng tái tạo và Viện Khoa học Năng lượng thực hiện, từ tháng 11/2018.
- + Công thẩm định TKKT: Trình TKKT lên Bộ Công thương ngày 14/11/2018. Cục Điện lực và Năng lượng Tái tạo của Bộ Công thương thẩm định theo văn bản thông báo kết quả thẩm định số 104/ĐL-NLTT ngày 16/01/2019.

Hiện nay đang trình bổ sung TKKT theo ý kiến thẩm định cho Bộ Công thương.

- Công tác thỏa thuận hướng tuyến: Đến ngày 31/12/2018 chưa hoàn thành.

2.3. Các gói thầu phụ trợ của dự án

- Công tác khảo sát lập phương án rà phá bom mìn, vật nổ: Hoàn thành trong tháng 8/2018.
- Công tác rà phá bom mìn, vật nổ: Đã hoàn thành công tác rà phá bom mìn trong tháng 10/2018.
- Bảo hiểm công trình: Đã ký hợp đồng ngày 11/06/2018.

2.4. Các gói thầu tư vấn

- Hợp đồng gói thầu DMS-14: Tư vấn quản lý dự án đã được ký kết ngày 31/5/2018 giữa Công ty ĐHH và Ban quản lý dự án Nhà máy thủy điện Sơn La. Tính đến ngày 31/12/2018 đã huy động khoảng 64,84 tháng công/Tổng số tháng công là 166 tháng công.
- Hợp đồng gói thầu DMS-19: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật các gói thầu EPC đã được ký kết ngày 29/5/2018 giữa Công ty ĐHH và liên danh của Ban quản lý dự án Nhà máy thủy điện Sơn La với AF Aries Energia. Tính đến ngày 31/12/2018 đã huy động khoảng 36,69 tháng công/Tổng số 72,75 tháng công, trong đó phần chuyên gia nước ngoài huy động đến tháng 31/12/2018 là 2,52 tháng công/Tổng số 6,75 tháng công.

2.5. Hợp đồng vay vốn

Các hợp đồng liên quan đến công tác vay vốn từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB):

- Hợp đồng ba bên giữa ADB-ĐHH- MOTT MACDONALD (Tư vấn môi trường xã hội) đã được ký kết ngày 10/4/2018
- Hợp đồng ba bên giữa ADB-ĐHH- Pöyry Switzerland Ltd (Tư vấn kỹ thuật) đã được ký kết ngày 3/5/2018
- Hợp đồng tư vấn luật giữa Watson, Farley&Williams và LVN & Associates và ĐHH đã được ký kết ngày 8/5/2018.

Đến nay đã đàm phán với Nhà tài trợ ADB và đang trình cơ quan cấp thẩm quyền xem xét thông qua hợp đồng vay vốn.

Tuy nhiên sau khi Tập đoàn Điện lực Việt Nam xem xét đã có văn bản chỉ đạo số 6904/EVN-TCKT ngày 26/12/2018, theo đó nguồn vốn để thực hiện dự án sẽ được thu xếp bằng nguồn vốn vay trong nước. Dự kiến phát hành hồ sơ yêu cầu nhà tài trợ cung cấp khoản vay trong nước ngày 06/03/2019.

2.6. Tình hình thực hiện các gói thầu chính trong năm 2018

a) Gói DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm thiết bị quang điện

- Nhà thầu: Liên danh Nhà thầu Powerchina Huadong Engineering Coporation Limited (Trung Quốc) và Chint Solar (Zhejiang) Co., Ltd (Trung Quốc) và Sinohydro Corporation Limited (Trung Quốc).

- Ngày ký hợp đồng 4/7/2018, thời gian hoàn thành (đóng điện) là 305 ngày.

- Giá hợp đồng: 25.730.111 USD và 28.297.294.340 VNĐ

- Phạm vi công việc chính: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thí nghiệm và hiệu chỉnh hệ thống tấm pin mặt trời 330Wp-72 cells-17,1% tương ứng 47,5MWp; hệ thống inverter 2550kW/18 bộ; hệ thống SCADA/DCS;

- Các công tác đã thực hiện:

+ Hoàn thành công tác vận chuyển đến công trường 30,15MWp tấm pin mặt trời tháng 12/2018, Hoàn thành việc vận chuyển toàn bộ khối lượng Pin đến công trường ngày 25/01/2019.

+ Hoàn thành chế tạo toàn bộ hệ thống inverter, biến áp 0,63/22kV, cáp DC tương ứng 47,5 MWp và đã vận chuyển đến công trường trong tháng 11/2018.

+ Công tác lắp đặt các tấm PIN triển khai từ ngày 21/10/2018, đến 31/12/2018 khoảng 24,9MWp.

Nhìn chung tiến độ thực hiện gói thầu DMS-8 trong năm 2018 về cơ bản đáp ứng tiến độ của Hợp đồng.

b) Gói DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo

- Nhà thầu: Liên danh Nhà thầu National Research Institute of Mechanical Engineering (Viện nghiên cứu cơ khí) và Shanghai Qihua Waterborne Engineering Construction Co., Ltd. (Trung Quốc).

- Ngày ký hợp đồng 29/5/2018, thời gian hoàn thành: 305 ngày.

- Giá hợp đồng: 5.006.265 USD và 337.045.271.200 VNĐ.

- Phạm vi công việc chính: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thí nghiệm và hiệu chỉnh hệ thống phao đỡ pin mặt trời, hệ thống phao vận hành tương ứng 47,5MWp và hệ thống neo bờ, neo đáy.

- Các công tác đã thực hiện:

+ Công tác sản xuất phao lũy kế đến ngày 31/12/2018 tương đương khoảng 29,02MWp ước đạt 61,10% khối lượng phao thiết kế.

+ Công tác lắp đặt phao đỡ Pin lũy kế ngày 31/12/2018 tương đương khoảng 24,9MWp ước đạt 52,4% khối lượng phao thiết kế.

+ Đến ngày 31/12/2018, đã hoàn thành công tác neo, thả được 69/144 neo đáy loại lớn 5,38m³ và 139/296 neo đáy loại nhỏ 3,82m³.

Nhìn chung tiến độ thực hiện gói thầu DMS-9 trong năm 2018 về cơ bản đáp ứng tiến độ của Hợp đồng.

c) Gói DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV

- Nhà thầu: Liên danh Nhà thầu Công ty Cổ phần Xây lắp điện I và Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ thông tin và Công ty Cổ phần Hệ thống Kỹ thuật Ứng dụng.

- Ngày ký hợp đồng 21/6/2018, thời gian hoàn thành là 350 ngày

- Giá hợp đồng: 84.502.023.516 đồng

- Phạm vi công việc chính: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thí nghiệm và hiệu chỉnh trạm biến áp 22/110kV-63MVA; đường dây 22kV dài khoảng 0,6km; đường dây 110kV dài khoảng 3,5km và hệ thống SCADA/DCS.

- Các công tác đã thực hiện

+ Công tác thi công trạm 110kV tính đến ngày 31/12/2018 ước đạt 75% khối lượng, chậm tiến độ (lắp đặt máy biến áp 110kV/63MVA; giàn thanh cái và các thiết bị liên quan).

+ Công tác thi công trạm inverter A tính đến ngày 31/12/2018 ước đạt trạm Inverter A ước đạt 75% khối lượng, trong đó phần xây dựng móng Inverter và máy biến áp hoàn thành, các công việc xây dựng nhà trạm và mương cáp đang thực hiện.

+ Công tác thi công trạm inverter B tính đến ngày 31/12/2018 đang triển khai sang gạt mặt bằng và tập trung vận chuyển vật liệu tập kết ra đảo.

+ Công tác thi công đường dây 110kV: tính đến ngày 31/12/2018 thi công móng 11/12 trụ, Hoàn thành xây dựng móng 5/12 trụ (tính đến ngày 10/01/2019). Móng trụ số 8 chưa thi công, do vướng công tác đền bù và chưa bàn giao mặt bằng.

Nhìn chung tiến độ thực hiện gói thầu DMS-10 tính đến ngày 09/01/2019 chưa đáp ứng tiến độ theo cam kết nhưng sẽ đảm bảo tiến độ hoàn thành trước 30/6/2019.

2.7. Tình hình giải ngân Dự án trong năm 2018

Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi đăng ký giải ngân năm 2018 là **283,787** tỷ đồng (trước VAT). Giá trị giải ngân đến ngày 31/12/2018 đạt là **380,654** tỷ đồng (trước VAT) đạt 134% kế hoạch năm. Chi tiết như phụ lục đính kèm.

- Đối với gói thầu DMS-8: Kế hoạch/thực hiện giải ngân là 143,622/205,553 tỷ đồng, phần giải ngân vượt kế hoạch do thiết bị chế tạo và cung cấp đến công trường sớm hơn dự kiến được căn cứ theo Hợp đồng.

- Đối với gói thầu DMS-9: Kế hoạch/thực hiện giải ngân là 49,406/133,800 tỷ đồng, phần giải ngân vượt kế hoạch do nhà thầu sản xuất phao tại chỗ do đó việc cung ứng phao sớm hơn so với phương án nhập phao thành phẩm như dự kiến.

- Đối với gói thầu DMS-10: Kế hoạch/thực hiện giải ngân là 49,127/19,205 tỷ đồng, phần giải ngân chậm so với kế hoạch do tiến độ thi công chậm.

Tóm tắt tình hình giải ngân của dự án trong năm 2018 như sau:

Đơn vị: Tỷ Đồng (Trước VAT)

Stt	Nguồn Vốn	Năm 2018	Quy I	Quy II	Quy III	Quy IV
1	KH Thực hiện	412,673	7,425	20,006	1,940	383,302
a	Vốn vay	295,670	-	-	-	295,670

Stt	Nguồn Vốn	Năm 2018	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
b	Vốn đối ứng	117,003	7,425	20,006	1,940	87,632
2	KH Giải ngân	283,787	7,425	71,259	107,418	97,685
a	Vốn vay	193,028	-	49,406	86,173	57,449
b	Vốn đối ứng	90,759	7,425	21,853	21,245	40,236
3	Số giải Ngân	380,654	8,024	65,306	107,049	200,274
a	Vốn vay	339,353	-	61,522	81,101	196,730
b	Vốn đối ứng	41,300	8,024	3,783	25,948	3,544
Kết quả thực hiện		134%	134%	108%	91.6%	99.7%

3. Kế hoạch và tình hình thực hiện trong Quý I năm 2019

3.1. Các hạng mục chính

a) Công việc chung:

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng: Dự kiến hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng cho trụ số 8 đường dây 110kV trong tháng 03/2019.

- Công tác thỏa thuận mặt bằng và hướng tuyến: Hoàn thành trong tháng 01/2019

- Phê duyệt TKKT, TKBVTC các gói thầu chính dự kiến trong tháng 3/2019.

+ UBND tỉnh Bình Thuận đã ban hành văn bản số 56 /UBND-KT ngày 04/01/2019 về thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110 kV và đường dây 22 kV Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

+ Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Thuận đã ban hành văn bản số 335/SGTVT-HTGT ngày 31/01/2019 về việc chấp thuận xây dựng và thi công xây dựng công trình đường dây 110kV thuộc dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi vượt Quốc lộ 55 tại Km 186+400, tỉnh Bình Thuận.

- Phát hành hồ sơ yêu cầu nhà tài trợ cung cấp khoản vay trong nước ngày 06/03/2019.

- Phát hành Hồ sơ chỉ định thầu Gói thầu DMS-26.2: Lập phương án đóng điện hòa lưới trạm và đường dây 110kV, Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi trong tháng 3/2019.

- Phát hành Hồ sơ yêu cầu gói thầu DMS-26.3: Cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống FR/PQ/PMU trong tháng 3/2019.

- Phát hành Hồ sơ yêu cầu gói thầu DMS-26.4: Cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống truyền dữ liệu SCADA về EVN SPC trong tháng 3/2019.

- Phát hành HSMT gói thầu DMS-13: Kiểm toán dự án, Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi dự kiến trong tháng 03/2019.

b) Gói DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện

+ Hoàn thành chế tạo và vận chuyển đến công trường tất cả các thiết bị LCU, thiết bị quan trắc khí tượng, thiết bị 22kV, cáp AC ngay trong tháng 02/2019.

+ Công tác lắp đặt Pin: Tính đến ngày 01/03/2019, tổng số tấm Pin lắp đặt đạt 90% tương đương 36MWp, Các mảng Pin A, B, F, E hoàn thành 100%, mảng Pin C hoàn thành 91%, mảng Pin D hoàn thành 53%. Dự kiến hoàn thành công tác lắp đặt Pin vào 31/03/2019.

+ Công tác lắp đặt Inverter và máy biến áp trạm Inverter A: Đã lắp đặt vào vị trí để móng ngày 29/12/2019. Hiện nay đang kéo cáp từ các mảng Pin đến SCB và từ SCB về trạm Inverter A.

+ Công tác lắp đặt SCB: Đến ngày 01/03/2019 đạt 62% (đã lắp đặt 151/245 hộp SCB), trong đó công tác lắp đặt SCB cho các mảng Pin A, B, E, F đã hoàn thành 100%.

+ Công tác lắp đặt cáp: Tính đến ngày 01/03/2019:

- Công tác lắp đặt cáp DC 1500VDC- 1x4mm² cho các chuỗi Pin: Hoàn thành 100% cho các mảng Pin A, B, F.

- Công tác lắp đặt cáp DC 1500VDC từ SCB đến Inverter A: Hoàn thành khoảng 26%, trong đó mảng A hoàn thành 100%, mảng B hoàn thành 36%, các mảng còn lại chưa thi công.

+ Công tác lắp đặt thiết bị 22kV và LCU trong trạm Inverter A: Lắp đặt các thiết bị phân phối 22KV từ ngày 26/02/2019, các thiết bị LCU đang chuẩn bị lắp đặt.

+ Công tác lắp đặt thiết bị 22kV và LCU trong trạm Inverter B: Chưa thi công.

+ Dự kiến hoàn thành công tác lắp đặt cho tất cả các thiết bị tương ứng với trạm Inverter A hoàn thành trong tháng 03/2019.

+ Công tác đóng điện cho trạm Inverter A dự kiến đầu tháng 4/2019

+ Công tác thử nghiệm, vận hành thử cho trạm Inverter A từ đầu tháng 3/2018.

+ Hoàn thành toàn bộ gói thầu DMS-8 và phát điện cho toàn bộ 47,5MWp dự kiến đầu tháng 05/2019.

c) Gói DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo

+ Hoàn thành công tác nghiệm thu mảng phao A, B, F để chuẩn đóng điện giai đoạn 1 tương ứng khoảng 20,5 MWp trong tháng 3/2019.

+ Hoàn thành công tác lắp đặt các mảng phao tương ứng công suất Pin lắp đặt 30MWp và ngày 15/01/2019.

+ Công tác sản xuất neo thả neo: Đến ngày 01/03/2019 hoàn thành công tác sản xuất neo 100%, hoàn thành công tác lắp đặt neo bờ 100%. Công tác thả neo đạt 88% (388/440 neo).

+ Công tác sản xuất phao: Tính đến ngày 01/03/2019 số lượng phao sản xuất lũy kế tương đương công suất lắp đặt 43,5MWp.

+ Dự kiến đến ngày 31/03/2019 hoàn thành lắp đặt phao, neo, cầu phao cho các mảng C, D, E còn lại

d) Gói DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm đường dây và trạm biến áp 110kV

+ Hoàn thành chế tạo và vận chuyển đến công trường các thiết bị tủ điều khiển, bảo vệ, tủ thiết bị hệ thống SCADA trong tháng 1/2019.

+ Công tác thi công trạm biến áp 22/110kV: Đến ngày 01/03/2019 cơ bản hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị, hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện và thử nghiệm.

+ Công tác thi công đường dây 110kV: Đến ngày 01/03/2019 hoàn thành toàn bộ công tác thi công xây lắp 9/12 trụ, 2 trụ đang thi công, 1 trụ số 8 chưa thi công do vướng mặt bằng. Dự kiến hoàn thành công tác xây dựng đường dây 110kV cuối tháng 03/2019.

+ Công tác thi công đường dây 22 kV: Đang triển khai thi công, dự kiến hoàn thành trong tháng 3/2019.

+ Công tác thi công trạm Inverter A: Đến ngày 01/03/2019 cơ bản hoàn thành công tác xây dựng. Đã bàn giao mặt bằng lắp đặt Inverter, Máy biến áp trạm Inverte A trong tháng 01/2019, bàn giao mặt bằng nhà điều khiển ngày 25/02/2019. Dự kiến hoàn thành toàn bộ trạm Inverter A trong tháng 4/2019.

+ Công tác thi công trạm Inverter B: Đến ngày 01/03/2019 đã hoàn thành công tác xây dựng 10 móng máy biến áp và 7 móng inverter (bắt đầu bàn giao cho nhà thầu gói DMS-8 dự kiến ngày 02/03/2019). Công tác xây dựng nhà điều khiển và mương cáp đang triển khai ước đạt 40% khối lượng.

Dự kiến hoàn thành công tác xây dựng và bàn giao mặt bằng trạm Inverte B dự kiến trong tháng 03/2019. Hoàn thành toàn bộ trạm Inverter B trong tháng 4/2019.

+ Công tác đóng điện cho đường dây 110kV, trạm 110kV và đường dây 22kV về trạm inverter A ngày 01/ 04/2019.

3.3. Tôn tại và các giải pháp thực hiện

a) Công tác đền bù giải phóng mặt bằng

- Huyện Hàm Thuận bắc còn 8 hộ dân chưa nhận tiền đền bù do nguyên nhân chủ yếu là vấn đề giá đền bù. Hiện Công ty đang tiếp tục phối hợp với địa phương vận động các hộ dân nhận tiền đền bù và đang khảo sát lập tuyến đường dây mới dự phòng trong trường hợp không thể đền bù giải phóng mặt bằng.

- Công tác giải phóng mặt bằng: Đến nay còn tồn tại trụ số 08 của đường dây 110kV và hành lang tuyến 110kV. Dự kiến hoàn thành trong tháng 03/2019.

Để đáp ứng tiến độ chung của dự án, các bên Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đã tích cực phối hợp với các ban ngành địa phương và vận động hộ dân để đền bù và việc hoàn thành công tác đền bù, bàn giao trụ số 8 trong tháng 03/2019. Trong thời gian chưa thi công được trụ số 8, triển khai thi công xây lắp, kéo dây và hoàn thành các khoản trụ còn lại.

b) Công tác vay vốn

Hiện nay công tác vay vốn chưa hoàn thành do lãi suất vay của ADB cao và do đó sẽ sử dụng nguồn vốn vay trong nước. Trong thời gian chưa có vốn vay, việc thanh toán cho các nhà thầu sẽ sử dụng vốn đối ứng.

Công tác vay vốn đang được triển khai dự kiến phát hành HSYC vào ngày 06/03/2019. Với việc sử dụng nguồn vốn vay trong nước với lãi suất vay tối thiểu 10%/năm có thể ảnh hưởng tiêu cực các chỉ tiêu tài chính của dự án.

c) Gói DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện

Hiện nay tiến độ lắp đặt các thiết bị Inverter, MBA, thiết bị 22kV, cáp . . . còn chậm so với kế hoạch ban đầu do mặt bằng, đế móng chưa sẵn sàng. Tuy nhiên công tác lắp đặt thiết bị 22kV, LCU không mất thời gian nhiều. Đối với công tác thi công cáp sẽ đẩy nhanh tiến độ thi công lắp đặt bằng cách huy động thêm nhân lực lắp để đảm bảo bù lại tiến độ chậm theo cam kết, đảm bảo hoàn thành lắp đặt và thử nghiệm trong tháng 3/2019.

Ngoài ra, để đảm bảo tiến độ chạy thử nghiệm Chủ đầu tư phối hợp cùng Tư vấn đơn đốc nhà thầu gói thầu DMS-10 tăng cường đẩy nhanh tiến độ để sớm đóng điện cho trạm biến áp 22/110kv và các trạm Inverter A, B.

Nhà thầu gói thầu DMS-8 có chậm thời điểm lắp đặt ban đầu nhưng tổng thể tiến độ chung sẽ đáp ứng vì hiện nay nhà thầu đã hoàn thành chế tạo và vận chuyển hầu hết các thiết bị đến công trường ngay trong tháng 12/2018, đáp ứng tiến độ theo Hợp đồng.

d) Gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo

Trong giai đoạn đầu việc sản xuất phao có năng suất thấp. Nguyên nhân do giai đoạn đầu đang đào tạo công nhân và hiệu chỉnh máy nên số lượng phao chưa đạt còn chiếm nhiều (trung bình hư hỏng là 60 phao chính/ngày).

Nhà thầu đã có biện pháp khắc phục bằng cách lắp đặt và đưa vào sản xuất thêm 01 máy phao chính từ ngày 12/11/2018, tăng ca làm việc và dự trữ đầy đủ nguyên vật liệu máy móc đảm bảo quá trình sản xuất liên tục đáp ứng tiến độ cam kết.

Đối với công tác thi công neo, tiến độ công tác thả neo đáy các mảng PIN-Phao nhà thầu thi công rất chậm do mức độ phức tạp cao của độ sâu và địa hình long hồ. Tuy nhiên, đến nay nhà thầu đã tăng cường thời gian thi công và khắc phục được khó khăn nên tiến độ thả neo đáy đã cải thiện đáng kể đáp ứng tiến độ.

Nhìn chung Nhà thầu DMS-9 hoàn toàn đủ khả năng đáp ứng tiến độ chung dự án.

e) Gói DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã tiến hành bàn giao trạm Inverter B ngày 10/9/2018; Trạm biến áp 110kV ngày 7/9/2018; Trụ điện 110KV số 1,2,3 ngày 29/8/2018; Trụ điện 110KV số 4 ngày 05/11/2018; Trụ điện 110KV số 5,6,7 ngày 17/9/2018; trụ điện 110kV số 10, 11 ngày 25/9/2018; trụ điện 110kV số 12 ngày 06/9/2018; Trạm inverter A 17/10/2018, đường vận hành ngày 25/9/2018.

Công tác thi công của Nhà thầu chưa đáp ứng tiến độ và nguy cơ một số hạng mục không đảm bảo tiến độ. So sánh với tiến độ của hợp đồng cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục	Bắt đầu	Kết thúc	Tình hình đến 18/02/2019	Đánh giá
1	Cung cấp MBA 63MVA, 22/110kV	23/06/2018	23/10/2018	Cung cấp ngày 5/12/2018, do mặt bằng chưa sẵn sàng	Cơ bản không ảnh hưởng tiến độ chung
2	Xây dựng nhà trạm 110kV và mặt bằng trạm	23/06/2018	23/11/2018	Chưa hoàn thành	Chưa đáp ứng

3	Cung cấp, lắp đặt trụ thép và các thiết bị đường dây 110kV	23/06/2018	23/11/2018	Chưa hoàn thành	Chưa đáp ứng tiến độ
4	Cung cấp trụ thép và các thiết bị 110kV tại trạm phân phối	08/11/2018	08/01/2019	Đã cung cấp phần thiết bị trạm 110kV	Đáp ứng tiến độ
5	Cung cấp thiết bị 22kV tại trạm phân phối 110kV	23/06/2018	07/11/2018	Cung cấp tháng 12/2018	Chưa đáp ứng tiến độ
6	Cung cấp thiết bị đường dây 22kV từ trạm 110kV đến các trạm Inverter	23/06/2018	23/11/2018	Tháng 01/2019	
7	Cung cấp lắp đặt thử nghiệm hệ thống báo cháy và chữa cháy	23/06/2018	27/12/2018	Cơ bản hoàn thành tháng 02/2019	
8	Cung cấp, lắp đặt thử nghiệm hệ thống điều khiển (DCS), rơ le bảo vệ, SCADA	23/06/2018	14/01/2019	Đang triển khai	
9	Xây dựng nhà trạm Inverter A và các thiết bị phụ khác	23/06/2018	23/10/2018	Chưa hoàn thành	Chưa đáp ứng tiến độ
10	Xây dựng nhà trạm Inverter B và các thiết bị phụ dịch khác	23/06/2018	23/12/2018	Chưa hoàn thành	Chưa đáp ứng tiến độ
11	Cung cấp, Lắp đặt nguồn điện tự dùng AC/DC tại nhà trạm 110kV	23/06/2018	23/10/2018	Chưa thực hiện	Chưa đáp ứng tiến độ
12	Cung cấp, Lắp đặt nguồn điện tự dùng AC/DC tại nhà trạm Inverter A	23/06/2018	23/10/2018	Chưa thực hiện	Chưa đáp ứng tiến độ
13	Cung cấp, Lắp đặt nguồn điện tự dùng AC/DC tại nhà trạm Inverter B	23/06/2018	23/12/2018	Chưa thực hiện	Chưa đáp ứng tiến độ
14	Đóng điện thử nghiệm đưa vào vận hành đường dây 110kV, trạm 110kV và Đường dây 22kV	23/06/2018	23/01/2019	Không khả thi	Chưa đáp ứng tiến độ

Công tác thi công của Nhà thầu chậm và một số hạng mục có thể không đảm bảo tiến độ cam kết của Hợp đồng. Tuy nhiên sẽ giải quyết bằng cách huy động nhân lực, máy móc đầy nhanh tiến độ để đáp ứng yêu cầu tiến độ nhà thầu cam kết, đảm bảo tiến độ phát điện 47,5MWp trước ngày 30/6/2019.

Nhìn chung, tiến độ hoàn thành dự án trong tháng 05/2019 như kế hoạch ban đầu có nguy cơ cao không đáp ứng.

4. Kế hoạch thực hiện dự án năm 2019

4.1. Các hạng mục thực hiện trong năm 2019 tóm tắt như sau, chi tiết xem Tiến độ tổng thể các hạng mục chính đính kèm

- **Gói thầu DMS-8:** Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm thiết bị quang điện.

Tiếp tục công tác mua sắm, vận chuyển và lắp đặt thiết bị. Hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị, thử nghiệm thiết bị và phát điện thương mại trong tháng 6/2019. Cụ thể các mốc chính như sau:

- Lắp đặt thiết bị trung thế trạm B: Tháng 4/2019.
- Lắp đặt thiết bị điều khiển và SCADA trạm A và B: Tháng 4/2019.
- Thử nghiệm thiết bị Trạm A: Tháng 4/2019.
- Thử nghiệm thiết bị Trạm B: Tháng 5/2019.
- Thử nghiệm các mảng pin: Tháng 4-5/2019.
- Thử nghiệm liên động và vận hành thương mại:
 - + Thử nghiệm liên động và vận hành thương mại 20MWp trước ngày 15/5/2019.
 - + Thử nghiệm liên động và vận hành thương mại 47MWp trước ngày 15/6/2019.
- Gói thầu DMS-9:** Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo.

Hoàn thành toàn bộ công tác lắp đặt, thử nghiệm và vận hành thử với khối lượng đạt 47,5MW vào ngày 31/03/2019.

- **Gói thầu DMS-10:** Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống trạm và đường dây 110KV.

+ Hoàn thành công tác xây dựng đường dây 22kV nối trạm 22/110kV với trạm Inverter A, B ngày 31/03/2019.

+ Hoàn thành công tác xây dựng đường dây 110kV trong tháng 4/2019.

+ Trạm InverterA: Bàn giao mặt bằng nhà trạm cho nhà thầu gói DMS-8 lắp đặt trong tháng 2/2019; Hoàn thành công tác xây dựng trong tháng 4/2019.

+ Trạm InverterB: Bàn giao mặt bằng nhà trạm cho nhà thầu gói DMS-8 lắp đặt trong tháng 3/2019; Hoàn thành công tác xây dựng 30/04/2019

+ Đóng điện thử nghiệm và đưa vào vận hành đường dây, trạm 110kV dự kiến 28/04/2019.

4.2. Kế hoạch giải ngân năm 2019

Tình hình giải ngân của dự án đến ngày 18/02/2019 như sau:

Đơn vị: Đồng

Số giải ngân của dự án	Trước VAT	Thuế TNDN nộp thay NTNN	Sau VAT
1. Từ đầu dự án đến 01/03/2019	483,031,830,975	2,483,528,020	551,893,358,658
2. Trong năm 2018 (đến 31/12/2018)	380,653,508,594	1,797,140,208	424,144,344,139
3. Trong năm 2019 (đến 01/03/2019)	98,448,425,100	686,387,812	123,426,568,993

Trong đó, số giải ngân có báo gồm 7.097,5 triệu đồng ký quỹ đầu tư cho dự án.

Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi đăng ký giải ngân năm 2019 là **721,311** tỷ đồng, tóm tắt như sau, chi tiết như Phụ lục đính kèm.

Đơn vị: Tỷ Đồng (Trước VAT)

Stt	Nguồn Vốn	Năm 2019	Quy I	Quy II	Quy III	Quy IV
1	KH Thực hiện	718,369	553,845	156,495	4,799	3,230
a	Vốn vay	625,852	479,549	146,303	-	-
b	Vốn đối ứng	92,517	74,296	10,191	4,799	3,230
2	KH Giải ngân	721,311	360,212	249,530	108,338	3,230
a	Vốn vay	625,852	295,592	227,417	102,842	-
b	Vốn đối ứng	95,459	64,620	22,113	5,496	3,230

Đính kèm: Tiến độ thi công DMS năm 2019.

TIẾN ĐỘ THI CÔNG DMS NĂM 2019

ID	Task Name	Duration	Start	Finish	2018			Qtr 3, 2018			Qtr 4, 2018			Qtr 1, 2019			Qtr 2, 2019		
					May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	
1	TỔNG TIẾN ĐỘ DMS NĂM 2019	394 days	Tue 5/29/18	Wed 6/26/19															
2	I. GÓI THẦU DMS-8	346 days	Wed 7/4/18	Sat 6/15/19															
3	Ngày ký hợp đồng	0 days	Wed 7/4/18	Wed 7/4/18															
4	Thực hiện	346 days	Wed 7/4/18	Sat 6/15/19															
5	1. Mua sắm và vận tải/ Procurement and Transportation	212 days	Wed 7/4/18	Fri 2/1/19															
24	2. Lắp đặt	235 days	Tue 10/23/18	Sat 6/15/19															
25	Tấm pin mặt trời	159 days	Tue 10/23/18	Sun 3/31/19															
26	Trạm A	62 days	Tue 10/23/18	Mon 12/24/18															
30	Trạm B	113 days	Sat 12/8/18	Sat 3/30/19															
34	Dây tiếp địa PV Modules - 25cm	124 days	Tue 12/11/18	Sun 4/14/19															
35	Trạm A	61 days	Tue 12/11/18	Sun 2/10/19															
39	Trạm B	63 days	Sun 2/10/19	Sun 4/14/19															
43	PV Inverter	69 days	Fri 1/25/19	Thu 4/4/19															
44	Trạm A	3 days	Fri 1/25/19	Mon 1/28/19															
45	Trạm B	20 days	Fri 3/15/19	Thu 4/4/19															
46	Máy biến áp 0,6/22kV	69 days	Fri 1/25/19	Thu 4/4/19															
47	Trạm A	3 days	Fri 1/25/19	Mon 1/28/19															
48	Trạm B	20 days	Fri 3/15/19	Thu 4/4/19															
49	Hộp gom dây - SCB	130 days	Sun 11/25/18	Thu 4/4/19															
50	Trạm A	56 days	Sun 11/25/18	Sun 1/20/19															
54	Trạm B	81 days	Sun 1/13/19	Wed 4/3/19															
58	Máng cáp	101 days	Thu 1/3/19	Sun 4/14/19															
59	Trạm A	49 days	Thu 1/3/19	Thu 2/21/19															
63	Trạm B	53 days	Wed 2/20/19	Sun 4/14/19															
67	Thiết bị trung thế	41 days	Sun 2/24/19	Sat 4/6/19															
68	Trạm A (15 tủ trung thế)	3 days	Sun 2/24/19	Wed 2/27/19															
69	Kéo cáp lực, cáp điều khiển và đấu nối cho thiết bị trạm	8 days	Wed 2/27/19	Thu 3/7/19															
70	Trạm B (18 tủ trung thế)	7 days	Wed 3/20/19	Wed 3/27/19															
71	Kéo cáp lực, cáp điều khiển và đấu nối cho thiết bị trạm	10 days	Wed 3/27/19	Sat 4/6/19															
72	LCU & SCADA	35 days	Wed 2/27/19	Wed 4/3/19															
73	Trạm A (4 tủ và bàn điều khiển)	2 days	Wed 2/27/19	Fri 3/1/19															
74	Kéo cáp và đấu nối cho thiết bị trạm A	3 days	Fri 3/1/19	Mon 3/4/19															
75	Trạm B (4 tủ và bàn điều khiển)	3 days	Thu 3/28/19	Sun 3/31/19															
76	Kéo cáp và đấu nối cho thiết bị trạm B	3 days	Sun 3/31/19	Wed 4/3/19															
77	Cáp DC	125 days	Thu 12/20/18	Wed 4/24/19															
78	Cáp DC loại 4 mm2 (từ pin đến hộp nối dây)	112 days	Thu 12/20/18	Thu 4/11/19															
79	Trạm A	70 days	Thu 12/20/18	Thu 2/28/19															
83	Trạm B	42 days	Thu 2/28/19	Thu 4/11/19															
87	Cáp lực DC từ hộp nối dây đến Inverter	70 days	Wed 2/13/19	Wed 4/24/19															
88	Trạm A	29 days	Wed 2/13/19	Thu 3/14/19															
92	Trạm B	41 days	Thu 3/14/19	Wed 4/24/19															
96	Thí nghiệm trước khi phát điện	68 days	Fri 2/22/19	Wed 5/1/19															

Project: DMS Date: Tue 4/2/19	Task		Project Summary		Inactive Milestone		Manual Summary Rollup		Deadline	
	Split		External Tasks		Inactive Summary		Manual Summary		Progress	
	Milestone		External Milestone		Manual Task		Start-only		Manual Progress	
	Summary		Inactive Task		Duration-only		Finish-only			

TIẾN ĐỘ THI CÔNG DMS NĂM 2019

ID	Task Name	Duration	Start	Finish	Qtr 3, 2018			Qtr 4, 2018			Qtr 1, 2019		Qtr 2, 2019					
					May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun
97	Thí nghiệm toàn bộ thiết bị trạm A	21 days	Thu 3/7/19	Thu 3/28/19														
98	Thí nghiệm toàn bộ thiết bị trạm B	21 days	Sat 4/6/19	Sat 4/27/19														
99	Thí nghiệm các mảng Pin	68 days	Fri 2/22/19	Wed 5/1/19														
100	Trạm A	27 days	Fri 2/22/19	Thu 3/21/19														
104	Trạm B	38 days	Sun 3/24/19	Wed 5/1/19														
108	Trạm khí tượng (3 trạm)	31 days	Fri 3/1/19	Mon 4/1/19														
112	Thử nghiệm liên động và phát điện thương mại	79 days	Thu 3/28/19	Sat 6/15/19														
113	Thử nghiệm liên động và phát điện trạm A	53 days	Thu 3/28/19	Mon 5/20/19														
114	Phát điện thương mại trạm A	1 day	Mon 5/20/19	Tue 5/21/19														
115	Thử nghiệm liên động và phát điện trạm B	44 days	Wed 5/1/19	Fri 6/14/19														
116	Phát điện thương mại trạm B	1 day	Fri 6/14/19	Sat 6/15/19														
117	II. Gói thầu DMS-9	306 days	Tue 5/29/18	Sun 3/31/19														
118	Ngày ký HD	0 days	Tue 5/29/18	Tue 5/29/18														
119	1. Chế tạo	198 days	Mon 9/3/18	Wed 3/20/19														
120	1.1. Chế tạo neo	65 days	Thu 11/1/18	Sat 1/5/19														
121	Neo đáy 3,82m3	10 days	Thu 11/1/18	Sun 11/11/18														
122	Neo đáy 5,38 m3	21 days	Sun 11/11/18	Sun 12/2/18														
123	Neo bờ 2,51 m3	11 days	Sun 12/2/18	Thu 12/13/18														
124	Neo bán ngập 3,96 m3	23 days	Thu 12/13/18	Sat 1/5/19														
125	1.2. Chế tạo phao	198 days	Mon 9/3/18	Wed 3/20/19														
126	Phao chính	198 days	Mon 9/3/18	Wed 3/20/19														
127	Phao phụ ngắn	190 days	Mon 9/3/18	Tue 3/12/19														
128	Phao phụ dài	192 days	Mon 9/3/18	Thu 3/14/19														
129	Phao thủy trình	27 days	Sun 1/6/19	Sat 2/2/19														
130	2. Lắp đặt	170 days	Sat 10/13/18	Sun 3/31/19														
131	2.1. Lắp đặt phao và cầu phao	169 days	Sat 10/13/18	Sat 3/30/19														
132	Trạm A	72 days	Sat 10/13/18	Sun 12/23/18														
136	Trạm B	127 days	Sat 11/24/18	Sat 3/30/19														
140	Cầu phao	76 days	Sun 1/13/19	Sat 3/30/19														
141	2.2. Thả neo đáy các mảng phao trạm A và B	135 days	Fri 11/16/18	Sun 3/31/19														
150	III. GÓI THẦU DMS-10	350 days	Thu 6/21/18	Thu 6/6/19														
151	Ngày ký hợp đồng	0 days	Thu 6/21/18	Thu 6/21/18														
152	Thực hiện	244 days	Wed 8/29/18	Tue 4/30/19														
153	1. Đường dây 110kV	242 days	Wed 8/29/18	Sun 4/28/19														
154	Trụ số 1 (Lắp trụ, đấu lèo tạm)	3 days	Tue 4/23/19	Fri 4/26/19														
155	Trụ số 2	136 days	Wed 8/29/18	Sat 1/12/19														
156	Trụ số 3	16 days	Sat 3/9/19	Mon 3/25/19														
157	Đổ bê tông hồ móng	4 days	Sat 3/9/19	Wed 3/13/19														
158	Lắp trụ	5 days	Wed 3/20/19	Mon 3/25/19														
159	Trụ số 4	76 days	Mon 11/5/18	Sun 1/20/19														
160	Trụ số 5	120 days	Mon 9/17/18	Tue 1/15/19														
161	Trụ số 6	124 days	Mon 9/17/18	Sat 1/19/19														

Project: DMS Date: Tue 4/2/19	Task		Project Summary		Inactive Milestone		Manual Summary Rollup		Deadline	
	Split		External Tasks		Inactive Summary		Manual Summary		Progress	
	Milestone		External Milestone		Manual Task		Start-only		Manual Progress	
	Summary		Inactive Task		Duration-only		Finish-only			

TIẾN ĐỘ THI CÔNG DMS NĂM 2019

ID	Task Name	Duration	Start	Finish	2018		Qtr 3, 2018			Qtr 4, 2018			Qtr 1, 2019		Qtr 2, 2019			
					May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun
162	Trụ số 7	160 days	Mon 9/17/18	Sun 2/24/19														
163	Trụ số 8	34 days	Wed 3/13/19	Tue 4/16/19														
164	Đào và đổ bê tông hố móng	23 days	Wed 3/13/19	Fri 4/5/19														
165	Lắp trụ	4 days	Fri 4/12/19	Tue 4/16/19														
166	Trụ số 9	54 days	Mon 1/14/19	Sat 3/9/19														
169	Trụ số 10	122 days	Tue 9/25/18	Fri 1/25/19														
170	Trụ số 11	126 days	Tue 9/25/18	Tue 1/29/19														
171	Trụ số 12	126 days	Thu 9/6/18	Thu 1/10/19														
172	Lắp sứ và kéo cáp từ trụ 10 đến 12 và đấu nối vào trạm 11	110 days	Fri 3/1/19	Mon 3/11/19														
173	Lắp sứ và kéo cáp từ trụ 1 đến 6	12 days	Mon 3/25/19	Sat 4/6/19														
174	Lắp sứ và kéo cáp từ trụ 6 đến 10	7 days	Tue 4/16/19	Tue 4/23/19														
175	Đấu nối vào đường dây 110 kV và đóng điện về trạm	2 days	Fri 4/26/19	Sun 4/28/19														
176	2. Trạm A	159 days	Fri 11/2/18	Wed 4/10/19														
177	Móng PV Inverter	0 days	Wed 1/23/19	Wed 1/23/19														
178	Móng PV Transformer (móng MBA)	0 days	Wed 1/23/19	Wed 1/23/19														
179	Hoàn thành phòng 22 kV	114 days	Fri 11/2/18	Sun 2/24/19														
180	Hoàn thành nhà điều khiển	115 days	Fri 11/2/18	Mon 2/25/19														
181	Hệ thống mương cáp ngoài trời	110 days	Fri 11/2/18	Wed 2/20/19														
182	Hoàn thiện trạm A	48 days	Thu 2/21/19	Wed 4/10/19														
183	3. Trạm B	135 days	Sun 12/16/18	Tue 4/30/19														
184	Móng PV Inverter	82 days	Sun 12/16/18	Fri 3/8/19														
185	Móng PV Transformer (móng MBA)	82 days	Sun 12/16/18	Fri 3/8/19														
186	Hoàn thành phòng 22 kV	94 days	Sun 12/16/18	Wed 3/20/19														
187	Hoàn thành nhà điều khiển	102 days	Sun 12/16/18	Thu 3/28/19														
188	Hệ thống mương cáp ngoài trời	37 days	Mon 2/11/19	Wed 3/20/19														
189	Hoàn thiện hệ thống mương cáp ngoài trời (mương cáp nối trạm với nhà điều khiển)	12 days	Thu 4/4/19	Tue 4/16/19														
190	Hoàn thiện trạm B	57 days	Mon 3/4/19	Tue 4/30/19														
191	4. Đường dây 22kV	166 days	Tue 9/25/18	Sun 3/10/19														
192	Đường dây 22kV nhánh A (10 trụ)	166 days	Tue 9/25/18	Sun 3/10/19														
195	Đường dây 22kV nhánh B (11 trụ)	166 days	Tue 9/25/18	Sun 3/10/19														
198	5. Trạm Biến Áp 110kV	115 days	Wed 12/5/18	Sat 3/30/19														
199	Hoàn thiện nhà điều khiển	45 days	Tue 1/29/19	Fri 3/15/19														
200	Máy biến áp	25 days	Wed 12/5/18	Sun 12/30/18														
201	Hệ thống PCCC (đã nghiệm thu và đang chờ cấp phép)	0 days	Thu 1/24/19	Thu 1/24/19														
202	Lắp đặt thiết bị trạm	0 days	Tue 1/8/19	Tue 1/8/19														
203	Kéo cáp và đấu nối	0 days	Mon 1/28/19	Mon 1/28/19														
204	Máy biến áp tự dùng	5 days	Mon 2/18/19	Sat 2/23/19														
205	Thí nghiệm toàn bộ thiết bị trạm	6 days	Fri 2/22/19	Thu 2/28/19														
206	Hoàn thành toàn bộ trạm ngoại trừ rải asphalt	24 days	Tue 2/19/19	Fri 3/15/19														
207	Hoàn thành toàn bộ asphalt trạm	15 days	Fri 3/15/19	Sat 3/30/19														
208	6. Đường Vận hành	187 days	Tue 10/16/18	Sat 4/20/19														

Project: DMS Date: Tue 4/2/19	Task		Project Summary		Inactive Milestone		Manual Summary Rollup		Deadline	
	Split		External Tasks		Inactive Summary		Manual Summary		Progress	
	Milestone		External Milestone		Manual Task		Start-only		Manual Progress	
	Summary		Inactive Task		Duration-only		Finish-only			

Số: /BC-TĐĐHĐ

Lâm Đồng, ngày tháng 04 năm 2019

**DỰ THẢO BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÔNG TY 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT
ĐỘNG NĂM 2019**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về kết quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019 như sau:

Phần I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-TĐĐHĐ ngày 26/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua những khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty đã duy trì nhiều năm qua, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665	3.069	115,16
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640	3.048	115,45
3.	Tổng doanh thu	Tỉ.đ	1.615,8	2.488,9	154,04
4.	Tổng chi phí	Tỉ.đ	938,5	889,7	94,80
5.	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ.đ	677,3	1.599,2	236,11
6.	Cổ tức	%	10	18	180,00

Lưu lượng nước về các hồ chứa khu vực Hàm Thuận – Đa Mi cao hơn cùng kỳ trung bình nhiều năm tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát điện và tham gia thị trường điện; hệ thống thiết bị vận hành ổn định, tin cậy và nguồn nhân lực ổn định, có đủ trình độ chuyên môn, kinh nghiệm đáp ứng được nhu cầu công việc trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Tổng lợi nhuận trong năm 2018 là 1.599,2 tỉ đồng, trong đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện là 1.567,7 tỉ đồng, đạt 237,4% so với kế hoạch. Mức cổ tức dự kiến là 18%, cổ tức năm 2018 phân phối từ lợi nhuận năm 2018 và lợi nhuận để lại từ các năm trước.

Thực hiện hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu khác trong kế hoạch năm 2018:

- Các tổ máy, thiết bị, công trình vận hành an toàn, ổn định, tin cậy, sẵn sàng phát điện khi có yêu cầu;

- Công tác SCL: Trong năm 2018, Công ty đăng ký 16 hạng mục (14 công trình đăng ký mới và 02 hạng mục công trình chuyển tiếp) với tổng số tiền là 57,43 tỉ đồng. Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện hết các hạng mục, công trình. Thực hiện năm 2018 là 49,83 tỉ đồng, đạt 86,78% kế hoạch.

Bổ sung phát sinh hạng mục Xử lý sạt lở và đảm bảo thoát nước công trình thủy công Đa Nhim với giá trị 449 triệu đồng.

- Công tác đầu tư xây dựng:

+ Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Kế hoạch giải ngân là 506,62 tỉ đồng, thực hiện giải ngân là 459,57 tỉ đồng đạt 90,71%. Giá trị giải ngân Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim không đạt kế hoạch do công tác thi công hầm dẫn nước bị chậm tiến độ so với kế hoạch.

+ Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Kế hoạch giải ngân là 4,82 tỉ đồng. Trong năm 2018 giải ngân 0,38 tỉ đồng, đạt 7,9%. Kết quả giải ngân của Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2 thấp do chưa hoàn thành công tác bổ sung quy hoạch và chưa có được Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư của các Cơ quan có thẩm quyền. Công ty đang tiếp tục thực hiện các thủ tục để bổ sung quy hoạch trong năm 2019.

+ Dự án điện mặt trời Đa Mi: Kế hoạch giải ngân là 288,26 tỉ đồng, thực hiện giải ngân 380,65 tỉ đồng đạt 132,05%. Tỷ lệ thực hiện cao hơn so với kế hoạch do công tác sản xuất phao neo của gói thầu DMS-09 được thực hiện trong nước thay vì nhập khẩu từ nước ngoài theo kế hoạch ban đầu, Chủ đầu tư tăng tỷ lệ tạm ứng để tạo điều kiện cho Nhà thầu thực hiện đảm bảo tiến độ hợp đồng. Nhà thầu gói DMS-8 đã nỗ lực sản xuất, chế tạo toàn bộ thiết bị pin, inverter, máy biến thế... sớm hơn so với kế hoạch nên giá trị thanh toán phần thiết bị cao hơn so với kế hoạch.

- Công tác đầu tư phát triển: Công ty đăng ký kế hoạch vốn là 46,41 tỉ đồng, thực hiện là 44,65 tỉ đồng, đạt 96,2% kế hoạch. Một hạng mục công trình chuyển tiếp sang năm 2019 là Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận;

- Công tác đầu tư tài chính: Kế hoạch góp vốn năm 2018 là 15,4 tỉ đồng. Trong năm 2018, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào TBW do EVN chưa hoàn tất thoái vốn tại TBW;

- Công tác PCLB, ATVSLĐ-PCCN, bảo vệ môi trường: Thực hiện nghiêm túc theo các quy trình, quy định. Trong năm không xảy ra vụ việc vi phạm hoặc mất an toàn;

- Công tác cung cấp dịch vụ kỹ thuật: Công ty đã ký kết 45 hợp đồng dịch vụ với tổng giá trị 12,99 tỉ đồng. Doanh thu thực hiện năm 2018 đạt 13,60 tỉ đồng, lợi nhuận đạt 3,20 tỉ đồng;

2. Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2018:

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

3. Thực hiện chi trả thù lao và quỹ thưởng Ban điều hành:

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả theo Điều 6 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

4. Phân phối lợi nhuận 2017:

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện phân phối lợi nhuận theo Điều 7 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

5. Sửa đổi Điều lệ Công ty:

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 8 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

6. Thực hiện Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi:

HĐQT đã chỉ đạo ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Điều 9 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền:

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Năm 2018, Công ty đã thực hiện 05 cuộc họp HĐQT và 88 cuộc họp khác bằng cách lấy phiếu ý kiến để thực hiện các nghị quyết đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; hoạch định kế hoạch kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề về đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. Đã ký ban hành 49 Nghị quyết và 65 Quyết định, trong đó:

- 05 Nghị quyết thông qua nội dung phiên họp.
- 44 Nghị quyết liên quan đến dự án đầu tư và góp vốn, tạm ứng cổ tức...
- 30 Quyết định liên quan đến công tác tổ chức nhân sự, tiền lương...
- 35 Quyết định thực hiện nội dung nghị quyết cuộc họp HĐQT, phê duyệt các nội dung liên quan đến dự án đầu tư, ban hành quy chế...
- Sửa đổi bổ sung và ban hành mới 05 quy chế, quy định nội bộ phục vụ yêu cầu quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành như Quy chế điều hành Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế khen thưởng hiệu quả công việc nhân viên theo hệ thống KPIs...

(Chi tiết nội dung các nghị quyết, quyết định, quy chế ban hành trong năm 2018 theo Phụ lục đính kèm)

2. Chi trả cổ tức năm 2017:

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông với tỉ lệ 18%.

3. Công tác phối hợp Ban kiểm soát

Phối hợp tốt với Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ dự án đầu tư và các hoạt động khác của đơn vị để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc còn có các cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có năng lực và tinh thần trách nhiệm với công việc. Trong Công ty có sự đoàn kết nội bộ và sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện tạo tiền đề giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền lợi liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. Các chỉ tiêu cơ bản về tình hình tài chính của Công ty:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	76	70
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	24	30
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	33	50
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25	33
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	75	67
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	5,54	1,84
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	5,67	1,87
4	Hiệu quả			
	Tỉ suất LNST/VCSH (ROE)	%	15,36	30,06
	Tỉ suất LNST/Doanh thu	%	37,95	51,53

Qua các chỉ tiêu về tài chính như trên tuy các chỉ số tài chính của năm 2018 không tốt bằng năm 2017 nhưng tình hình tài chính của Công ty vẫn lành mạnh, đã bảo toàn và phát triển vốn.

HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, Tổng công ty Phát điện 1 và người lao động trong Công ty, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Căn cứ điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý điều hành Công ty, HĐQT đã thường xuyên kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT cũng đã tham gia vào những hoạt động quan trọng về chiến lược kinh doanh, cơ chế làm việc và một số vấn đề kinh doanh khác.

Hoạt động của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp, kịp thời; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng giám đốc.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận của các cổ đông.

Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định về nội dung.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

1. Mục tiêu

Đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ.

Đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy các tổ máy phát điện, thiết bị, hệ thống công trình; thực hiện tốt các chỉ số hiệu quả vận hành như: Tỷ lệ điện tự dùng, hệ số khả dụng, tỷ lệ dừng máy sự cố và tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng.

Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh điện năm 2019 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng điện: 2.665 triệu kWh;
- Tổng doanh thu: 1.717,9 tỉ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 687,2 tỉ đồng.

Hoàn thành công tác khoan hầm dẫn nước Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim trước tháng 12/2019, hoàn thành công tác gia cố đường hầm và toàn bộ dự án vào tháng 4/2020

Đảm bảo tiến độ dự án Điện mặt trời Đa Mi phát điện vào tháng 06 năm 2019.

Hoàn thành tốt công tác kiểm tra, bảo dưỡng, kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019 đảm bảo chất lượng, khối lượng và tiến độ.

Hoàn thành các chỉ tiêu trong đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; kế hoạch tối ưu hóa; chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí của Công ty.

Không để xảy ra sự cố nặng, tai nạn lao động hoặc nguy cơ mất an toàn.

Ổn định đời sống vật chất, tinh thần và thu nhập cho người lao động trong Công ty.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

Chỉ đạo tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống quản trị của Công ty, tổ chức nghiên cứu các mô hình quản trị phù hợp với Công ty để tiến hành triển khai áp dụng nhằm nâng cao chất lượng hệ thống quản trị.

HDQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty,

Chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ năm 2019, cụ thể:

- Phân công, theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống thiết bị, công trình; có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng và các phương án xử lý sự cố; xử lý nhanh chóng, chính xác các sự cố khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố chủ quan.

- Nâng cao chất lượng sửa chữa lớn từ giai đoạn khảo sát, lập phương án kỹ thuật, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống thiết bị, công trình.. Tổ chức bảo dưỡng sửa chữa công trình kiểu mẫu để rút kinh nghiệm và nhân rộng.

- Tiếp tục tổ chức, nâng cao chất lượng đào tạo cho lực lượng vận hành, sửa chữa; cán bộ quản lý, kỹ thuật...có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu vận hành và sửa chữa hệ thống thiết bị.

- Phối hợp Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du trong mùa khô 2019.

- Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; tối ưu hóa chi phí và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động; bố trí, phân bổ lực lượng lao động hợp lý, phù hợp với công việc để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong bảo dưỡng sửa chữa.

- Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; tổ chức mua sắm tập trung; tổ chức đấu thầu/chào hàng rộng rãi, hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp trong công tác đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị.

- Đầu tư và kiểm soát có hiệu quả các dự án; nâng cao chất lượng quản lý các công trình đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, quy định, đúng tiến độ

- Nâng cao chất lượng của Ban QLDA tại Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim và Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi. Phân đầu hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim để đưa tổ máy 5 vào vận hành phát điện đủ công suất 80MW. Hoàn thành toàn bộ công trình, đưa Nhà máy điện mặt trời vào vận hành thương mại vào tháng 06/2019.

- Tiếp tục làm việc với chính quyền địa phương và các cấp có thẩm quyền trong để phê duyệt Chủ trương đầu tư và bổ sung Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim - Giai đoạn 2 vào Quy hoạch điện Quốc gia.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị của Công ty:

+ Tổ chức đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau, có năng lực giải quyết công việc ở nhiều lĩnh vực khó và mới.

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- Thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, sửa đổi và ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn công việc theo yêu cầu nhiệm vụ và đúng quy định của ngành và pháp luật hiện hành. Nghiêm túc thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và PCLB; bảo đảm trật tự, an ninh khu vực.

- Tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị, công trình; phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận thực hiện tốt kế hoạch công tác phòng chống lụt bão.

- Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình

Phần III

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN NĂM 2019

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640
3.	Tổng doanh thu	Ti.đ	1.717,99
4.	Tổng chi phí	Ti.đ	1.030,73
5.	Lợi nhuận trước thuế	Ti.đ	687,26

2. Chỉ tiêu đầu tư:

2.1. Đầu tư xây dựng: 938,27 tỉ đồng

2.2. Đầu tư phát triển: 72,22 tỉ đồng.

3. Chỉ tiêu cổ tức: 10%

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Oánh

Phụ lục I:
DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2018

Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐĐHĐ ngày tháng 04 năm 2019

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
1	03/QĐ-TĐĐHĐ	3/1/2018	Lấy ý kiến	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi (DMS)	
2	06/NQ-TĐĐHĐ	11/1/2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết Vv thông qua hợp đồng mua bán điện bổ sung số 01	
3	08/QĐ-TĐĐHĐ	16/01/2018	Lấy ý kiến	Quyết định ban hành quy chế nâng lương lần 2	
4	12/NQ-TĐĐHĐ	25-01-2018	Họp	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 1 năm 2018	
5	14/QĐ-TĐĐHĐ	26-01-2018	Lấy ý kiến	Quyết định ban hành Quy chế điều hành công ty (lần 2)	
6	17/NQ-TĐĐHĐ	1/2/2018	Lấy ý kiến	NQ Về việc tạm ứng 25.000 USD cho ADB	
7	18/QĐ-TĐĐHĐ	1/2/2018	Lấy ý kiến	QĐ Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: “Lập hồ sơ thiết kế, hiệu chỉnh lại thoả thuận hệ thống SCADA/EMS Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi sau khi chuyển đổi truyền tín hiệu từ RTU sang sử dụng gate way theo IEC 60870.5.104”	
8	20/QĐ-TĐĐHĐ	7/2/2018	Lấy ý kiến	Quyết định Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện □ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
9	21/NQ-TĐĐHĐ	12/2/2018	Lấy ý kiến	NQ Về việc giao phụ trách Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật	
10	22/QĐ-TĐĐHĐ	12/2/2018	Lấy ý kiến	QĐ Về việc giao phụ trách Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật Chi nhánh Công ty CP thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi	
11	23/QĐ-TĐĐHĐ	12/2/2018	Lấy ý kiến	QĐ Về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2017	
12	25/QĐ-TĐĐHĐ	26-02-2018	Lấy ý kiến	QĐ về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công sửa chữa lớn tự làm năm 2017	
13	26/NQ-TĐĐHĐ	28-02-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết Về việc ban hành Quy chế khen thưởng hiệu quả công việc nhân viên theo hệ thống KPI	
14	28/NQ-TĐĐHĐ	15-03-2018	Lấy ý kiến	Quyết định về việc ban hành Quy chế khen thưởng hiệu quả công việc nhân viên theo hệ thống KPI	
15	32/NQ-TĐĐHĐ	19-03-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết Về việc thông qua phụ lục hợp đồng số 3 Gói thầu số 12.01-(DNE-D1) thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
16	33/NQ-TĐĐHĐ	19-03-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết Về việc tạm ứng trước cổ tức năm 2017 cho Tổng Công ty Phát điện 1	
17	37/NQ-TĐĐHĐ	22-03-2018	Họp	Nghị quyết Họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 02 năm 2018	
18	38/HĐ-TĐĐHĐ	22-03-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông và tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018	
19	45/NQ-TĐĐHĐ	5/4/2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2018 của CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	
20	46/QĐ-TĐĐHĐ	6/4/2018	Lấy ý kiến	Quyết định kiện toàn bộ máy Ban QLDA MR NMTĐ Đa Nhim	
21	47/QĐ-TĐĐHĐ	6/4/2018	Lấy ý kiến	Quyết định bổ nhiệm Giám đốc Ban QLDA MR NMTĐ Đa Nhim đối với ông Nguyễn Đình Chiến	

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
22	49/NQ-TĐĐHĐ	10/4/2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc tuyển dụng lao động thay thế năm 2018	
23	58/NQ-TĐĐHĐ	13-02-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết tạm ứng cổ tức 2017 lần 2	
24	59/NQ-TĐĐHĐ	24-04-2018	Họp	Nghị quyết họp HĐQT lần 3 năm 2018	
25	69/QĐ-TĐĐHĐ	27-04-2018	Lấy ý kiến	Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty	
26	70/QĐ-TĐĐHĐ	27-04-2018	Lấy ý kiến	Quyết định phê duyệt KH tiền lương năm 2018 của người lao động	
27	71/QĐ-TĐĐHĐ	27-04-2018	Lấy ý kiến	Quyết định về việc phê duyệt tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2017 của người quản lý Công ty.	
28	72/QĐ-TĐĐHĐ	27-04-2018	Lấy ý kiến	Quyết định phê duyệt tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch N.2018 của người quản lý Công ty	
29	74/NQ-TĐĐHĐ	4/5/2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng Mua bán điện sửa đổi bổ sung số 07	
30	77/QĐ-TĐĐHĐ	7/5/2018	Lấy ý kiến	Quyết định Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2018”	
31	78/NQ-TĐĐHĐ	10/5/2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết Thông qua lựa chọn ngân hàng tài trợ vốn cho dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
32	79/QĐ-TĐĐHĐ	7/5/2018	Lấy ý kiến	Quyết định Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu sửa chữa lớn năm 2018 (Đợt 2)”	
33	84/NQ-TĐĐHĐ	15-05-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết Về việc tạm ứng trước cổ tức năm 2017 lần 2 cho Tổng Công ty Phát điện 1	
34	86/NQ-TĐĐHĐ	29-05-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
35	87/NQ-TĐĐHĐ	29-05-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	
36	88/HĐ-TĐĐHĐ	29-05-2018	Thực hiện Nghị quyết số 87/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	
37	93/NQ-TĐĐHĐ	13-06-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc chi cổ tức lần 3 năm 2017	
38	94/NQ-TĐĐHĐ	19-06-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV thuộc Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
39	95/QĐ-TĐĐHĐ	18-06-2018	Lấy ý kiến	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương SXĐ thực hiện năm 2017 của người lao động	
40	96/QĐ-TĐĐHĐ	26-06-2018	Lấy ý kiến	Quyết định Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2018	
41	97/QĐ-TĐĐHĐ	27-06-2018	Lấy ý kiến	QĐ việc Áp dụng Quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	
42	98/NQ-TĐĐHĐ	28-06-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc chi trả trước cổ tức lần 3 năm 2017 cho EVNGENCO 1	
43	100/HĐ-TĐĐHĐ	28-06-2018	Lấy ý kiến	Quyết định khen thưởng Ban QL điều hành Công ty năm 2017	
44	102/QĐ-TĐĐHĐ	28-06-2018	Lấy ý kiến	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Quản lý dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (lần 3)	
45	103/NQ-TĐĐHĐ	4/7/2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng Gói thầu DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
46	104/NQ-TĐĐHĐ	3/7/2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Quản lý dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (lần 3)	

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
47	105/QĐ-TĐĐHĐ	4/7/2018	Lấy ý kiến	QĐ Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt hệ thống quản lý giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, giai đoạn 2” Dự án: Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện □ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
48	106/QĐ-TĐĐHĐ	10/7/2018	Lấy ý kiến	Quyết định về việc phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
49	107/NQ-TĐĐHĐ	10/7/2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc lựa chọn ngân hàng mở L/C và nguồn vốn để tạm ứng các gói thầu của Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
50	109/QĐ-TĐĐHĐ	25-07-2018	Lấy ý kiến	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu Thẩm tra thiết kế giải pháp đảm bảo tiến độ phát điệntổ máy 5 vào cuối năm 2018Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
51	103/NQ-TĐĐHĐ	04/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng Gói thầu DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
52	104/NQ-TĐĐHĐ	03/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Quản lý dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (lần 3)	
53	105/QĐ-TĐĐHĐ	04/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	QĐ Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt hệ thống quản lý giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, giai đoạn 2” Dự án: Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện □ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
54	106/QĐ-TĐĐHĐ	10/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
55	107/NQ-TĐĐHĐ	10/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc lựa chọn ngân hàng mở L/C và nguồn vốn để tạm ứng các gói thầu của Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
56	109/QĐ-TĐĐHĐ	25/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu Thẩm tra thiết kế giải pháp đảm bảo tiến độ phát điệntổ máy 5 vào cuối năm 2018Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
57	111/NQ-TĐĐHĐ	27/07/2018	Họp	Nghị quyết họp HĐQT lần 4	
58	118/QĐ-TĐĐHĐ	06/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc thông qua Thiết kế kỹ thuật - Dự toán và phê duyệt hạng mục “Giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện Tổ máy 5 vào cuối năm 2018” vào kế hoạch năm 2018 □ Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
59	119/QĐ-TĐĐHĐ	06/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo triển khai, giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020 của Công ty	
60	120/QĐ-TĐĐHĐ	13/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện Tổ máy 5 vào cuối năm 2018 Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
61	121/QĐ-TĐĐHĐ	13/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định ban hành quy định làm việc của Ban chỉ đạo triển khai và giám sát thực hiện Kế hoạch SXKD và ĐTIPT 5 năm 2016-2020	
62	129/NQ-TĐĐHĐ	31/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (giai đoạn 2)	
63	131/QĐ-TĐĐHĐ	05/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu sửa chữa lớn năm 2018 (Đợt 3)”	
64	132/QĐ-TĐĐHĐ	13/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung đợt 3 Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
65	133/NQ-TĐĐHĐ	14/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua việc giới thiệu nhân sự ứng cử thành viên Ban kiểm soát và chốt danh sách cổ đông để tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	
66	135/NQ-TĐĐHĐ	14/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua tiến độ dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi và thông qua tiến độ giải pháp phát điện dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim; Giải pháp đảm bảo tiến độ đào hầm bằng TBM	
67	135.1/NQ-TĐĐHĐ	18/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc ký Phụ lục số 4 của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015 Gói thầu số 12.01- (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính	
68	136/NQ-TĐĐHĐ	21/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương chuyển giao thực hiện hợp đồng các hạng mục đồng bộ và kiến trúc nhà máy đảm bảo tiến độ phát điện tổ máy 5 vào cuối năm 2018 Gói thầu 12.01- Công tác xây dựng và kiến trúc công trình chính Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
69	137/NQ-TĐĐHĐ	27/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua việc giới thiệu nhân sự ứng cử thành viên Ban kiểm soát và chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông bất thường	
70	142/NQ-TĐĐHĐ	05/10/2018	Họp	Nghị quyết cuộc họp HĐQT lần 5 năm 2018	
71	145/NQ-TĐĐHĐ	16/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 1 của hợp đồng số 133/DHD-HDEC&CHINT&SINOHYDRO ngày 04/07/2018 Gói thầu DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm thiết bị quang điện Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
72	147/QĐ-TĐĐHĐ	17/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch chi phí ADB thuê tư vấn đánh giá dự án và chi phí cho nhân viên của ADB đi lại tham gia đánh giá dự án thuộc Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
73	151/QĐ-TĐĐHĐ	22/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quy định thể lệ biểu quyết tại Đại hội cổ đông bất thường năm 2018	
74	152/QĐ-TĐĐHĐ	24/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc bổ sung danh mục sửa chữa lớn năm 2018 “Xử lý sạt lở và đảm bảo thoát nước công trình thủy công Đa Nhim”	
75	154/NQ-TĐĐHĐ	26/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc sử dụng vốn đối ứng thanh toán các gói thầu của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
76	156/NQ-TĐĐHĐ	29/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	NQ về việc ký Phụ lục số 5 của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015 Gói thầu số 12.01- (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính	
77	163/NQ-TĐĐHĐ	09/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua việc chuyển giao và phê duyệt kế hoạch thực hiện các khối lượng còn lại thuộc hạng mục Bill K-Công tác kiến trúc Gói thầu 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
78	164/NQ-TĐĐHĐ	09/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua định mức sửa chữa lớn thiết bị cơ - thủy lực Nhà máy thủy điện Hàm Thuận	
79	165/NQ-TĐĐHĐ	09/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức năm 2018	
80	166/NQ-TĐĐHĐ	13/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế phân phối tiền lương SXKD khác	
81	167/QĐ-TĐĐHĐ	13/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
82	168/QĐ-TĐĐHĐ	14/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định ban hành quy chế phân phối tiền lương SXKD khác	
83	170/QĐ-TĐĐHĐ	15/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh Hệ thống thang lương bảng lương và chế độ phụ cấp lương	
84	171/NQ-TĐĐHĐ	15/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết Về việc thông qua Phụ lục D của hợp đồng số 53/2016/HĐTV-TĐĐHĐ-TVĐ2 Gói thầu: Mô tả địa chất hố móng Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
85	172/QĐ-TĐĐHĐ	26/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định danh sách quy hoạch cán bộ trong Công ty	
86	173/QĐ-TĐĐHĐ	29/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	QĐ v/v ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
87	176/NQ-TĐĐHĐ	06/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phương án kiện toàn mô hình tổ chức và bố trí, sắp xếp lao động trong Công ty	
88	177/NQ-TĐĐHĐ	06/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 1 của Hợp đồng số 115/ DHD-NARIME&QIHUA ngày 29/5/2018 về việc thực hiện hợp đồng gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao và neo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
89	178/QĐ-TĐĐHĐ	10/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	QĐ về việc mua trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
90	179/QĐ-TĐĐHĐ	10/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc thành lập Tổ Thẩm định chương trình thí nghiệm chạy thử và vận hành khai thác tổ máy H5 theo giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
91	180/NQ-TĐĐHĐ	12/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua chương trình thí nghiệm chạy thử và vận hành khai thác tổ máy theo giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
92	181/NQ-TĐĐHĐ	12/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	NQ thông qua Kế hoạch kiện toàn mô hình tổ chức và bố trí, sắp xếp lao động trong Công ty	
93	183/NQ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc giải ngân vượt kế hoạch năm 2018 Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
94	184/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định thành lập Phòng Hành chính và Lao động	
95	185/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giải thể Phòng Đầu tư Xây dựng	
96	186/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	
97	187/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Phân xưởng Vận hành Hàm Thuận-Đa Mi	
98	188/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Phân xưởng Vận hành Đa Nhim-Sông Pha	
99	189/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Phòng Vận hành-Thị trường điện	
100	190/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Phòng Kỹ thuật và An toàn	
101	191/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Phòng Tài chính và Kế toán	
102	192/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức Phòng Kế hoạch và Vật tư	
103	195/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ quản lý Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	
104	196/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ quản lý Phòng Vận hành-Thị trường điện	
105	197/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ quản lý Phòng Kỹ thuật An toàn	
106	198/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ quản lý Phân xưởng Vận hành ĐN-SP	

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
107	199/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ Quản lý Phòng Tài chính và Kế toán đối với bà Phạm Thị Hồng Hà từ ngày 1/1/2019	
108	200/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ quản lý Phân xưởng vận hành Hàm Thuận - Đa Mi đối với ông Trần Vĩnh Lợi từ ngày 1/1/2019	
109	201/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định Giao nhiệm vụ quản lý Phòng Kế hoạch và Vật tư đối với ông Phạm Hoàng Hải từ ngày 1/1/2019	
110	202/QĐ-TĐĐHĐ	28/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tổ chức Lao động đối với ông Lê Thành Cẩm từ ngày 1/1/2019	
111	203/QĐ-TĐĐHĐ	28/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định miễn nhiệm chức vụ Chánh Văn phòng đối với ông Trịnh Quang Tiến Phước từ ngày 1/1/2019	
112	204/QĐ-TĐĐHĐ	28/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Tuấn từ ngày 1/1/2019	
113	205/QĐ-TĐĐHĐ	28/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định thôi nhiệm vụ Thư ký Công ty đối với ông Trịnh Quang Tiến Phước từ ngày 1/1/2019	
114	206/NQ-TĐĐHĐ	28/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc phê duyệt Phụ lục số 1 của Hợp đồng số 126/2018/EPC-TĐĐHĐ-PCC1-AIT-ATS ngày 21/06/2018 về việc thực hiện gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	

DỰ THẢO TỜ TRÌNH **Về việc thông qua Báo cáo tài chính 2018**

Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

HDQT Công ty báo cáo các chỉ số cơ bản của báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	1.780.751	2.579.793
2. Tài sản dài hạn	5.549.785	6.088.580
Tổng cộng tài sản	7.330.536	8.668.373
3. Nợ phải trả	1.810.499	2.889.649
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.520.037	5.778.724
Tổng cộng nguồn vốn	7.330.536	8.668.373

Tổng tài sản năm 2018 tăng so với năm 2017 khoảng 1.338 tỉ đồng, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đầu tư hai dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim và dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi nên tổng nợ và tài sản đều tăng.

2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018

- Tổng doanh thu: 2.451.845 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 889.780 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.599.210 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.282.464 triệu đồng.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	1.802.308	2.596.281
2. Tài sản dài hạn	5.871.980	6.464.945
Tổng cộng tài sản	7.674.288	9.061.226
3. Nợ phải trả	2.089.154	3.218.828
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.534.752	5.791.626
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	50.381	50.772
Tổng cộng nguồn vốn	7.674.288	7.674.288

2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018

- Tổng doanh thu: 2.530.027 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 929.058 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.600.969 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.285.177 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 4.065 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 1.281.112 triệu đồng

Chi tiết trong báo cáo tài chính đính kèm.

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Oánh



**Công ty Cổ phần Thủy điện
Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010

Quyết định thành lập do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi).

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5800452036 ngày 18 tháng 5 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 6 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch
Ông Lê Văn Quang	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Thế Long	Trưởng ban
Ông Hoàng Văn Long	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thanh Hương	Thành viên (từ ngày 8 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên (đến ngày 8 tháng 11 năm 2018)

Trụ sở đăng ký

80A Trần Phú, Phường Lộc Sơn
Thành phố Bảo Lộc
Tỉnh Lâm Đồng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

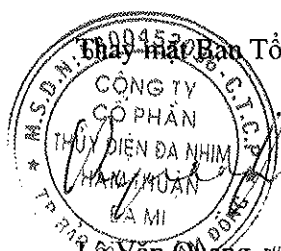
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN ĐA NHIM
HÀM THUẬN
ĐA MI
Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 5 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 3(a)(ii) trong báo cáo tài chính riêng. Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10"). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định này có sự khác biệt so với Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) của báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00449-19-1




Nelson Rodriguez Casihan
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.579.793.361.416	1.780.751.676.104
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	204.298.952.146	449.971.259.198
Tiền	111		104.298.952.146	38.928.453.379
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	411.042.805.819
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.136.444.857.992	268.817.781.781
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.136.444.857.992	268.817.781.781
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.197.720.245.803	1.025.882.117.491
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	693.536.374.565	966.769.388.835
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		214.164.876.124	12.654.469.749
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	200.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	90.065.745.114	46.505.008.907
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(46.750.000)	(46.750.000)
Hàng tồn kho	140	8	41.015.918.687	35.742.582.355
Hàng tồn kho	141		41.015.918.687	35.742.582.355
Tài sản ngắn hạn khác	150		313.386.788	337.935.279
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	299.627.449	324.175.940
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(b)	13.759.339	13.759.339

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.088.579.609.847	5.549.784.700.388
Các khoản phải thu dài hạn	210		599.932.824.894	964.420.123.321
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	164.487.298.427
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	599.932.824.894	799.932.824.894
Tài sản cố định	220		3.566.516.626.532	3.740.754.517.876
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.565.527.923.133	3.739.612.930.673
<i>Nguyên giá</i>	222		12.204.110.602.293	12.151.657.826.825
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.638.582.679.160)	(8.412.044.896.152)
Tài sản cố định vô hình	227	11	988.703.399	1.141.587.203
<i>Nguyên giá</i>	228		1.528.838.057	1.528.838.057
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(540.134.658)	(387.250.854)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.642.264.628.702	620.551.344.611
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.642.264.628.702	620.551.344.611
Đầu tư tài chính dài hạn	250		256.019.200.000	182.266.299.385
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	112.000.000.000	112.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	32.679.200.000	32.679.200.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	-	(4.772.900.615)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	73.980.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		23.846.329.719	41.792.415.195
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	23.846.329.719	41.792.415.195
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.668.372.971.263	7.330.536.376.492

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.889.648.547.677	1.810.499.391.834
Nợ ngắn hạn	310		1.376.149.166.379	266.792.177.512
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	302.541.500.294	36.643.307.240
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.085.269.594	1.126.431.388
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	15(a)	272.706.109.688	182.443.021.202
Phải trả người lao động	314		22.256.422.000	25.579.099.929
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	13.400.273.931	14.119.491.486
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	211.681.801.970	432.356.558
Vay ngắn hạn	320	18(a)	548.042.895.691	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	4.434.893.211	6.448.469.709
Nợ dài hạn	330		1.513.499.381.298	1.543.707.214.322
Phải trả người bán dài hạn	331	14	95.970.720.475	44.361.088.013
Phải trả dài hạn khác	337		3.956.393.122	-
Vay dài hạn	338	18(b)	1.413.572.267.701	1.499.346.126.309
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.778.724.423.586	5.520.036.984.658
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.778.724.423.586	5.520.036.984.658
Vốn cổ phần	411	21	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		128.754.171.541	74.872.484.114
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(48.049.098.769)	(13.698.103.037)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.446.441.797	44.328.129.224
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.468.572.909.017	1.190.534.474.357
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		397.309.395.907	535.454.564.938
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.071.263.513.110	655.079.909.419
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.668.372.971.263	7.330.536.376.492

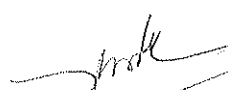
Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

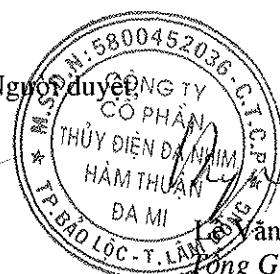


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Trần Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

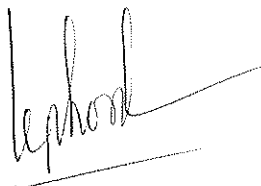
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2018

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.338.613.157.575	1.593.214.662.682
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	765.131.361.575	765.939.858.102
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.573.481.796.000	827.274.804.580
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	150.254.243.091	132.631.361.916
Chi phí tài chính	22	28	67.563.308.810	93.841.368.617
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>29.129.041.576</i>	<i>37.231.753.459</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	56.011.199.368	51.761.201.545
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		1.600.161.530.913	814.303.596.334
Thu nhập khác	31		123.105.870	426.344.546
Chi phí khác	32		1.074.481.972	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(951.376.102)	426.344.546
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.599.210.154.811	814.729.940.880
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	316.746.641.701	159.650.031.461
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		1.282.463.513.110	655.079.909.419

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:



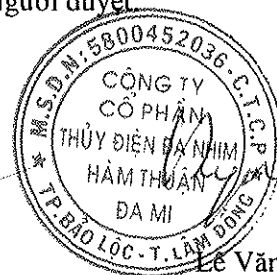
Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	2018	2017
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.599.210.154.811	814.729.940.880
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		226.690.666.812	289.310.787.472
Các khoản dự phòng	03		(4.772.900.615)	4.819.650.615
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		43.207.167.849	28.591.287.882
Lãi tiền gửi	05		(126.713.267.191)	(115.496.337.013)
Cổ tức được chia	05		(23.540.975.900)	(16.738.580.740)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		-	(307.425.454)
Chi phí lãi vay	06		29.129.041.576	37.231.753.459
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.743.209.887.342	1.042.141.077.101
Biến động các khoản phải thu	09		247.863.653.063	(717.420.879.022)
Biến động hàng tồn kho	10		(5.273.336.332)	51.486.274.545
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		13.338.550.282	57.495.118.161
Biến động chi phí trả trước	12		17.970.633.967	(38.658.920.608)
			2.017.109.388.322	395.042.670.177
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(49.086.863.046)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(195.848.847.686)	(184.315.580.405)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(19.918.654.948)	(16.866.182.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.801.341.885.688	144.774.043.943

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này


Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(843.226.577.966)	(331.788.937.041)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	307.425.454
Tiền chi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.428.788.746.881)	(445.838.770.100)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		494.817.781.781	1.612.266.239.651
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.200.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		39.671.583.701	65.874.886.147
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.737.525.959.365)	894.620.844.111
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		377.837.896.353	405.823.885.387
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(696.812.309.001)
Tiền trả cổ tức	36		(687.326.129.728)	(349.406.129.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(309.488.233.375)	(640.394.553.342)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(245.672.307.052)	399.000.334.712
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		449.971.259.198	50.981.654.199
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(10.729.713)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	204.298.952.146	449.971.259.198

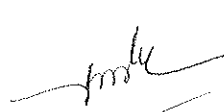
Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

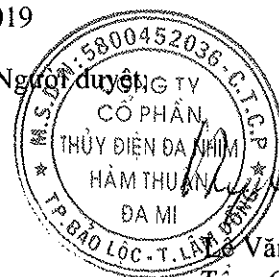


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã cổ phiếu là DNH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hơn 100 cổ đông và vốn cổ phần của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (1/1/2018: 4.224.000.000.000 VND).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cầu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, Công ty có cấu trúc như sau:

- 7 phòng ban;
- 2 phân xưởng sản xuất;
- Trung tâm dịch vụ kỹ thuật – đơn vị bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị điện, các công trình thủy công của nhà máy thủy điện;
- Ban Quản lý Dự án Mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 255 nhân viên (1/1/2018: 264 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính sẽ tăng 34.350.995.732 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 6.870.199.146 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 27.480.796.586 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: chi phí tài chính sẽ tăng 21.029.241.492 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 4.205.848.298 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 16.823.393.194 VND), số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 48.049.098.769 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 9.609.819.754 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 38.439.279.015 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 13.698.103.037 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 2.739.620.607 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 10.958.482.430 VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định 10 về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	323.351.825	175.045.962
Tiền gửi ngân hàng	103.975.600.321	38.753.407.417
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	411.042.805.819
	<hr/>	<hr/>
	204.298.952.146	449.971.259.198

Khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 1 và 3 tháng kể từ ngày gửi, hưởng lãi suất năm lần lượt là 4,1% và 5,5% (2017: lần lượt là 0,0% và 6,6%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn		1.136.444.857.992	1.136.444.857.992		268.817.781.781	268.817.781.781
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn		66.000.000.000	66.000.000.000		-	-
▪ Trái phiếu (*)	798	7.980.000.000	(**)	500	5.000.000.000	(**)
		<u>73.980.000.000</u>			<u>5.000.000.000</u>	

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm dao động từ 5% đến 7% trong năm (2017: 6% đến 6,6% trong năm).

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn là tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm là 7% trong năm (2017: không).

(*) Bao gồm trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 5 tỷ VND (2017: 5 tỷ VND), phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 có kỳ hạn 10 năm và trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 2,98 tỷ VND (2017: không), phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng lần lượt là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018				1/1/2018							
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con												
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (i)	11.200.000	70%	70%	112.000.000.000	-	(*) 11.200.000	71,8%	70%	112.000.000.000	-	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết												
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (ii)	3.267.920	20%	20%	32.679.200.000	-	(*) 3.267.920	20%	20%	32.679.200.000	(4.772.900.615)	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác												
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	78.661.604.500	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	33.280.000.000	1%	1%	12.800.000.000	-	-	(*)
				37.360.000.000	-				37.360.000.000	-		
				182.039.200.000	-				182.039.200.000	(4.772.900.615)		

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (“Hạ Sông Pha”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4500407954 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009. Hoạt động chính của Hạ Sông Pha là xây dựng các công trình thủy điện, phong điện và các công trình nhà máy điện khác; sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng.

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	4.772.900.615	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	4.772.900.615
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.772.900.615)	-
Số dư cuối năm	-	4.772.900.615

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Mua Bán Điện	690.253.022.770	963.256.374.150
Các khách hàng khác	3.283.351.795	3.513.014.685
	693.536.374.565	966.769.388.835

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Mua Bán Điện	690.253.022.770	963.256.374.150
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	414.682.242	1.107.867.130
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	-	7.604.300
	690.253.022.770	963.256.374.150

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.746.011.560	45.393.333.553
Cổ tức được chia	5.600.000.000	-
Phải thu khác	9.719.733.554	1.111.675.354
	90.065.745.114	46.505.008.907

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Nguyên vật liệu	38.632.847.014	34.299.358.113
Công cụ và dụng cụ	552.002.186	547.232.593
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.831.069.487	895.991.649
	41.015.918.687	35.742.582.355

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2018 VND	Biến động trong năm		31/12/2018 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi (b)	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay dài hạn	799.932.824.894	799.932.824.894
Khoản đến hạn thu trong vòng 12 tháng	(200.000.000.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	599.932.824.894	799.932.824.894

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1				
Khoản cho vay 1	VND	2019	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản cho vay 2	VND	2020	150.000.000.000	150.000.000.000
Khoản cho vay 3	VND	2020	449.932.824.894	449.932.824.894
			799.932.824.894	799.932.824.894

Các khoản phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1, công ty mẹ, không có đảm bảo và có thời hạn cho vay là 5 năm. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Trong năm, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm dao động từ 8,5% đến 9%/năm (2017: 8,5% đến 9%/năm). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.000.459.198.938	4.046.449.780.280	60.478.725.962	44.016.241.138	253.880.507	12.151.657.826.825
Tăng trong năm	-	2.073.925.000	-	-	-	2.073.925.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.427.374.999	37.951.475.469	-	-	-	50.378.850.468
Phân loại lại	-	1.066.406.600	(1.066.406.600)	-	-	-
Số dư cuối năm	8.012.886.573.937	4.087.541.587.349	59.412.319.362	44.016.241.138	253.880.507	12.204.110.602.293
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.356.232.806.872	3.969.057.153.825	44.558.124.277	41.942.930.671	253.880.507	8.412.044.896.152
Khấu hao trong năm	175.802.158.328	46.784.967.671	2.959.278.381	991.378.628	-	226.537.783.008
Phân loại lại	-	1.066.406.600	(1.066.406.600)	-	-	-
Số dư cuối năm	4.532.034.965.200	4.016.908.528.096	46.450.996.058	42.934.309.299	253.880.507	8.638.582.679.160
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.644.226.392.066	77.392.626.455	15.920.601.685	2.073.310.467	-	3.739.612.930.673
Số dư cuối năm	3.480.851.608.737	70.633.059.253	12.961.323.304	1.081.931.839	-	3.565.527.923.133

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 2.880.092.559.856 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 2.880.069.741.998 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản này hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay đó.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	387.250.854
Khấu hao trong năm	152.883.804
	540.134.658
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.141.587.203
Số dư cuối năm	988.703.399

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	620.551.344.611	190.719.208.176
Tăng trong năm	1.064.921.809.101	426.597.349.294
Lãi vay vốn hóa trong năm	7.170.325.458	3.234.787.141
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.378.850.468)	-
	1.642.264.628.702	620.551.344.611
Số dư cuối năm	1.642.264.628.702	620.551.344.611

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (*)	1.170.048.389.689	615.280.109.895
Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi (**)	472.216.239.013	3.947.208.895
Các công trình khác	-	1.324.025.821
	1.642.264.628.702	620.551.344.611

(*) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2019. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 18(b)).

(**) Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu của Dự án nhằm bổ sung vào hệ thống điện Quốc gia nguồn năng lượng sạch, với công suất 47.5 MW. Tổng mức đầu tư dự kiến 1.312.917.000.000 VND. Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn của chủ đầu tư (30%), vốn vay thương mại trong nước (20%) và vốn vay nước ngoài (50%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2019.

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ	Chi phí trả trước khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	40.004.879.219	1.787.535.976	41.792.415.195
Tăng trong năm	901.120.905	1.203.689.496	2.104.810.401
Phân bổ trong năm	(19.059.127.049)	(991.768.828)	(20.050.895.877)
	21.846.873.075	1.999.456.644	23.846.329.719

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Các khoản phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Powerchina Huadong Engineering Corporation Limited	167.150.383.884	-
Viện Nghiên cứu Cơ khí	96.223.385.417	21.170.788.683
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	61.491.762.346	43.675.231.183
GE Power India Limited	32.513.446.998	8.582.100.264
Các nhà cung cấp khác	41.133.242.124	7.576.275.123
	398.512.220.769	81.004.395.253

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngắn hạn	302.541.500.294	36.643.307.240
Dài hạn	95.970.720.475	44.361.088.013
	398.512.220.769	81.004.395.253

Khoản phải trả người bán dài hạn sẽ được hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình dự kiến trong năm 2020.

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.080.082.440	2.972.152.672
Chi nhánh Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	96.461.932	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	45.745.920	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	48.466.160

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	50.512.084.213	233.926.975.362	(282.227.531.009)	2.211.528.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.127.847.686	316.746.641.701	(195.848.847.686)	194.025.641.701
Thuế thu nhập cá nhân	829.919.175	7.441.444.458	(6.230.232.156)	2.041.131.477
Thuế tài nguyên	33.481.816.857	262.299.674.526	(272.376.056.215)	23.405.435.168
Các loại thuế khác	24.491.353.271	157.751.639.619	(131.220.620.114)	51.022.372.776
	182.443.021.202	978.166.375.666	(887.903.287.180)	272.706.109.688

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.759.339	753.253.387	(753.253.387)	13.759.339

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	13.400.273.931	13.148.280.937
Chi phí phải trả khác	-	971.210.549
	<hr/>	<hr/>
	13.400.273.931	14.119.491.486
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	211.200.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	481.801.970	432.356.558
	<hr/>	<hr/>
	211.681.801.970	432.356.558
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	548.042.895.691		- 548.042.895.691

(b) Vay dài hạn

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.499.346.126.309	2.070.695.978.954
Giải ngân trong năm	377.837.896.353	405.823.885.387
Trả trong năm	-	(696.812.309.001)
Cần trừ với khoản phải thu khách hàng (thuyết minh 33)	-	(253.655.590.943)
Cần trừ với tiền gửi có kỳ hạn (thuyết minh 33)	-	(74.288.472.222)
Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(548.042.895.691)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	84.431.140.730	47.582.634.134
Số dư cuối năm	1.413.572.267.701	1.499.346.126.309

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam				
Khoản vay 1 (i)	JPY 2020	3,21%	832.412.924.827	794.079.153.563
Khoản vay 2 (ii)	JPY 2021	2,75%	122.510.492.116	117.637.095.531
Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực				
Khoản vay 1 (iii)	JPY 2044	0,91% - 1,4%	1.006.691.746.449	587.629.877.215
			1.961.615.163.392	1.499.346.126.309

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 05/2007/ĐN/EVN/TCKT ngày 30 tháng 8 năm 2007. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và chịu lãi suất năm là 3,21%/năm. Thời hạn cho vay lại là 11 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (iii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,91%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 12) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu công suất lắp máy 160MW (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.448.469.709	4.731.926.692
Trích lập trong năm (thuyết minh 20)	17.905.078.450	18.582.725.800
Sử dụng trong năm	(19.918.654.948)	(16.866.182.783)
Số dư cuối năm	4.434.893.211	6.448.469.709

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.224.000.000.000	67.787.710.660	7.331.138.455	20.480.114.976	1.007.370.078.440	5.326.969.042.531
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	655.079.909.419	655.079.909.419
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(422.400.000.000)	(422.400.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	7.084.773.454	-	(7.084.773.454)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	30.932.787.702	(30.932.787.702)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.582.725.800)	(18.582.725.800)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(21.029.241.492)	-	-	(21.029.241.492)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.224.000.000.000	74.872.484.114	(13.698.103.037)	44.328.129.224	1.190.534.474.357	5.520.036.984.658
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.282.463.513.110	1.282.463.513.110
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(760.320.000.000)	(760.320.000.000)
Tạm ứng cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(211.200.000.000)	(211.200.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	53.881.687.427	-	(53.881.687.427)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17.905.078.450)	(17.905.078.450)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(34.350.995.732)	-	-	(34.350.995.732)

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 4.224.000.000.000 128.754.171.541 (48.049.098.769) 5.446.441.797 1.468.572.909.017 5.778.724.423.586

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	VND
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một thành viên	99,93%	422.103.100	4.221.031.000.000
Các cổ đông khác	0,07%	296.900	2.969.000.000
	100%	422.400.000	4.224.000.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan đến xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 10 (thuyết minh 3(a)(ii)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 760.320 triệu VND, tương ứng 18% vốn điều lệ của Công ty (2017: 422.400 triệu VND, tương ứng 10% vốn điều lệ của Công ty).

Theo Nghị quyết số 165/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 11 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 211.200 triệu VND, tương ứng 5% vốn điều lệ của Công ty.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	181.177	4.105.870.557	267.540,88	6.062.448.263

(b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.571.554.912.832	2.040.629.186.689
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.205.296.213.588	605.708.951.521
	2.776.851.126.420	2.646.338.138.210



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2018	2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	2.325.132.372.244	1.576.312.192.426
▪ Cung cấp dịch vụ	13.480.785.331	16.902.470.256
	2.338.613.157.575	1.593.214.662.682

26. Giá vốn hàng bán

	2018	2017
	VND	VND
Giá vốn bán điện	755.779.322.433	754.107.551.854
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	9.352.039.142	11.832.306.248
	765.131.361.575	765.939.858.102

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018	2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	126.713.267.191	115.496.337.013
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.540.975.900	16.738.580.740
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	396.444.163
	150.254.243.091	132.631.361.916

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	29.129.041.576	37.231.753.459
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	-	23.245.426.661
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (Thuyết minh số 5(b))	43.207.167.849	28.591.287.882
	(4.772.900.615)	4.772.900.615
	<hr/> 67.563.308.810	<hr/> 93.841.368.617

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	37.803.963.011	33.580.080.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	941.903.228	2.444.049.820
Thuế, phí và lệ phí	845.986.652	826.219.136
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	588.506.542	673.709.168
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	228.518.830	454.622.347
Chi phí dự phòng	-	46.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.267.510.641	7.960.585.388
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.334.810.464	5.775.185.073
	<hr/> 56.011.199.368	<hr/> 51.761.201.545

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	37.145.121.860	33.397.883.797
Chi phí nhân công	100.598.559.485	99.060.139.358
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	817.025.372	454.622.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	226.690.666.812	289.310.787.472
Thuế, phí và lệ phí	406.892.810.475	345.298.787.247
Chi phí dự phòng	-	46.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.777.834.535	25.802.563.690
Chi phí khác	24.220.542.404	24.291.817.771

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	316.666.272.336	159.619.378.631
Dự phòng thiếu trong những năm trước	80.369.365	30.652.830
	316.746.641.701	159.650.031.461

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.599.210.154.811	814.729.940.880
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	319.842.030.962	162.945.988.176
Thuế của phần thu nhập không chịu thuế	(4.708.195.180)	(3.347.716.148)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	2.309.330
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.532.436.554	18.797.273
Dự phòng thiếu trong năm trước	80.369.365	30.652.830
	316.746.641.701	159.650.031.461

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2017: 20%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	2.186.893.067	2.083.140.586
Chi phí lãi vay	29.129.041.576	32.932.313.876
Khoản vay đã trả	-	922.856.372.166
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 1		
Lãi vay phải thu trong năm	72.587.237.752	72.993.870.272
Công ty con		
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha		
Cung cấp dịch vụ	1.615.206.334	855.962.421
Cổ tức được chia	19.040.000.000	8.960.000.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình		
Góp vốn	-	6.200.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua Bán Điện		
Bán điện	2.325.221.494.075	1.576.312.192.426
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Vay	370.667.570.895	300.689.098.246
Chi phí lãi vay	7.170.325.458	3.234.787.141
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Cổ tức được chia	2.836.975.900	4.771.277.700
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ		
Cổ tức được chia	1.664.000.000	3.007.303.040
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	3.129.529.074	1.652.211.901

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2018	2017
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Cung cấp dịch vụ	679.448.632	327.289.751
Chi phí dịch vụ	9.050.204.042	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Chi phí dịch vụ	1.113.716.872	3.253.597.805
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh		
Cung cấp dịch vụ	54.300.000	63.299.570
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung		
Cung cấp dịch vụ	114.990.000	509.281.000
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	71.400.000	15.400.000
Ứng trước hợp đồng dịch vụ	463.559.985	-
Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng		
Cung cấp dịch vụ	97.419.932	30.326.000
Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí dịch vụ	126.000.000	-
Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí dịch vụ	850.372.646	-
Tổng Giám đốc		
Tiền lương	592.384.000	630.784.000
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương	1.526.528.000	1.100.257.009
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thù lao	735.204.600	730.800.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính


	2018 VND	2017 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	230.939.481.593	109.373.369.451
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	-	253.655.590.943
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với tiền gửi có kỳ hạn	-	74.288.472.222
Chi trả cổ tức bằng cách cân trừ với lãi vay phải thu	72.993.870.272	72.993.870.272
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	2.636.111.111	27.879.350.007
Thanh toán lãi vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	28.877.048.582	-
Thanh toán lãi vay bằng cách cân trừ với tiền gửi có kỳ hạn	-	350.000.000

34. Số liệu so sánh


Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:


 Lê Xuân Phong
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Phạm Thị Hồng Hà
 Kế toán trưởng




 Lê Văn Quang
 Tổng Giám đốc





**Công ty Cổ phần Thủy điện
Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010

Quyết định thành lập do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi).

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 5800452036 ngày 18 tháng 5 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 6 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Oánh Chủ tịch
Ông Lê Văn Quang Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc Thành viên

Ban Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Ban Kiểm soát
Ông Ngô Thế Long Trưởng ban
Ông Hoàng Văn Long Thành viên
Bà Hoàng Thị Thanh Hương Thành viên
(từ ngày 8 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Tiến Dũng Thành viên
(đến ngày 8 tháng 11 năm 2018)

Trụ sở đăng ký
80A Trần Phú, Phường Lộc Sơn
Thành phố Bảo Lộc
Tỉnh Lâm Đồng
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

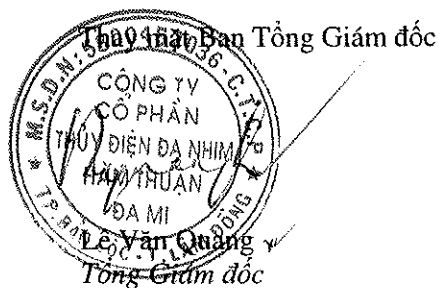
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Lâm Đồng, ngày 5 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Vấn đề nhấn mạnh

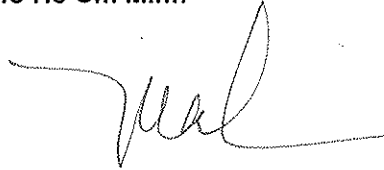
Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 3(b)(ii) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10"). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định này có sự khác biệt so với Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00449-19-2




Nelson Rodriguez Casihan
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120+ 130 + 140 + 150)	100		2.596.281.287.493	1.802.307.836.313
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	212.882.538.874	460.210.215.393
Tiền	111		112.882.538.874	47.752.305.574
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	412.457.909.819
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.136.444.857.992	268.817.781.781
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.136.444.857.992	268.817.781.781
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.202.619.953.730	1.037.004.362.414
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	702.724.084.112	973.149.579.052
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		214.455.345.488	12.812.426.113
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	200.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	85.487.274.130	51.089.107.249
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(46.750.000)	(46.750.000)
Hàng tồn kho	140	8	41.094.736.869	35.937.541.446
Hàng tồn kho	141		41.094.736.869	35.937.541.446
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.239.200.028	337.935.279
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	299.627.449	324.175.940
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.925.813.240	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(b)	13.759.339	13.759.339

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.464.944.606.866	5.871.980.408.290
Các khoản phải thu dài hạn	210		599.932.824.894	964.420.123.321
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	164.487.298.427
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	599.932.824.894	799.932.824.894
Tài sản cố định	220		3.883.150.920.002	4.071.339.205.066
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.882.162.216.603	4.070.197.617.863
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>12.582.084.046.249</i>	<i>12.529.631.270.781</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(8.699.921.829.646)</i>	<i>(8.459.433.652.918)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	11	988.703.399	1.141.587.203
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>1.528.838.057</i>	<i>1.528.838.057</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(540.134.658)</i>	<i>(387.250.854)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.804.706.088.811	720.972.109.699
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.804.706.088.811	720.972.109.699
Đầu tư tài chính dài hạn	250		150.977.821.208	69.976.822.858
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	39.637.821.208	27.616.822.858
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	73.980.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		26.176.951.951	45.272.147.346
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	24.400.771.519	43.543.191.679
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.776.180.432	1.728.955.667
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.061.225.894.359	7.674.288.244.603

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.218.827.839.962	2.089.154.637.910
Nợ ngắn hạn	310		1.393.534.785.038	270.956.852.145
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	312.454.616.844	36.643.307.240
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.085.269.594	1.126.431.388
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	15(a)	274.327.697.589	184.229.200.771
Phải trả người lao động	314		22.390.483.000	25.697.004.929
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	16.543.647.139	16.238.511.550
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	214.081.801.970	432.356.558
Vay ngắn hạn	320	18(a)	548.042.895.691	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	4.608.373.211	6.590.039.709
Nợ dài hạn	330		1.825.293.054.924	1.818.197.785.765
Phải trả người bán dài hạn	331	14	95.970.720.475	44.361.088.013
Phải trả dài hạn khác	337		3.956.393.122	-
Vay dài hạn	338	18(b)	1.725.365.941.327	1.772.882.117.629
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	954.580.123
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.842.398.054.397	5.585.133.606.693
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.842.398.054.397	5.585.133.606.693
Vốn cổ phần	411	21	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		128.754.171.541	74.872.484.114
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(48.049.098.769)	(13.698.103.037)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.670.476.932	44.452.164.359
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.481.250.828.449	1.205.125.354.288
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		411.338.775.838	552.664.321.663
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.069.912.052.611	652.461.032.625
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		50.771.676.244	50.381.706.969
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.061.225.894.359	7.674.288.244.603

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

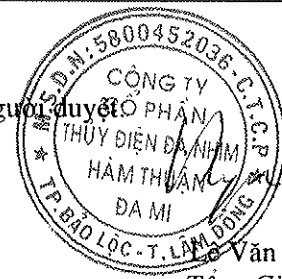


Lê Xuân Phong
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
 Kế toán trưởng



Văn Quang
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.398.560.602.153	1.663.635.765.665
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	789.098.811.425	792.201.357.632
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.609.461.790.728	871.434.408.033
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	131.341.733.880	123.774.752.644
Chi phí tài chính	22	28	92.148.896.115	108.629.790.698
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		48.941.728.266	56.779.965.296
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	24	5(b)	12.020.998.350	(13.365.954.439)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	58.754.767.277	54.381.779.308
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}	30		1.601.920.859.566	818.831.636.232
Thu nhập khác	31		126.758.482	480.630.293
Chi phí khác	32		1.078.134.584	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(951.376.102)	480.630.293
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.600.969.483.464	819.312.266.525
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	316.746.641.701	159.650.031.461
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(954.580.123)	954.580.123
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.285.177.421.886	658.707.654.941

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	60		1.285.177.421.886	658.707.654.941
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.281.112.052.611	652.461.032.625
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.065.369.275	6.246.622.316
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.033	1.545

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:




Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng




Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2018	2017
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.600.969.483.464	819.312.266.525
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		240.641.060.532	303.253.801.092
Các khoản dự phòng	03		-	46.750.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		43.207.167.849	28.604.398.741
Lãi tiền gửi	05		(126.733.502.533)	(115.599.727.741)
Cổ tức được chia	05		(4.500.975.900)	(7.778.580.740)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		-	(307.425.454)
(Lãi)/lỗ từ công ty liên kết	05		(12.020.998.350)	13.365.954.439
Chi phí lãi vay	06		48.941.728.266	56.779.965.296
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.790.503.963.328	1.097.677.402.158
Biến động các khoản phải thu	09		245.559.869.740	(719.183.455.090)
Biến động hàng tồn kho	10		(5.204.420.188)	51.225.866.198
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		13.908.743.333	56.444.800.794
Biến động chi phí trả trước	12		19.166.968.651	(40.348.891.183)
			2.063.935.124.864	445.815.722.877
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.788.333.546)	(67.717.173.394)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(195.848.847.686)	(184.315.580.405)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20.348.244.948)	(16.964.112.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.828.949.698.684	176.818.856.295

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(896.052.785.156)	(338.036.199.955)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	307.425.454
Tiền chi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.428.788.746.881)	(445.838.770.100)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24	494.817.781.781	1.612.266.239.651
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.200.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	26.252.326.122	57.017.769.796
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(1.803.771.424.134)	879.516.464.846
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31	3.967.500.000	6.935.500.000
Tiền thu từ đi vay	33	420.321.891.861	405.823.885.387
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.226.313.202)	(714.112.309.001)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông	36	(687.326.129.728)	(349.406.129.728)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(5.242.900.000)	(2.967.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(272.505.951.069)	(653.726.813.342)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(247.327.676.519)	402.608.507.799
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	460.210.215.393	57.625.548.166
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(23.840.572)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	212.882.538.874	460.210.215.393

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

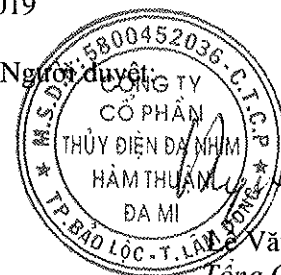


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng




Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và các lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã cổ phiếu là DNH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hơn 100 cổ đông và vốn cổ phần của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (1/1/2018: 4.224.000.000.000 VND).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	31/12/2018		1/1/2018	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu trực tiếp					
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	70%	70%	71,8%	70%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Sản xuất, truyền tải, và phân phối điện.	20%	20%	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty có 273 nhân viên (1/1/2018: 278 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính sẽ tăng 34.350.995.732 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 6.870.199.146 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 27.480.796.586 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: chi phí tài chính sẽ tăng 21.029.241.492 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 4.205.848.298 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 16.823.393.194 VND), số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 48.049.098.769 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 9.609.819.754 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 38.439.279.015 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 13.698.103.037 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 2.739.620.607 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 10.958.482.430 VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Nhóm Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định 10 về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	381.217.546	306.972.084
Tiền gửi ngân hàng	112.501.321.328	47.445.333.490
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	412.457.909.819
	<hr/>	<hr/>
	212.882.538.874	460.210.215.393

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 1 và 3 tháng kể từ ngày gửi, hưởng lãi suất năm lần lượt là 4,1% và 5,5% (2017: lần lượt là 0% và 6,6%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn		1.136.444.857.992	1.136.444.857.992		268.817.781.781	268.817.781.781
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn		66.000.000.000	66.000.000.000		-	-
▪ Trái phiếu (*)	798	7.980.000.000	(**)	500	5.000.000.000	(**)
		73.980.000.000			5.000.000.000	

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm dao động từ 5% đến 7% trong năm (2017: 6% đến 6,6% trong năm).

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn là tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm là 7% trong năm (2017: không).

(*) Bao gồm trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 5 tỷ VND (2017: 5 tỷ VND), phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 có kỳ hạn 10 năm và trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 2,98 tỷ VND (2017: không), phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng lần lượt là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018				1/1/2018							
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (i)	3.267.920	20%	20%	39.637.821.208	-	(*)	3.267.920	20%	20%	27.616.822.858	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác												
• Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	78.661.604.500	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	33.280.000.000	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	(*)
				<u>37.360.000.000</u>	-		<u>37.360.000.000</u>			<u>37.360.000.000</u>	-	
				<u>76.997.821.208</u>	-		<u>76.997.821.208</u>			<u>64.976.822.858</u>	-	

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	27.616.822.858	34.782.777.297
Tăng khoản đầu tư trong năm	-	6.200.000.000
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	12.020.998.350	(13.365.954.439)
	39.637.821.208	27.616.822.858

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình

	Tổng tài sản	Tổng nợ phải trả	Tổng vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận thuần sau thuế
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	833.447.265.592	634.477.138.406	198.970.127.186	59.959.323.699
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	836.375.288.624	697.364.485.137	139.010.803.487	(64.745.752.664)

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Mua Bán Điện	690.253.022.770	963.256.374.150
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	9.187.709.547	6.423.826.581
Các khách hàng khác	3.283.351.795	3.469.378.321
	702.724.084.112	973.149.579.052
	702.724.084.112	973.149.579.052

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Mua Bán Điện	690.253.022.770	963.256.374.150
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	9.187.709.547	6.423.826.581
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	1.107.867.130
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	-	7.604.300
	690.253.022.770	973.149.579.052
	690.253.022.770	973.149.579.052

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.746.011.560	44.497.840.632
Cổ tức được chia	-	896.000.000
Ký quỹ	1.021.529.016	4.584.098.342
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	2.581.748.064	211.167.440
Phải thu khác	7.137.985.490	900.000.835
	85.487.274.130	51.089.107.249
	85.487.274.130	51.089.107.249

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Nguyên vật liệu	38.711.665.196	34.494.317.204
Công cụ và dụng cụ	552.002.186	547.232.593
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.831.069.487	895.991.649
	<hr/>	<hr/>
	41.094.736.869	35.937.541.446
	<hr/>	<hr/>

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2018	Biến động trong năm		31/12/2018
		Tăng	Giảm	
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi (b)		- 200.000.000.000		- 200.000.000.000
		<hr/>		<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn	799.932.824.894	799.932.824.894
Khoản đến hạn thu trong vòng 12 tháng	(200.000.000.000)	-
	599.932.824.894	799.932.824.894
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	599.932.824.894	799.932.824.894

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2018	1/1/2018
			VND	VND
Phải thu về cho vay				
Tổng Công ty Phát điện 1				
Khoản cho vay 1	VND	2019	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản cho vay 2	VND	2020	150.000.000.000	150.000.000.000
Khoản cho vay 3	VND	2020	449.932.824.894	449.932.824.894
			799.932.824.894	799.932.824.894

Các khoản phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1, công ty mẹ, không có đảm bảo và có thời hạn cho vay là 5 năm. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Trong năm, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm dao động từ 8,5% đến 9%/năm (2017: 8,5% đến 9%/năm). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	8.229.757.400.799	4.194.345.110.830	61.258.637.507	44.016.241.138	253.880.507	12.529.631.270.781
Tăng trong năm	-	2.073.925.000	-	-	-	2.073.925.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.427.374.999	37.951.475.469	-	-	-	50.378.850.468
Phân loại lại	-	1.066.406.600	(1.066.406.600)	-	-	-
Số dư cuối năm	8.242.184.775.798	4.235.436.917.899	60.192.230.907	44.016.241.138	253.880.507	12.582.084.046.249
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.378.208.614.925	3.994.079.633.579	44.948.593.236	41.942.930.671	253.880.507	8.459.433.652.918
Khấu hao trong năm	182.461.078.316	53.998.450.247	3.037.269.537	991.378.628	-	240.488.176.728
Phân loại lại	-	1.066.406.600	(1.066.406.600)	-	-	-
Số dư cuối năm	4.560.669.693.241	4.049.144.490.426	46.919.456.173	42.934.309.299	253.880.507	8.699.921.829.646
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.851.548.785.874	200.265.477.251	16.310.044.271	2.073.310.467	-	4.070.197.617.863
Số dư cuối năm	3.681.515.082.557	186.292.427.473	13.272.774.734	1.081.931.839	-	3.882.162.216.603

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 2.880.092.559.856 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng (1/1/2018: 2.880.069.741.998 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản này hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 316.322.842.040 VND được thế chấp tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Ninh Thuận để đảm bảo cho chính khoản vay ngân hàng này của Nhóm Công ty (1/1/2018: là 330.195.244.604 VND) (thuyết minh 18(b)).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	387.250.854
Khấu hao trong năm	152.883.804
Số dư cuối năm	540.134.658
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.141.587.203
Số dư cuối năm	988.703.399

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	720.972.109.699	285.114.113.350
Tăng trong năm	1.126.942.504.122	432.623.209.208
Lãi vay vốn hóa trong năm	7.170.325.458	3.234.787.141
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.378.850.468)	-
Số dư cuối năm	1.804.706.088.811	720.972.109.699

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (*)	1.170.048.389.689	615.280.109.895
Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi (**)	472.216.239.013	3.947.208.895
Các công trình khác	162.441.460.109	101.744.790.909
	1.804.706.088.811	720.972.109.699

(*) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2019. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (thuyết minh 18(b)).

(**) Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu của Dự án nhằm bổ sung vào hệ thống điện Quốc gia nguồn năng lượng sạch, với công suất 47.5 MW. Tổng mức đầu tư dự kiến 1.312.917.000.000 VND. Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn của chủ đầu tư (30%), vốn vay thương mại trong nước (20%) và vốn vay nước ngoài (50%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2019.

13. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	41.755.655.703	1.787.535.976	43.543.191.679
Tăng trong năm	2.317.407.025	1.203.689.496	3.521.096.521
Phân bổ trong năm	(21.671.747.853)	(991.768.828)	(22.663.516.681)
Số dư cuối năm	22.401.314.875	1.999.456.644	24.400.771.519

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Powerchina Huadong Engineering Corporation Limited	167.150.383.884	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	61.491.762.346	43.675.231.183
GE Power India Limited	32.513.446.998	8.582.100.264
Viện Nghiên cứu Cơ khí	96.223.385.417	21.170.788.683
Các nhà cung cấp khác	51.046.358.674	7.576.275.123
	408.425.337.319	81.004.395.253

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	312.454.616.844	36.643.307.240
Dài hạn	95.970.720.475	44.361.088.013
	408.425.337.319	81.004.395.253

Khoản phải trả người bán dài hạn sẽ được hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình dự kiến trong năm 2020.

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.080.082.440	2.972.152.672
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	96.461.932	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	45.745.920	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	48.466.160

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	50.892.774.145	239.989.921.754	(288.671.167.333)	2.211.528.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.127.847.686	316.746.641.701	(195.848.847.686)	194.025.641.701
Thuế thu nhập cá nhân	858.268.254	7.803.774.062	(6.583.460.151)	2.078.582.165
Thuế tài nguyên	34.339.298.071	266.998.660.227	(276.941.557.779)	24.396.400.519
Các loại thuế khác	25.011.012.615	160.477.664.621	(133.873.132.598)	51.615.544.638
	184.229.200.771	992.016.662.365	(901.918.165.547)	274.327.697.589

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.759.339	753.253.387	(753.253.387)	13.759.339

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	16.543.647.139	15.267.301.001
Chi phí phải trả khác	-	971.210.549
	<hr/>	<hr/>
	16.543.647.139	16.238.511.550
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	213.600.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	481.801.970	432.356.558
	<hr/>	<hr/>
	214.081.801.970	432.356.558
	<hr/>	<hr/>

18. Vay**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm	31/12/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	548.042.895.691	- 548.042.895.691
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.772.882.117.629	2.361.531.970.274
Giải ngân trong năm	420.321.891.861	405.823.885.387
Trả gốc trong năm	(4.226.313.202)	(714.112.309.001)
Cần trừ với khoản phải thu khách hàng (thuyết minh 34)	-	(253.655.590.943)
Cần trừ với tiền gửi có kỳ hạn (thuyết minh 34)	-	(74.288.472.222)
Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(548.042.895.691)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	84.431.140.730	47.582.634.134
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.725.365.941.327	1.772.882.117.629

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Năm			31/12/2018	1/1/2018
	Tiền tệ	đáo hạn	Lãi suất năm	VND	VND
Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam					
Khoản vay 1 (i)	JPY	2020	3,21%	832.412.924.827	794.079.153.563
Khoản vay 2 (ii)	JPY	2021	2,75%	122.510.492.116	117.637.095.531
Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực					
Khoản vay 1 (iii)	JPY	2044	0,91% - 1,4%	1.006.691.746.449	587.629.877.215
Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận					
Khoản vay 1 (iv)	VND	2029	Lãi suất biến đổi	311.793.673.626	273.535.991.320
				<hr/>	<hr/>
				2.273.408.837.018	1.772.882.117.629

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 05/2007/ĐN/EVN/TCKT ngày 30 tháng 8 năm 2007. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và chịu lãi suất năm là 3,21%/năm. Thời hạn cho vay lại là 11 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (iii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,91%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 12) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu công suất lắp máy 160MW (thuyết minh 10).
- (iv) Theo hợp đồng vay số 1/4/HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2011. Khoản vay được sử dụng để thanh toán một phần chi phí thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2. Khoản vay có thời hạn cho vay là 18 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên, trong đó có 2 năm ân hạn. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Ninh Thuận tại thời điểm giải ngân và thời điểm điều chỉnh lãi suất theo định kỳ 6 tháng 1 lần (+) cộng phí thỏa thuận là 2.5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 316.322.842.040 VND (1/1/2018: 330.195.244.604 VND) (thuyết minh 10).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	6.590.039.709	4.731.926.692
Trích lập trong năm (thuyết minh 20)	18.366.578.450	18.822.225.800
Sử dụng trong năm	(20.348.244.948)	(16.964.112.783)
Số dư cuối năm	<u>4.608.373.211</u>	<u>6.590.039.709</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.224.000.000.000	67.787.710.660	7.331.138.455	20.480.114.976	1.024.943.370.300	40.167.344.653	5.384.709.679.044
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	6.935.500.000	6.935.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	652.461.032.625	6.246.622.316	658.707.654.941
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(422.400.000.000)	(2.967.760.000)	(425.367.760.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	7.084.773.454	-	(7.084.773.454)	-	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	31.056.822.837	(31.056.822.837)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.822.225.800)	-	(18.822.225.800)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(21.029.241.492)	-	-	-	(21.029.241.492)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.224.000.000.000	74.872.484.114	(13.698.103.037)	44.452.164.359	1.205.125.354.288	50.381.706.969	5.585.133.606.693
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	3.967.500.000	3.967.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.281.112.052.611	4.065.369.275	1.285.177.421.886
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(760.320.000.000)	(5.242.900.000)	(765.562.900.000)
Tam ứng cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(211.200.000.000)	(2.400.000.000)	(213.600.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	53.881.687.427	-	(53.881.687.427)	-	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.100.000.000	(15.100.000.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.366.578.450)	-	(18.366.578.450)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(34.350.995.732)	-	-	-	(34.350.995.732)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.224.000.000.000	128.754.171.541	(48.049.098.769)	5.670.476.932	1.481.250.828.449	50.771.676.244	5.842.398.054.397

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	VND
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một thành viên	99,93%	422.103.100	4.221.031.000.000
Các cổ đông khác	0,07%	296.900	2.969.000.000
	100%	422.400.000	4.224.000.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan đến xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 10 (thuyết minh 3(b)(ii)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 760.320 triệu VND, tương ứng 18% vốn điều lệ của Công ty (2017: 422.400 triệu VND, tương ứng 10% vốn điều lệ của Công ty).

Theo Nghị quyết số 165/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 11 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 211.200 triệu VND, tương ứng 5% vốn điều lệ của Công ty.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	181.183	4.106.006.450	267.546,74	6.062.581.139

(b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.665.904.880.720	2.134.979.154.577
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.539.859.042.097	1.002.292.475.051
	<u>3.205.763.922.817</u>	<u>3.137.271.629.628</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2018	2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	2.385.079.816.822	1.647.589.257.830
▪ Cung cấp dịch vụ	13.480.785.331	16.046.507.835
	2.398.560.602.153	1.663.635.765.665

26. Giá vốn hàng bán

	2018	2017
	VND	VND
Giá vốn bán điện	779.746.772.283	780.977.719.441
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	9.352.039.142	11.223.638.191
	789.098.811.425	792.201.357.632

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018	2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	126.733.502.533	115.599.727.741
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.500.975.900	7.778.580.740
Lãi chênh lệch tỷ giá	107.255.447	396.444.163
	131.341.733.880	123.774.752.644

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	48.941.728.266	56.779.965.296
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	-	23.245.426.661
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	43.207.167.849	28.604.398.741
	<hr/>	<hr/>
	92.148.896.115	108.629.790.698
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	38.693.951.922	34.485.792.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	997.754.084	2.499.900.676
Thuế, phí và lệ phí	845.986.652	832.252.772
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	588.506.542	686.010.168
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	287.141.830	480.198.893
Chi phí dự phòng	-	46.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.725.305.235	9.414.284.791
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.616.121.012	5.936.589.464
	<hr/>	<hr/>
	58.754.767.277	54.381.779.308
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	37.968.106.147	33.732.379.706
Chi phí nhân công	102.764.539.545	101.086.389.787
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	817.025.372	454.622.347
Chi phí khấu hao và phân bổ	240.641.060.532	303.253.801.092
Thuế, phí và lệ phí	406.892.810.475	345.298.787.247
Chi phí dự phòng	-	46.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.626.325.944	26.834.477.277
Chi phí khác	33.758.917.021	36.650.547.576
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	316.666.272.336	159.619.378.631
Dự phòng thiếu trong những năm trước	80.369.365	30.652.830
	<hr/> 316.746.641.701	<hr/> 159.650.031.461
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
(Hoàn nhập)/phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(954.580.123)	954.580.123
	<hr/> 315.792.061.578	<hr/> 160.604.611.584

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.600.969.483.464	819.312.266.525
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	320.193.896.693	163.862.453.305
Thuế của phần thu nhập không bị tính thuế	(3.304.394.850)	(1.555.716.148)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	2.309.330
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	-	954.580.123
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.606.902.779	135.050.198
Dự phòng thiếu trong những năm trước	80.369.365	30.652.830
Ưu đãi thuế	(2.784.712.409)	(2.824.718.054)
	<hr/> 315.792.061.578	<hr/> 160.604.611.584

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2017: 20%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2017: 20%). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ dự án đầu tư mở rộng thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	1.281.112.052.611	652.461.032.625

(*) Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại Hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	422.400.000	422.400.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2018, Nhóm Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2018	2017
	VND	VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	2.186.893.067	2.083.140.586
Chi phí lãi vay	29.129.041.576	32.932.313.876
Khoản vay đã trả	-	922.856.372.166
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Phát điện 1		
Lãi vay phải thu	72.587.237.752	72.993.870.272
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình		
Góp vốn	-	6.200.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	2.325.221.494.075	1.576.312.192.426
Tổng Công ty điện lực Miền Nam		
Bán điện	61.562.650.912	71.277.065.404
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Vay	370.667.570.895	300.689.098.246
Chi phí lãi vay	7.170.325.458	3.234.787.141
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	3.129.529.074	1.652.211.901
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Cung cấp dịch vụ	679.448.632	327.289.751
Chi phí dịch vụ	9.050.204.042	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Chi phí dịch vụ	1.113.716.872	3.253.597.805
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Cổ tức được chia	2.836.975.900	4.771.277.700

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ Cổ tức được chia	1.664.000.000	3.007.303.040
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh Cung cấp dịch vụ	54.300.000	63.299.570
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung Cung cấp dịch vụ	114.990.000	509.281.000
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam Cung cấp dịch vụ	71.400.000	15.400.000
Chi phí dịch vụ	463.559.985	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng Cung cấp dịch vụ	97.419.932	30.326.000
Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam Chi phí dịch vụ	126.000.000	-
Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam Chi phí dịch vụ	850.372.646	-
Tổng Giám đốc Tiền lương	720.884.000	741.722.000
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc Tiền lương	1.637.528.000	1.171.625.700
Hội đồng Quản trị Tiền lương và thù lao	1.226.031.600	1.188.313.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2018	2017
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	240.133.969.424	109.373.369.451
Thanh toán gốc vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	-	253.655.590.943
Thanh toán gốc vay bằng cách cắt trừ với tiền gửi có kỳ hạn	-	74.288.472.222
Chi trả cổ tức bằng cách cắt trừ với lãi vay phải thu	72.993.870.272	72.993.870.272
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	2.636.111.111	27.879.350.007
Thanh toán lãi vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	28.877.048.582	-
Thanh toán lãi vay bằng cách cắt trừ với tiền gửi có kỳ hạn	-	350.000.000

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

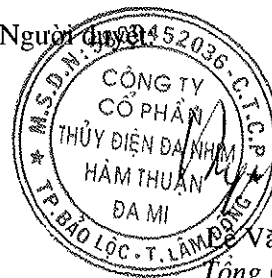


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

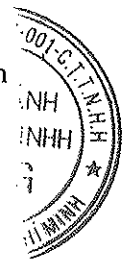
Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Văn Quang
Tổng Giám đốc



DỰ THẢO TỜ TRÌNH
Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

HDQT Công ty xin ý kiến Đại hội phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đ)	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận sau thuế	1.282.463.513.110	
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	65.043.372.273	
3	Phân phối lợi nhuận	1.347.506.885.383	100%
3.1	Cổ tức (18%)	760.320.000.000	56,42
	<i>Trong đó: đã tạm ứng 10%</i>	<i>422.400.000.000</i>	
3.2	Quỹ Đầu tư phát triển	384.739.053.933	28,55
3.3	Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty	637.005.600	0,05
3.4	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	17.031.250.000	1,26
3.5	Lợi nhuận để lại	184.779.575.850	13,71

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2019;
- HDQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Oánh

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019

Thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về hoạt động kiểm soát năm 2018, tình hình và kết quả SXKD của Công ty và kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc của cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi năm 2018 như sau:

I. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát Công ty đã triển khai làm việc theo kế hoạch đề ra, làm việc trung thực, cẩn trọng và khách quan vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật DN và Điều lệ Công ty DHD. Kết quả hoạt động như sau:

1. Thực hiện đầy đủ chế độ làm việc, tuân thủ chế độ báo cáo theo Quy chế: Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị Công ty, qua đó nắm bắt chủ trương và chỉ đạo của HĐQT, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban TGD, phối hợp với Ban điều hành nhằm nâng cao công tác quản trị trong Công ty phấn đấu đạt các mục tiêu ĐHCĐ năm 2018.

2. Hoàn thành chương trình, nhiệm vụ kiểm soát hàng năm: Sau ĐHCĐ thường niên năm 2018, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, chương trình kiểm soát. Theo đó trong năm 2018, Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát định kỳ 6 tháng/lần đối với các hoạt động của Công ty.

Sau mỗi đợt kiểm soát, Ban kiểm soát đều có báo cáo kết quả kiểm soát cùng các kiến nghị cụ thể để góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và điều hành của công ty (thể hiện trong Biên bản và Báo cáo kiểm soát năm 2018) nhằm thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018 và kế hoạch năm 2018 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.615,8	2.488,9	154
2	Tổng chi phí	Tr.đồng	938,4	889,7	94,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	677,4	1.599,2	236
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	541,9	1.282,5	237
5	Cổ tức	%	10	18	180

2. Kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2018

2.1 Đánh giá chung:

Báo cáo tài chính năm 2018 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo quy định hiện hành. Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định. Các tờ kê khai thuế được lập đúng thời hạn quy định hiện hành.

Theo ý kiến của Kiểm toán viên độc lập – Công ty TNHH KPMG, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty.

2.2 Một số nội dung chủ yếu trong BCTC tại thời điểm 31/12/2018

2.2.1 Báo cáo tài chính riêng:

1. Tài sản ngắn hạn	:	2.579,8 tỷ đồng
2. Tài sản dài hạn	:	6.088,6 tỷ đồng
Tổng cộng tài sản	:	8.668,4 tỷ đồng
3. Nợ phải trả	:	2.889,7 tỷ đồng
4. Vốn chủ sở hữu	:	5.778,7 tỷ đồng
Tổng cộng nguồn vốn	:	8.668,4 tỷ đồng

2.2.2 Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Tài sản ngắn hạn	:	2.596,3 tỷ đồng
2. Tài sản dài hạn	:	6.464,9 tỷ đồng
Tổng cộng tài sản	:	9.061,2 tỷ đồng
3. Nợ phải trả	:	3.218,8 tỷ đồng
4. Vốn chủ sở hữu	:	5.842,4 tỷ đồng
Tổng cộng nguồn vốn	:	9.061,2 tỷ đồng

2.3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	76	70
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	24	30
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	33	50
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25	33
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	75	67
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	5,54	1,84
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	5,67	1,87
4	Hiệu quả			
	Tỷ suất LNST /VCSH	%	15,36	30,06
	Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	37,95	51,53

Phân tích các chỉ số tài chính cơ bản năm 2018 cho thấy:

- Hệ số Tài sản dài hạn/Tổng tài sản năm 2018 là 70% tăng so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm phát sinh nhiều làm cho hệ số này tăng lên.

- Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn như: Hệ số nợ phải trả trên tổng nguồn vốn, hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn đều tăng so với cuối năm 2017 do một số nguyên nhân chủ yếu: Ghi nhận các khoản nợ nhà thầu chưa đến thời hạn thanh toán và khoản vay thực hiện dự án Đa Nhim mở rộng và dự án Điện mặt trời Đa Mi; ghi nhận khoản tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 và khoản thuế phải nộp tăng do kết quả kinh doanh thuận lợi.

- Các hệ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh cả Công ty đều thấp hơn cuối năm 2017 do Công ty đã ghi nhận số dư vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2019 (năm 2018 Công ty không hạch toán khoản vay dài hạn đến hạn trả do đã trả trước vào năm 2017). Tuy nhiên các hệ số này vẫn ở mức cao cho thấy tình hình tài chính vẫn lành mạnh của Công ty.

Tóm lại: Mặc dù các chỉ số tài chính của năm 2018 không tốt bằng năm 2017 nhưng tình hình tài chính của Công ty vẫn lành mạnh, đã bảo toàn và phát triển vốn.

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua các số liệu tài chính của Công ty như kết quả BKS công ty đã thẩm tra xem xét.

3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban TGD

Trong năm 2018, HĐQT đã giám sát chỉ đạo chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. HĐQT đã phối hợp tốt cùng với Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ 2018 đề ra.

Trong năm 2018 HĐQT đã tiến hành họp 5 lần đề ra các Nghị quyết nhằm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và 91 lượt xin ý kiến bằng văn bản đề ra các Nghị quyết, quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư tuân thủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Nhìn chung, trong năm 2108 Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra, các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra năm 2018 Công ty đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

III. KIẾN NGHỊ

Năm 2018, HĐQT và Ban TGD Công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo, điều hành, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, EVN/EVNGENCO1, hoàn thành vượt mức cố tức kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên 2018 đề ra. Qua công tác giám sát, kiểm tra Ban Kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

1. Đối với Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim:

- Bám sát Bộ Công thương xem xét chấp thuận việc điều chỉnh tiến độ dự án do ảnh hưởng của việc tiến độ đào hầm bằng TBM kéo dài.

- Tiếp tục bám sát các cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy phép hoạt động điện lực cho NMTĐ Đa Nhim mở rộng với công suất 45MW và giá bán điện để đưa tổ máy H5 vào vận hành thương.

- Phối hợp với Ban quản lý dự án, nhà thầu, TVGS và các cơ quan liên quan tìm kiếm các giải pháp khắc phục khó khăn để sớm hoàn thành toàn bộ dự án.

- Rà soát hồ sơ, chi phí để chuẩn bị cho công tác quyết toán dự án.

2. Đối với dự án điện mặt trời Đa Mi:

- Bám sát Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan sớm thông qua được thỏa thuận vay vốn với ADB.

- Tiếp tục phối hợp với địa phương vận động các hộ dân chấp thuận phương án đền bù, bàn giao toàn bộ mặt bằng cho dự án.

- Đôn đốc các nhà thầu huy động nhân lực, máy móc, phương tiện, đẩy nhanh tiến độ đảm bảo dự án phát điện trong Quý II/2019.

- Có phương án bố trí nhân sự; đào tạo tiếp quản dự án Điện mặt trời Đa Mi khi hoàn thành đưa vào khai thác vận hành an toàn, hiệu quả.

3. Tiếp tục hoàn thiện công tác mua sắm vật tư thiết bị, khắc phục các tồn tại Ban kiểm soát đã nêu trong các biên bản kiểm soát.

4. Tăng cường công tác quản lý việc mua sắm, sử dụng vật tư thiết bị trong năm 2019 để giảm lượng hàng tồn kho cuối năm.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Năm 2019, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Giám sát việc chấp hành và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019, phối hợp và giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích của cổ đông và quyền lợi của người lao động.

Nhằm thực hiện tốt mục tiêu trong năm 2019, Ban kiểm soát phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời.

- Thực hiện kiểm soát định kỳ 6 tháng/lần theo quy định.

- Nắm bắt các cơ chế, chính sách mới nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- TV BKS;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Ngô Thế Long

BAN KIỂM SOÁT

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi;

Để phục vụ cho công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 được kịp thời, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập theo quy định, đảm bảo đơn vị được lựa chọn là Công ty kiểm toán có uy tín, có đủ điều kiện hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Ngô Thế Long

DỰ THẢO TỜ TRÌNH
Về việc thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và
tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và Ban Kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty như sau:

1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018:

(Đơn vị: đồng)

Stt	Nội dung	Số người	Thực hiện
1.	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	966.456.000
2.	Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	1	798.336.000
3.	Thù lao Kiểm soát viên	2	306.028.800
	Tổng Cộng		2.070.820.800

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019:

(Đơn vị: đồng)

Stt	Nội dung	Số người	Kế hoạch
1.	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	871.499.840
2.	Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	1	720.000.000
3.	Thù lao Kiểm soát viên	2	276.000.000
	Tổng Cộng		1.867.499.840

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, P.HCLD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Oánh

DỰ THẢO TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi cụ thể như sau:

- Thay đổi nội dung tại Khoản 2, Điều 21. Tổ chức công bố thông tin, Chương IX. Báo cáo và công bố thông tin của Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi. Trong đó:

+ Nội dung cũ: “Người công bố thông tin là Kế toán trưởng hoặc người điều hành khác của Công ty”

+ Nội dung mới: “Người công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật”

Tài liệu đính kèm theo:

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-TĐĐHĐ 27/04/2018 của Hội đồng quản trị Công ty;

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.
Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, P.HCLD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Oánh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI



Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn

Trang: 2/1

DỰ THẢO BIÊN BẢN
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

I. Thời gian và địa điểm

1. Thời gian: Vào lúc 08h30 ngày 26 tháng 04 năm 2019.
2. Địa điểm: Tại văn phòng Công ty, số 80A Trần Phú, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

II. Thành phần tham dự

- Các thành viên Hội đồng quản trị gồm:
 - + Ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch;
 - + Ông Lê Văn Quang - Ủy viên;
 - + Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy Viên.
- Các thành viên Ban Kiểm soát gồm:
 - + Ông Ngô Thế Long - Trưởng Ban;
 - + Ông Hoàng Văn Long - Thành viên;
 - + Bà Hoàng Thị Thanh Hương - Thành viên.
- Các cổ đông/đại diện cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 29/03/2019 và đăng ký tham dự Đại hội.

III. Nội dung Đại hội

1. Các thủ tục khai mạc Đại hội

1.1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự

- Tuyên bố lý do.
- Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự.

1.2. Kiểm tra tư cách cổ đông

Ông Lê Xuân Phong - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. Cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông có mặt tham dự Đại hội đại diện cho cổ phần, chiếm cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, sau khi kiểm tra, các cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đủ điều kiện tiến hành theo quy định.

1.3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, cử Thư ký Đại hội

- Ông Lê Thành Cẩm - Thành viên Ban Tổ chức - giới thiệu Đoàn Chủ tịch lên điều hành Đại hội gồm:

- + Ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội.
- + Ông Lê Văn Quang - Ủy viên Hội đồng quản trị.
- + Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy viên Hội đồng quản trị.

- Đoàn Chủ tịch cử ông Trịnh Quang Tiến Phước và ông Nguyễn Ngọc Tuấn làm thư ký Đại hội.

Đại hội thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100%.

1.4. Bầu Ban kiểm tra kết quả biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội

Đoàn chủ tịch giới thiệu các thành viên Ban kiểm tra kết quả biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội gồm:

- Ông Lê Xuân Phong - Trưởng Ban;
- Ông Đặng Như Tấn - Thành viên;
- Bà Nhâm Thị Huyền Thao - Thành viên.

Đại hội thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100%.

1.5. Thông qua chương trình Đại hội, quy chế tổ chức Đại hội và Quy định thể lệ biểu quyết

- Đại hội thống nhất thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội và Quy định thể lệ biểu quyết đề Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành đạt: 100%.

2. Các Báo cáo được trình bày tại Đại hội

- Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy viên Hội đồng quản trị trình bày:
 - + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch năm 2019.
- Ông Lê Văn Quang - Ủy viên Hội đồng quản trị trình bày:
 - + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về tình hình quản lý Công ty năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.
- Ông Ngô Thế Long - Trưởng Ban Kiểm soát trình bày:
 - + Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
 - + Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
- Bà Phạm Thị Hồng Hà - Kế toán trưởng Công ty trình bày:
 - + Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2018.
 - + Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.
- Ông Lê Thành Cẩm - PP.HCLĐ Công ty trình bày:
 - + Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và BKS.
 - + Tờ trình đề nghị thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

IV. Ý kiến thảo luận của các cổ đông:

- Các cổ đông đã thảo luận các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thông qua.

V. Kết quả biểu quyết:

Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

STT	Các nội dung biểu quyết	Kết quả biểu quyết
1	Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch năm 2019.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
2	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về tình hình quản lý công ty năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
3	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
4	Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
5	Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và BKS.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
6	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
7	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
8	Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%

VI. Kết thúc Đại hội:

Biên bản này được Thư ký Đại hội lập đầy đủ, trung thực, đọc lại trước Đại hội và được Đại hội nhất trí thông qua.

Đại hội kết thúc vào 11h30' cùng ngày.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, TK.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nguyễn Trọng Oánh

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Trịnh Quang Tiến Phước

Nguyễn Ngọc Tuấn

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26/04/2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Nội dung	Thực hiện	Đơn vị
- Sản lượng điện sản xuất	3.069	Tr.kWh
- Sản lượng điện thương phẩm	3.048	Tr.kWh
- Tổng doanh thu	2.488,99	Ti.đ
- Tổng chi phí	889,78	Ti.đ
- Lợi nhuận trước thuế	1.599,21	Ti.đ
- Cổ tức	18	%
- Đầu tư xây dựng - ĐTPT	885,26	Ti.đ
- Đầu tư tài chính	0	Ti.đ

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Nội dung	Kế hoạch	Đơn vị
----------	----------	--------

- Sản lượng điện sản xuất	2.665	Tr.kWh
- Sản lượng điện thương phẩm	2.640	Tr.kWh
- Tổng doanh thu	1.717,99	Ti.đ
- Tổng chi phí	1.030,73	Ti.đ
- Lợi nhuận trước thuế	687,27	Ti.đ
- Cổ tức	10	%
- Đầu tư xây dựng – ĐTPT	1.010,49	Ti.đ

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 với những nội dung chính như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng

1.1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	1.780.751	2.579.793
2. Tài sản dài hạn	5.549.785	6.088.580
Tổng cộng tài sản	7.330.536	8.668.373
3. Nợ phải trả	1.810.499	2.889.649
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.520.037	5.778.724
Tổng cộng nguồn vốn	7.330.536	8.668.373

1.2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018

- Tổng doanh thu: 2.451.845 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 889.780 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.599.210 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.282.464 triệu đồng.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	1.802.308	2.596.281
2. Tài sản dài hạn	5.871.980	6.464.945
Tổng cộng tài sản	7.674.288	9.061.226
3. Nợ phải trả	2.089.154	3.218.828

4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.534752	5.791.626
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	50.381	50.772
Tổng cộng nguồn vốn	7.674.288	9.061.226

2.2 Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018

- Tổng doanh thu: 2.530.027 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 929.058 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.600.969 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.285.177 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 4.065 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 1.281.112 triệu đồng

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về tình hình quản lý Công ty năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Điều 5. Thông qua ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập theo quy định, đảm bảo đơn vị được lựa chọn là Công ty kiểm toán có uy tín, có đủ điều kiện hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 6. Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

1. Lương, thù lao thực hiện HĐQT, BKS năm 2018: Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 của HĐQT, BKS là 2.070.820.800 đồng.

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và BKS: Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và BKS là 1.867.449.840 đồng.

Điều 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

(ĐVT: Đồng)

STT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận sau thuế	1.282.463.513.110	
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	65.043.372.273	
3	Phân phối lợi nhuận (1) +.....+ (5)	1.347.506.885.383	100%
3.1	Cổ tức (18%)	760.320.000.000	56,42
	<i>Trong đó: đã tạm ứng 10%</i>	<i>422.400.000.000</i>	
3.2	Quỹ Đầu tư phát triển	384.739.053.933	28,55
3.3	Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty	637.005.600	0,05

3.4	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	17.031.250.000	1,26
3.5	Lợi nhuận để lại	184.779.575.850	13,71

Điều 9. Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn.

Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo chức năng nhiệm vụ của mình, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Nơi nhận:

- Các cổ đông của Công ty;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nguyễn Trọng Oánh